

# BÁO CÁO KHẢO SÁT

HỖ TRỢ CHÍNH PHỦ ĐÁNH GIÁ THỰC THI  
CÔNG ƯỚC CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ CHỐNG  
THAM NHŨNG (UNCAC) Ở VIỆT NAM NĂM 2011



Minh bạch Quốc tế (TI) là một phong trào toàn cầu về đấu tranh phòng, chống tham nhũng. TI bao gồm 100 văn phòng quốc gia trên thế giới và một Ban thư ký Quốc tế tại Berlin, Đức. Các văn phòng quốc gia của TI là các tổ chức xã hội dân sự độc lập, đăng ký hoạt động tại nước sở tại và trực thuộc phong trào TI quốc tế. Mục tiêu của TI là nâng cao nhận thức về tác hại của tham nhũng và phối hợp với các đối tác trong chính phủ, giới doanh nghiệp và xã hội dân sự để xây dựng và thực hiện hiệu quả các biện pháp chống tham nhũng.

[www.transparency.org](http://www.transparency.org)

Tổ chức Hướng tới Minh bạch (TT) là một tổ chức tư vấn phi lợi nhuận tại Việt Nam, được thành lập năm 2008 với mục đích góp phần vào các nỗ lực quốc gia trong việc thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong phòng, chống tham nhũng. Tháng 3 năm 2009, TT trở thành Cơ quan đầu mối của TI tại Việt Nam. Với vai trò này, TT hỗ trợ và điều phối các hoạt động của TI tại Việt Nam, trong khuôn khổ Chương trình TI Việt Nam về “Tăng cường nhu cầu phòng, chống tham nhũng cho khu vực nhà nước, tư nhân và xã hội, giai đoạn 2009-2012”.

[www.towardstransparency.vn](http://www.towardstransparency.vn)

Khảo sát này được thực hiện trong khuôn khổ Chương trình TI Việt Nam, với sự tài trợ của Bộ Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh, Đại sứ quán Phần Lan, Cơ quan Viện trợ Ailen, và Đại sứ quán Thụy Điển.

Nhóm nghiên cứu gồm TS. Vũ Công Giao, giảng viên Khoa Luật- Đại học Quốc gia Hà Nội và PGS. TS. Tường Duy Kiên, Viện Nghiên cứu Quyền con người, Học viện Chính trị- Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh. Các nghiên cứu viên thực hiện khảo sát và lập báo cáo này với tư cách các tư vấn viên độc lập.

Báo cáo do TI và TT hoàn thiện và chịu trách nhiệm về mặt nội dung

Chúng tôi đã hết sức cố gắng đảm bảo độ chính xác của thông tin trong báo cáo. Tính tới tháng 8 năm 2011, mọi thông tin nêu trong báo cáo đều chính xác. Tuy nhiên, các tác giả không chịu trách nhiệm về hậu quả của việc sử dụng báo cáo này vì các mục đích khác hoặc trong các bối cảnh khác.

**Ảnh bìa:** © Andrea Figari

© 2011 Transparency International. All rights reserved.

# MỤC LỤC

|                                                                                                                                                                                           |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>CÁC CHỮ VIẾT TẮT</b>                                                                                                                                                                   | <b>4</b>  |
| <b>PHẦN I: KHÁI QUÁT VỀ BÁO CÁO</b>                                                                                                                                                       | <b>5</b>  |
| 1.1. Bối cảnh, mục đích của việc xây dựng Báo cáo                                                                                                                                         | 5         |
| 1.2. Tiến trình và phương pháp xây dựng Báo cáo                                                                                                                                           | 5         |
| 1.3. Những thuận lợi, khó khăn và giới hạn của khảo sát                                                                                                                                   | 6         |
| 1.4. Tóm tắt những kết luận và khuyến nghị trong Báo cáo                                                                                                                                  | 7         |
| <b>PHẦN II: SỰ THAM GIA CỦA CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI DÂN SỰ VÀO QUÁ TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC THI UNCAC CỦA CHÍNH PHỦ</b>                                                                     | <b>11</b> |
| <b>PHẦN III: VIỆC NỘI LUẬT HÓA MỘT SỐ QUI ĐỊNH CHỦ CHỐT TRONG CHƯƠNG III CỦA UNCAC</b>                                                                                                    | <b>13</b> |
| <b>PHẦN IV: VẤN ĐỀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP TRONG TRƯỜNG HỢP THIẾU ĐIỀU KIỆN CÙNG HÌNH SỰ HÓA</b>                                                                                                | <b>25</b> |
| <b>PHẦN V: VẤN ĐỀ THỰC THI PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG</b>                                                                                                                          | <b>26</b> |
| <b>PHẦN VI: TIẾP CẬN THÔNG TIN VỀ CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG</b>                                                                                                                              | <b>28</b> |
| <b>PHẦN VII: NHỮNG PHÁT TRIỂN ĐÁNG CHÚ Ý GẦN ĐÂY TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG Ở VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ VỀ NHỮNG HÀNH ĐỘNG NHÀ NƯỚC CẦN ƯU TIÊN THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI</b> | <b>32</b> |
| 7.1. Những phát triển đáng chú ý gần đây                                                                                                                                                  | 32        |
| 7.2. Khuyến nghị về những hành động ưu tiên                                                                                                                                               | 34        |
| <b>CHÚ THÍCH</b>                                                                                                                                                                          | <b>37</b> |
| <b>PHỤ LỤC 1: BẢNG HỎI LẤY Ý KIẾN ĐÓNG GÓP HỖ TRỢ CHÍNH PHỦ TRONG VIỆC TỰ ĐÁNH GIÁ THỰC THI CÔNG ƯỚC LIÊN HỢP QUỐC VỀ CHỐNG THAM NHƯNG Ở VIỆT NAM NĂM 2011</b>                            | <b>40</b> |
| <b>PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CỦA CÁC CHUYÊN GIA THAM GIA KHẢO SÁT</b>                                                                                                     | <b>49</b> |
| <b>PHỤ LỤC 3: MÔ TẢ TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG BÁO CÁO</b>                                                                                                                        | <b>51</b> |
| <b>PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH</b>                                                                                                                                      | <b>53</b> |

# PHẦN I: KHÁI QUÁT VỀ BÁO CÁO

## CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO

|                 |                                                                                                                  |
|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| AGRIBANK        | Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development)      |
| ASEANAPOL       | Hội nghị Tư lệnh cảnh sát các nước ASEAN                                                                         |
| BLHS            | Bộ luật Hình sự                                                                                                  |
| BLTTHS          | Bộ luật Tố tụng Hình sự                                                                                          |
| BIDV            | Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Bank for Investment and Development of Viet Nam)                        |
| CHXHCN Việt Nam | Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam                                                                               |
| COSEVCO         | Tổng công ty Xây dựng miền Trung (Midland Construction Corporation)                                              |
| Đề án 112       | Đề án tin học hóa bộ máy hành chính (của Chính phủ)                                                              |
| INTERPOL        | Tổ chức Cảnh sát Hình sự Quốc tế (International Criminal Police Organization)                                    |
| PMU18           | Đơn vị quản lý dự án (Project Management Unit) số 18, thuộc Bộ Giao thông Vận tải Việt Nam                       |
| TAND            | Tòa án Nhân dân                                                                                                  |
| TI              | Tổ chức Minh bạch Quốc tế (Transparency International)                                                           |
| TT              | Tổ chức Hướng tới Minh bạch (Towards Transparency)                                                               |
| UNCAC           | Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (United Nations Convention Against Corruption)                    |
| UNDP            | Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (United Nations Development Program)                                       |
| Viện KSND       | Viện Kiểm sát Nhân dân                                                                                           |
| VINACONEX       | Tổng Công ty Xuất-Nhập khẩu & Xây dựng Việt Nam (Vietnam Construction and Import-Export Joint Stock Corporation) |
| VINASHIN        | Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (Vietnam Shipbuilding Industry Group)                                     |

### 1.1. BỐI CẢNH, MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC XÂY DỰNG BÁO CÁO

Cùng với tiến trình toàn cầu hoá, tham nhũng đã vượt ra khỏi phạm vi biên giới của các quốc gia và trở thành vấn đề mang tính quốc tế. Trong bối cảnh đó, việc Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua Công ước về Chống tham nhũng (United Nations Convention Against Corruption) vào ngày 31/10/2003 (sau đây viết tắt theo tên tiếng Anh là UNCAC) đã đáp ứng được nhu cầu bức thiết của các quốc gia trên thế giới về một khuôn khổ pháp lý quốc tế làm cơ sở cho sự hợp tác giữa các nước trong việc ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ vấn nạn tham nhũng.

Việt Nam là một trong những quốc gia tích cực ủng hộ cho sự ra đời của UNCAC. Nhà nước Việt Nam ký UNCAC ngày 10/12/2003, phê chuẩn ngày 30/6/2009 và chính thức trở thành thành viên của Công ước này vào ngày 18/9/2009. Mặc dù từ trước khi tham gia UNCAC, vấn đề đấu tranh phòng, chống tham nhũng đã được quan tâm ở Việt Nam, song việc tham gia Công ước cho thấy cam kết mạnh mẽ của Nhà nước Việt Nam với cộng đồng quốc tế trong cuộc chiến chống tham nhũng, đồng thời mở ra bước đột phá về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này của Việt Nam.

Việc tham gia UNCAC đã và sẽ giúp Việt Nam nhận được sự hỗ trợ đắc lực hơn của cộng đồng quốc tế trong công tác phòng, chống tham nhũng, song đồng thời đặt ra cho Việt Nam nghĩa vụ tổ chức thực hiện các điều khoản của Công ước, cũng như tuân thủ các nghị quyết của Hội nghị các quốc gia thành viên Công ước. Liên quan đến vấn đề này, ngày 13/11/2009, Hội nghị các quốc gia thành viên UNCAC đã thông qua Nghị quyết 3/1 thiết lập cơ chế đánh giá việc thực thi Công ước. Theo đó, các quốc gia thành viên được đánh giá phải lập báo cáo tự đánh giá và nộp lên Ban thư ký. Việt Nam thuộc nhóm quốc gia được

đánh giá vào năm 2011- năm thứ hai của chu trình đánh giá đầu tiên (2010- 2015). Để thực hiện Nghị quyết của Hội nghị các quốc gia thành viên UNCAC, Chính phủ Việt Nam (do Thanh tra Chính phủ là cơ quan đầu mối và chủ trì) đang tiến hành tự đánh giá kết hợp với việc xây dựng báo cáo quốc gia thực thi Công ước. Nội dung đánh giá lần này, theo quy định chung, tập trung vào việc thực hiện các quy định của Chương III (Hình sự hóa và Thực thi pháp luật) và Chương IV (Hợp tác quốc tế) của UNCAC.

Cơ chế đánh giá việc thực thi Công ước khuyến khích các quốc gia thành viên tiến hành tham vấn rộng rãi các đối tượng ngoài nhà nước (bao gồm các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp và giới học giả) khi chuẩn bị báo cáo quốc gia. Trên cơ sở tham vấn chặt chẽ với Thanh tra Chính phủ và với sự hỗ trợ, hợp tác của UNDP, Tổ chức Hướng tới Minh bạch (TT) – cơ quan đầu mối quốc gia của Tổ chức Minh bạch Quốc tế (TI) tại Việt Nam, với tư cách là một tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực phòng chống tham nhũng - đã tiến hành thu thập và phân tích ý kiến của một số chuyên gia đang làm việc tại một số trường đại học, viện nghiên cứu và tổ chức xã hội ở Việt Nam nhằm hỗ trợ việc tự đánh giá thực thi Công ước của Chính phủ. Đây là một trong những hoạt động của TT nhằm nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia rộng rãi hơn của xã hội hỗ trợ những nỗ lực thực thi UNCAC của Chính phủ Việt Nam.

### 1.2.TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG BÁO CÁO

Việc thu thập và phân tích ý kiến đóng góp của các chuyên gia được nhóm tư vấn do TT lựa chọn thực hiện từ ngày 10/5 đến 10/8/2011 bằng cách kết hợp ba hình thức nghiên cứu: dùng bảng hỏi, phỏng vấn sâu và hội thảo tham vấn ý kiến.

Hình thức khảo sát bằng bảng hỏi được thực hiện đầu tiên nhằm thu thập những thông tin, ý kiến tư vấn khái quát về vấn đề (xem mẫu bảng hỏi ở Phụ lục 1). Sau khi phân tích các bảng hỏi nhận được, nhóm tư vấn chọn ra một số chuyên gia để phỏng vấn sâu, đồng thời xác định những vấn đề cần trao đổi, thảo luận tập thể trong cuộc hội thảo. Hội thảo (do Trung tâm Luật so sánh thuộc Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức ngày 29/6/2011) nhằm làm rõ thêm những khía cạnh chưa thống nhất hoặc chưa được giải quyết triệt để thông qua việc khảo sát bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu.

Bên cạnh ba hình thức khảo sát chủ yếu nêu trên, quá trình xây dựng báo cáo còn bao gồm một số buổi làm việc giữa nhóm tư vấn với các đại diện của TT, UNDP và Thanh tra Chính phủ (thông tin chi tiết về tiến trình và phương pháp xây dựng báo cáo được nêu ở Phụ lục 3).

Báo cáo này là kết quả của việc tổng hợp, phân tích ý kiến thu thập được từ các chuyên gia kết hợp với những kiến thức và thông tin về vấn đề của nhóm tư vấn. Để xây dựng báo cáo, nhiều chuyên gia đang làm việc cho các trường đại học, viện nghiên cứu, cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội có liên quan mật thiết đến vấn đề phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam (xem Phụ lục 2) đã được tham vấn, trong đó có một số người đóng góp ý kiến theo hai hoặc cả ba hình thức.<sup>1</sup>

Nhìn chung, tiến trình tham vấn và xây dựng báo cáo đã theo đúng kế hoạch mà nhóm tư vấn đề ra. Chỉ riêng về trình tự thời gian, có một hoạt động được điều chỉnh, cụ thể là việc phỏng vấn sâu các chuyên gia ở khu vực miền Trung và miền Nam được lùi lại sau khi tổ chức hội thảo (theo kế hoạch, hoạt động này sẽ thực hiện trước khi hội thảo). Mặc dù vậy, sự điều chỉnh đó không làm ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng và chất lượng của báo cáo.

## 1.3. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ GIỚI HẠN CỦA KHẢO SÁT

### 1.3.1. Thuận lợi và khó khăn

#### *Thuận lợi*

Như đã đề cập ở trên, Việt Nam là một trong những quốc gia trên thế giới tích cực ủng hộ sự ra đời của UNCAC. Từ trước đến nay, kể cả

trước khi tham gia UNCAC, Nhà nước Việt Nam luôn thể hiện quyết tâm chính trị cao trong việc phòng, chống tham nhũng.

Như đã ít nhiều đề cập ở trên, trong quá trình chuẩn bị và thực hiện khảo sát, TT đã tham vấn và nhận được sự ủng hộ tích cực của Thanh tra Chính phủ và UNDP Hà Nội. Thêm vào đó, TT đã thu thập được một số kinh nghiệm quốc tế liên quan đến việc xã hội dân sự tham gia và giám sát thực thi UNCAC do Ban thư ký Quốc tế và một số Văn phòng quốc gia của TI chia sẻ. Ví dụ, tại hội thảo ngày 23/5/2011 do UNDP đồng tổ chức cùng TT, đại diện TT đã chia sẻ kinh nghiệm và cách tiếp cận, sự tham gia của xã hội dân sự tại Bangladesh, Hàn Quốc...

Tất cả những điều nêu trên là những yếu tố rất thuận lợi cho TT trong việc thực hiện khảo sát này.

#### *Khó khăn*

Bên cạnh những thuận lợi kể trên, cũng có những khó khăn, trở ngại nhất định trong việc thực hiện khảo sát. Khó khăn thứ nhất liên quan đến việc tìm kiếm chuyên gia. Mặc dù rất nhiều hoạt động phòng, chống tham nhũng đã được tiến hành ở Việt Nam trong những năm qua, song đội ngũ chuyên gia về phòng, chống tham nhũng nói chung, về hai vấn đề tội phạm hóa và hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng nói riêng ở Việt Nam hiện vẫn còn mỏng và ít người có kiến thức toàn diện, chuyên sâu. Trong khi đó, không phải tất cả các chuyên gia đều vui lòng tham gia cuộc khảo sát này, chủ yếu vì thiếu thời gian và trong một số trường hợp, vì e ngại đây là “vấn đề nhạy cảm”, kể cả khi nhóm tư vấn đã giải thích mục tiêu, ý nghĩa của cuộc khảo sát này là hỗ trợ cho việc tự đánh giá thực hiện UNCAC của Chính phủ. Khó khăn thứ hai là tính gấp rút của quá trình tham vấn. Tổng cộng chỉ có hơn hai tháng để triển khai và kết thúc dự án với ba hoạt động khảo sát không chỉ ở Hà Nội mà còn ở hai địa phương là Huế và TP.Hồ Chí Minh. Điều này cũng có ảnh hưởng nhất định đến phạm vi và số lượng đối tượng được tham vấn trong cuộc khảo sát.

### 1.3.2. Giới hạn của khảo sát

Về mặt đối tượng, do những khó khăn nêu ở mục 1.3.1, sau khi trao đổi với TT, nhóm tư vấn xác định đối tượng tham vấn chủ yếu là các

chuyên gia đang trực tiếp làm việc hoặc giảng dạy, nghiên cứu về vấn đề phòng, chống tham nhũng ở một số cơ quan nhà nước và cơ sở học thuật có liên quan (xem Phụ lục 2). Hầu hết các chuyên gia này đang sinh sống, làm việc ở Hà Nội, chỉ có một số ở Huế và TP.HCM. Về mặt nội dung, do những hạn chế về nguồn lực và để phù hợp với yêu cầu nêu trong Nghị quyết của Hội nghị các quốc gia thành viên UNCAC, khảo sát này chỉ đề cập đến một số quy định quan trọng trong hai chương: Chương III (hình sự hóa và thực thi pháp luật) và một điều trong Chương IV (hợp tác quốc tế) của UNCAC. Ngoài ra, khảo sát có đề cập gián tiếp đến hai điều trong Chương II (Các biện pháp phòng ngừa). Cụ thể như sau:

*Các điều được khảo sát trong Chương III bao gồm:*

- Điều 15: Hối lộ công chức quốc gia
- Điều 16: Hối lộ công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công
- Điều 17: Tham ô, biển thủ hoặc các dạng chiếm đoạt tài sản khác bởi công chức
- Điều 23: Tẩy rửa tài sản do phạm tội mà có
- Điều 26: Trách nhiệm của pháp nhân
- Điều 32: Bảo vệ nhân chứng, chuyên gia và nạn nhân
- Điều 33: Bảo vệ người tố cáo
- Điều 36: Cơ quan chuyên trách

*Chương IV có một điều được khảo sát là:*

- Điều 46(9)(b)&(c): Tương trợ pháp lý trong trường hợp thiếu điều kiện cùng hình sự hóa

*Chương II có hai điều được đề cập đến ở mức độ nhất định, đó là:*

- Điều 10: Báo cáo công khai
- Điều 11: Các biện pháp liên quan đến hoạt động truy tố và xét xử

## 1.4. TÓM TẮT NHỮNG KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ TRONG BÁO CÁO

*Về việc công khai và tham vấn các tổ chức xã hội dân sự trong tiến trình tự đánh giá thực hiện UNCAC của Chính phủ Việt Nam:*

- Về khía cạnh tham vấn, trong tiến trình xây dựng báo cáo tự đánh giá UNCAC lần này, Chính phủ Việt Nam đã quan tâm và tiến hành tham vấn một số tổ chức xã hội dân sự thông qua việc gửi bảng hỏi và mời

dự hội thảo. Đây là điều được đánh giá cao, tuy nhiên, để tăng cường hơn nữa hiệu quả (cả về chính trị, pháp lý và xã hội) của hoạt động tham vấn, Chính phủ nên thực hiện việc này ngay từ giai đoạn chuẩn bị, mở cho sự tham gia của mọi tổ chức xã hội dân sự và sử dụng thêm những cách thức tham vấn khác như qua Internet, gửi bảng hỏi trực tiếp, phỏng vấn sâu một số chuyên gia... Thêm vào đó, Chính phủ cũng nên chú ý đến các biện pháp để đảm bảo chất lượng tham vấn. Để mở rộng đối tượng tham gia và tăng cường chất lượng tham vấn, Chính phủ nên kêu gọi và tạo điều kiện cho một số tổ chức quốc tế, tổ chức xã hội dân sự ở Việt Nam có chuyên môn và mối quan tâm đến công tác phòng, chống tham nhũng thực hiện hoặc hỗ trợ thực hiện những khảo sát, đánh giá về toàn bộ hay một số vấn đề trong nội dung báo cáo tự đánh giá.

- Về khía cạnh công khai, trong tiến trình xây dựng báo cáo tự đánh giá UNCAC lần này, Chính phủ đã có những nỗ lực để công khai hóa quá trình thực hiện tự đánh giá bằng cách công bố tên, địa chỉ cơ quan chủ trì và kế hoạch thực hiện trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ. Mặc dù vậy, cũng nhằm mục đích tăng cường hơn nữa hiệu quả (cả về chính trị, pháp lý và xã hội) của hoạt động này, Chính phủ nên mở rộng việc công khai hóa tiến trình tự đánh giá trên các phương tiện thông tin đại chúng khác và bằng những hình thức khác (ví dụ họp báo, hội thảo...)

*Về việc nội luật hoá và thực hiện một số quy định trong UNCAC:*

- Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung một số điều vào năm 2009) của Việt Nam (sau đây viết tắt là BLHS), qua các Điều 279, 289, 290, cho thấy đã tương thích ở mức độ cơ bản với quy định ở Điều 15 UNCAC (về hối lộ công chức quốc gia); tuy nhiên, do BLHS Việt Nam chỉ quy định của hối lộ là những ‘lợi ích vật chất’ (Điều 289) nên có nghĩa hẹp hơn so với quy định của Điều 15 UNCAC, trong đó của hối lộ được hiểu là “bất kỳ lợi ích bất chính nào”. Để nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm này, Nhà nước nên sửa đổi BLHS để quy định của

- hối lộ là “bất kỳ lợi ích bất chính nào” như Điều 15 UNCAC.
- (4) BLHS Việt Nam chưa tương thích với quy định của Điều 16 UNCAC (về hối lộ công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công), do các tội đưa và nhận hối lộ (các Điều 279, 289 BLHS) chỉ áp dụng với người Việt Nam. Để thực hiện nghĩa vụ pháp lý quốc tế theo Điều 16 UNCAC, Nhà nước nên bổ sung tội hối lộ công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công vào BLHS.
- (5) BLHS Việt Nam, qua các Điều 278, 280, cho thấy đã tương thích ở mức độ cao với quy định của Điều 17 UNCAC (về tham ô, biển thủ hoặc các dạng chiếm đoạt tài sản khác bởi công chức). Mặc dù vậy, Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003 (sau đây viết tắt là BLTTHS) của Việt Nam không áp đặt nghĩa vụ chứng minh tính hợp pháp của tài sản với nghi phạm tham nhũng, khiến cho việc điều tra, xử lý những hành vi tham nhũng gặp nhiều khó khăn, đặc biệt khi khuôn khổ pháp luật về quản lý, giám sát thu nhập và tài sản ở Việt Nam chưa hoàn thiện. Vì vậy, Nhà nước nên nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước để sửa đổi BLTTHS nhằm áp đặt nghĩa vụ chứng minh tính minh bạch của tài sản, thu nhập với nghi can trong một số tội tham nhũng.
- (6) BLHS Việt Nam, qua các Điều 250, 251, cho thấy đã tương thích ở mức độ nhất định với quy định của Điều 23 UNCAC (về tẩy rửa tài sản do phạm tội mà có). Tuy nhiên, pháp luật vẫn còn những bất cập gây khó khăn cho việc phòng ngừa và xử lý tội rửa tiền. Vì vậy, Nhà nước nên sửa đổi Điều 251 BLHS để: (i) Thay thế quy định nghi phạm phải biết rõ tài sản là do phạm tội mà có bằng quy định nghi phạm chỉ cần biết tài sản có nguồn gốc bất hợp pháp là đủ cấu thành tội phạm; (ii) Quy định rõ tiền và tài sản được hợp pháp hóa có thể do chính nghi phạm có được từ việc phạm tội, và (iii) Xác định việc rửa tiền có yếu tố nước ngoài là một yếu tố tăng nặng trách nhiệm hình sự. Thêm vào đó, Nhà nước cũng nên: (i) Sớm ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về giá trị tiền, tài sản được hợp pháp hóa đủ để cấu thành tội rửa tiền theo Điều 251 BLHS; (ii) Nghiên cứu xây dựng Luật phòng, chống rửa tiền, Luật Giao dịch bằng tiền mặt trong nền kinh

tế, Luật Séc và Luật Hồi phiếu.

- (7) Mặc dù bảo lưu Điều 26 UNCAC (về trách nhiệm của pháp nhân) song trên thực tế Điều này đã được nội luật hóa một phần vào hệ thống pháp luật Việt Nam, thể hiện ở việc pháp nhân phải chịu trách nhiệm hành chính và dân sự (theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002, Bộ luật Dân sự năm 2005 và Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009...). Mặc dù vậy, việc pháp luật hiện chưa quy định pháp nhân phải chịu trách nhiệm hành chính về mọi hành vi tham nhũng và chưa là chủ thể phải chịu trách nhiệm hình sự (Điều 72 Hiến pháp 1992, Điều 2 BLHS) đang gây trở ngại cho việc phòng, chống những vụ việc tham nhũng lợi dụng danh nghĩa pháp nhân đang diễn ra ngày càng nhiều ở Việt Nam. Vì vậy, Nhà nước nên nghiên cứu sửa đổi các văn bản pháp luật có liên quan để quy định pháp nhân cũng phải chịu trách nhiệm hành chính về mọi hành vi tham nhũng chứ không chỉ về hành vi rửa tiền như quy định hiện nay. Thêm vào đó, Nhà nước cũng nên tham khảo kinh nghiệm của nhiều quốc gia trên thế giới để rút lại bảo lưu với Điều 26 UNCAC và sửa đổi BLHS nhằm quy định pháp nhân cũng là chủ thể của tội phạm.
- (8) Pháp luật Việt Nam, qua các Điều 71 Hiến pháp 1992 và Điều 7 BLTTHS 2003, cho thấy đã tương thích ở mức độ nhất định với quy định của Điều 32 UNCAC (về bảo vệ nhân chứng, chuyên gia và nạn nhân). Tuy nhiên, Nhà nước nên bổ sung các quy định cụ thể về những cơ chế, biện pháp bảo vệ chuyên gia, nhân chứng hoặc nạn nhân, bao gồm các quy định về: (i) ký thỏa thuận với các quốc gia khác nhằm tái định cư những chuyên gia, nhân chứng hoặc nạn nhân đối mặt với nguy hiểm cao; (ii) thay đổi thông tin hoặc nhận dạng cá nhân của họ; (iii) chuyển đổi nơi làm việc, vị trí công tác đối với họ...
- (9) Pháp luật Việt Nam, qua một loạt quy định bao gồm Điều 74 Hiến pháp 1992, Điều 132 BLHS năm 1999, Điều 65 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2007) Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 (sửa đổi, bổ sung năm 2004 và 2005), cho thấy đã tương

thích ở mức độ cơ bản với Điều 33 UNCAC (về bảo vệ người tố cáo). Tuy nhiên, những quy định hiện hành chưa đủ bảo vệ hiệu quả người tố cáo tham nhũng và những người thân của họ, vì vậy Nhà nước nên đẩy nhanh việc xây dựng và thông qua một số văn bản pháp luật mới có liên quan, bao gồm: Thông tư liên tịch hướng dẫn việc bảo vệ người làm chứng, người tố giác tội phạm, người bị hại trong điều tra vụ án hình sự; Quy chế bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng; Luật Bảo vệ nhân chứng, người cung cấp thông tin tố giác tội phạm; Luật tố cáo và Luật khiếu nại (chi tiết tham khảo thêm báo cáo đóng góp ý kiến của TI/TT gửi thanh tra Chính phủ tháng 7 năm 2011 bình luận về dự thảo 5 của Luật Tố cáo)

***Về vấn đề tương trợ tư pháp trong trường hợp thiếu điều kiện cùng hình sự hoá:***

- (10) Qua các quy định của Luật Tương trợ Tư pháp năm 2007, BLTTHS năm 2003 và hiệp định song phương về tương trợ tư pháp mà Việt Nam ký với nhiều quốc gia khác, có thể thấy pháp luật Việt Nam đã tương thích với quy định của Điều 46(9) (b)&(c) UNCAC (về điều kiện từ chối tương trợ tư pháp nếu thiếu điều kiện cùng hình sự hoá). Trong thời gian tới, Nhà nước nên duy trì và nghiên cứu mở rộng hơn nữa phạm vi và các biện pháp tương trợ tư pháp với các tội phạm tham nhũng theo tinh thần Điều 46(9)(b)&(c) UNCAC trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc có liên quan của pháp luật Việt Nam.

***Về bộ máy các cơ quan phòng, chống tham nhũng, bao gồm các cơ quan tư pháp:***

- (11) Qua những quy định có liên quan của BLTTHS 2003, Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002 và Luật Phòng, Chống Tham nhũng năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2007), có thể thấy pháp luật Việt Nam đã tương thích ở mức độ nhất định với quy định của Điều 11 (các biện pháp liên quan đến hoạt động truy tố và xét xử) và Điều 36 (cơ quan chuyên trách) của UNCAC. Tuy nhiên, hệ thống các cơ quan phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam (bao gồm các cơ quan tư pháp) chưa phát huy được vai trò quan trọng trong phòng, chống tham nhũng, do một số nguyên nhân như: (i)

Chưa thực sự được độc lập trong hoạt động; (ii) Đội ngũ cán bộ còn mỏng, năng lực chuyên môn và trang bị, phương tiện kỹ thuật còn hạn chế; (iii) Phẩm chất đạo đức của một số cán bộ, đặc biệt là ở các cơ quan tư pháp, còn chưa cao; (iv) Chức năng, nhiệm vụ chưa cụ thể, chưa có cơ chế phối hợp hiệu quả, dẫn đến chồng chéo trong hoạt động. Vì vậy, Nhà nước nên nghiên cứu và hoàn thiện các văn bản pháp luật có liên quan nhằm tăng cường tính độc lập và hiệu quả hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng, bao gồm hệ thống ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng. Để tăng cường tính độc lập của hệ thống này, nên nghiên cứu xây dựng một cơ quan phòng, chống tham nhũng trực thuộc Quốc Hội. Đồng thời, Nhà nước cũng nên nghiên cứu cải thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng hiện hành, để phát huy, khai thác tối đa các nguồn lực và lợi thế của mỗi cơ quan, từ đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống các cơ quan này

***Về tiếp cận thông tin liên quan đến các vụ việc tham nhũng:***

- (12) Tiếp cận thông tin do các cơ quan nhà nước nắm giữ, trong đó có thông tin về các vụ việc tham nhũng, là một quyền con người theo luật nhân quyền quốc tế. Ở mức độ nhất định, quyền này đã được ghi nhận trong pháp luật Việt Nam (Điều 69 Hiến pháp 1992, Luật Phòng, Chống tham nhũng năm 2005, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007, Luật Báo chí năm 1989...) và hiện đang được pháp điển hoá thành một đạo luật riêng (Luật tiếp cận thông tin- luật này đã được đưa vào Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2020). Ở Việt Nam, nhiều vụ việc tham nhũng lớn diễn ra trong khoảng 5 năm gần đây đều đã được công khai cho công chúng biết trên báo chí. Tuy nhiên, thông tin được công khai mới mang tính khái quát, hồ sơ đầy đủ về vụ việc vẫn chỉ được lưu hành nội bộ trong các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, và việc thông tin về những vụ việc tham nhũng hoặc nghi ngờ tham nhũng lớn vẫn còn chậm. Những hạn chế, tồn tại về tiếp cận thông tin làm giảm lòng tin của người dân vào

cuộc chiến chống tham nhũng, vì vậy, Nhà nước nên sớm thông qua Luật Tiếp cận Thông tin và đảm bảo nội dung của luật này tương thích ở mức độ cao nhất với các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế, đặc biệt là về phạm vi những thông tin có thể không công bố và về nghĩa vụ của các cơ quan, công chức nhà nước trong việc công khai và cung cấp thông tin cho người dân và báo chí.

**Về những phát triển đáng chú ý gần đây trong phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam:**

- (13) Trong khoảng 5 năm gần đây, Nhà nước Việt Nam vẫn tiếp tục thể hiện ý chí chính trị và quyết tâm cao trong việc phòng, chống tham nhũng. Điều này thể hiện qua việc Nhà nước ban hành và triển khai thực hiện nhiều đề án, chính sách, sáng kiến về: (i) Đơn giản hóa thủ tục hành chính (Đề án 30); (ii) Minh bạch tài sản và thu nhập (Nghị định số 37/2007/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2011/NĐ-CP); (iii) Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức ở một số ngành, lĩnh vực (Nghị định số 158/2007/NĐ-CP); (iv) Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 (Nghị quyết 21/NQ-CP ngày 12/5/2009); (v) Đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng (Quyết định số 137/2009/QĐ-TTg); (vi) Kế hoạch thực hiện UNCAC (Quyết định số 445/QĐ-TTg); (vii) Phát động chương trình “Sáng kiến phòng chống tham nhũng” hàng năm; (viii) Tổ chức hội nghị toàn quốc biểu dương các cá nhân có thành tích trong phòng, chống tham nhũng hàng năm; (ix) Gia nhập và triển khai thực hiện UNCAC...

**Khuyến nghị về một số hành động khác mà**

**Nhà nước nên ưu tiên thực hiện trong thời gian tới:**

- (14) Bên cạnh những khuyến nghị đã nêu ở các điểm 1-13 ở trên, trong thời gian tới, Nhà nước nên ưu tiên thực hiện một số hành động khác để thúc đẩy phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam, cụ thể bao gồm:
- (i) Nghiên cứu rút lại tuyên bố bảo lưu Điều 20 UNCAC đồng thời sửa đổi, bổ sung BLHS năm 1999 để quy định tội làm giàu bất hợp pháp;
  - (ii) Sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật có liên quan để thực hiện không chỉ kê khai và công khai trong cơ quan, tổ chức, mà còn công khai một cách rộng rãi thông tin về tài sản, thu nhập của công chức, viên chức;
  - (iii) Xử lý nhanh chóng, kịp thời và nghiêm minh những vụ việc tham nhũng mới phát sinh gần đây, đặc biệt là các vụ gây thiệt hại hoặc có ảnh hưởng lớn;
  - (iv) Hoàn thiện cơ chế thu hồi tài sản tham nhũng, bao gồm việc hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng;
  - (v) củng cố và hoàn thiện cơ chế bảo đảm sự tham gia của người dân và các tổ chức xã hội dân sự vào đấu tranh chống tham nhũng;
  - (vi) Tăng cường các hình thức, biện pháp và nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng, kết hợp bảo đảm điều kiện sống, làm việc cho đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước;
  - (vii) Tăng cường hơn nữa các biện pháp công khai, minh bạch thông qua việc tiếp tục thúc đẩy cải cách hành chính và cải cách tư pháp;
  - (viii) Tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách về phòng chống tham nhũng;
  - (ix) Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng chống tham nhũng.

# PHẦN II: SỰ THAM GIA CỦA CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI DÂN SỰ VÀO QUÁ TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC THI UNCAC CỦA CHÍNH PHỦ

Như đã đề cập ở Phần I, cơ chế đánh giá việc thực thi UNCAC khuyến khích các quốc gia thành viên tiến hành tham vấn rộng rãi các đối tượng ngoài nhà nước (bao gồm các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp và giới học giả, gọi chung là các tổ chức xã hội dân sự)<sup>2</sup> khi chuẩn bị báo cáo quốc gia.

Về vấn đề này, kết quả khảo sát cho thấy, trong quá trình tự đánh giá việc thực thi UNCAC lần này ở Việt Nam:

- Nhìn chung, việc tổ chức tự đánh giá được tiến hành khá nghiêm túc, các thông tin cơ bản đã được công khai. Cụ thể, Chính phủ đã ban hành văn bản thành lập Nhóm đánh giá việc thực thi Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (văn bản này có đăng trên trang thông tin điện tử của Chính phủ),<sup>3</sup> trong đó công bố tên cơ quan chủ trì việc tự đánh giá và thông tin liên hệ với cơ quan này.
- UNDP, UNODC (văn phòng Hà Nội) và một số nhà tài trợ lớn cho các chương trình về quản trị công và phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam, bao gồm Đại sứ quán Thụy Điển, Cơ quan viện trợ phát triển Vương quốc Anh, Cơ quan viện trợ phát triển Australia... đã được mời tham vấn, đóng góp ý kiến về việc tổ chức tự đánh giá và về dự thảo báo cáo quốc gia.
- Bảng hỏi theo Danh mục tự đánh giá việc thực thi Công ước (Self-assessment Checklist) đã được cơ quan chủ trì là Thanh tra Chính phủ gửi cho các bộ, ngành trong nước để xin tham vấn.
- Cơ quan đầu mối của Chính phủ là Thanh tra Chính phủ đã tạo điều kiện và hỗ trợ Tổ chức Hướng tới Minh bạch (cơ quan đầu mối của Tổ chức Minh bạch Quốc tế ở Việt Nam) thực hiện cuộc khảo sát này nhằm hỗ trợ Chính phủ trong việc xây dựng báo cáo tự đánh giá.

Cụ thể, đại diện của Thanh tra Chính phủ đã tham gia buổi Hội thảo do UNDP và TT đồng tổ chức ngày 23/5/2011 nhằm chia sẻ thông tin và cập nhật việc triển khai kế hoạch tự đánh giá của Chính phủ về xây dựng báo cáo quốc gia. Tại buổi họp, đại diện của Thanh tra Chính phủ đã bày tỏ sự ủng hộ với sáng kiến do TT đề xuất trong việc tổ chức cuộc tham vấn này. Trong quá trình thực hiện khảo sát, TT cũng đã nhận được sự hợp tác tích cực của nhiều chuyên gia của Thanh tra Chính phủ.

- Thanh tra Chính phủ đã tổ chức hội thảo xin ý kiến một số cơ quan, tổ chức xã hội, các nhà tài trợ và một số chuyên gia về dự thảo báo cáo quốc gia vào ngày 26/7/2011 tại Hà Nội.<sup>4</sup> Ngoài ra, theo thông tin mà nhóm tư vấn nhận được, Thanh tra Chính phủ sẽ tổ chức thêm một cuộc hội thảo nữa với cùng mục đích trong hai tuần đầu tháng 8, đồng thời sẽ công khai rộng rãi báo cáo tự đánh giá sau khi hoàn thiện. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hoàn thành báo cáo này, nhóm tư vấn chưa có thông tin cụ thể về kế hoạch tổ chức hội thảo tiếp theo và về việc công khai báo cáo của Chính phủ sau khi hoàn thiện.

Mặc dù nhóm tư vấn chưa được tiếp cận một cách chính thức với dự thảo Báo cáo quốc gia thực thi Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng của Chính phủ và không có cơ hội tham gia hội thảo ngày 26/7, song từ những thông tin và sự kiện nêu trên, có thể nhận xét một cách tổng quát là trong quá trình thực hiện tự đánh giá việc thực thi UNCAC lần này ở Việt Nam, Chính phủ đã chứng tỏ sự quan tâm và đã có những nỗ lực đáng ghi nhận trong việc công khai hóa và tham vấn với khối xã hội dân sự. theo tinh thần khuyến nghị nêu trong Nghị quyết năm 2009 của Hội nghị các quốc gia thành viên UNCAC.

Mặc dù vậy, theo nhóm tư vấn và nhiều chuyên gia, từ kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới, Chính phủ nên và có thể:

- Tiến hành tham vấn với các tổ chức xã hội dân sự ngay từ giai đoạn chuẩn bị quá trình tự đánh giá chứ không phải chỉ khi đã có dự thảo báo cáo, để các chủ thể này có thể góp ý không chỉ với dự thảo báo cáo, mà cả với kế hoạch thực hiện tự đánh giá của Chính phủ.
- Tăng cường hơn nữa việc công khai thông tin về quá trình tự đánh giá bằng cách công bố tên, địa chỉ cơ quan chủ trì và kế hoạch thực hiện không chỉ trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ như đã làm, mà còn trên các phương tiện thông tin đại chúng khác (bao gồm báo nói, báo hình, báo viết), hoặc qua hình thức tổ chức các cuộc hội thảo hay họp báo chuyên đề... Mục đích là để tạo điều kiện cho công chúng biết về cơ quan chủ trì và kế hoạch đánh giá một cách rộng rãi nhất, qua đó công chúng có thể quan sát hoạt động và đóng góp ý kiến vào quá trình tự đánh giá của Chính phủ ở mọi giai đoạn.
- Mở rộng phạm vi đối tượng được tham vấn trong quá trình tự đánh giá của Chính phủ. Hiện tại, theo thông tin mà nhóm tư vấn nhận được, mới chỉ có một số cơ quan nhà nước được gửi bảng hỏi tham vấn, còn với hình thức tổ chức hội thảo, mới chỉ có Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phòng Thương mại, Công nghiệp Việt Nam; Hội Luật gia Việt Nam; Liên đoàn Luật sư Việt Nam; Hội Nông dân Việt Nam; Hội Cựu chiến binh Việt Nam và một số tổ chức quốc tế, nhà tài trợ như UNDP, UNODC, Cơ quan Phát triển quốc tế Vương quốc Anh, Cơ quan Phát triển quốc tế Australia, Đại sứ quán Thụy Điển... được mời dự. Trong khi đó, còn có nhiều tổ chức liên chính phủ, phi chính phủ quốc tế khác đang hoạt động tại Việt Nam cũng như nhiều tổ chức xã hội dân sự khác của Việt Nam (các tổ chức phi chính phủ, tổ chức nghề nghiệp và bảo trợ, tổ chức cộng đồng, các cơ quan truyền thông, các trường đại học, viện nghiên cứu về pháp luật, chính sách, hành chính...) cũng có khả năng và mong muốn tham gia đóng góp những ý kiến hữu ích và xây dựng để hoàn thiện kế hoạch và báo cáo tự đánh giá của Chính phủ ở những góc độ và với những mức độ khác nhau, tùy theo chức năng, nhiệm vụ và kinh nghiệm thực tế của từng chủ thể. Tuy nhiên, những chủ thể đó chưa được tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình tự đánh giá việc thực hiện UNCAC lần này ở Việt Nam.

- Đa dạng hóa phương thức tổ chức lấy ý kiến tham vấn: Thực tế cho thấy, ngoài hình thức gửi bảng hỏi và mời tham dự hội thảo như đã nêu trên, việc tham vấn các cơ quan, tổ chức quốc tế và tổ chức xã hội dân sự ở Việt Nam còn có thể thực hiện thông qua nhiều hình thức khác như qua Internet (công bố bảng hỏi và dự thảo báo cáo lên trang web để các chủ thể có thể góp ý kiến trực tiếp, giống như Văn phòng Quốc Hội đang làm khi xin ý kiến góp ý của người dân với các dự thảo luật), gửi bảng hỏi trực tiếp và phỏng vấn sâu một số chuyên gia. Thêm vào đó, để giảm bớt gánh nặng công việc cho cơ quan chủ trì là Thanh tra Chính phủ cũng như gánh nặng tài chính cho ngân sách nhà nước trong khi vẫn mở rộng được phạm vi tham vấn, Chính phủ nên kêu gọi và tạo điều kiện cho một số tổ chức quốc tế và tổ chức xã hội dân sự của Việt Nam mà quan tâm và có kinh nghiệm trên lĩnh vực phòng, chống tham nhũng thực hiện hoặc hỗ trợ thực hiện những khảo sát, đánh giá về toàn bộ hay một số vấn đề trong nội dung báo cáo.
- Chú trọng đến chất lượng của các hoạt động tham vấn: Thực tế cho thấy, việc gửi Bảng hỏi theo Danh mục tự đánh giá việc thực thi Công ước cho các chủ thể có liên quan để xin tham vấn là cần thiết, song đồng thời cần có biện pháp đảm bảo rằng bảng hỏi được điền một cách cẩn thận, nghiêm túc, bởi những người có trách nhiệm, có chuyên môn hoặc có hiểu biết tốt nhất về vấn đề của cơ quan, tổ chức có liên quan. Tương tự, kinh nghiệm cũng cho thấy, ngoài các yếu tố khác, việc tổ chức hội thảo tham vấn chỉ đạt được kết quả như mong muốn khi có các biện pháp bảo đảm rằng các cơ quan được gửi giấy mời cử những cán bộ có hiểu biết chuyên sâu về vấn đề này tham dự, và những đại biểu tham dự được cung cấp dự thảo báo cáo hoặc các tài liệu có liên quan càng sớm càng tốt trước ngày khai mạc hội thảo.
- Cũng theo nhóm tư vấn và nhiều chuyên gia, việc tăng cường sự công khai và mở rộng đối tượng tham vấn như những khuyến nghị ở trên không chỉ hỗ trợ đắc lực cho Chính phủ trong quá trình xây dựng báo cáo tự đánh giá, mà sâu xa hơn, còn góp phần tăng cường lòng tin, sự ủng hộ và thu hút sự tham gia của các tầng lớp trong xã hội vào cuộc chiến chống tham nhũng do Nhà nước tiến hành ở Việt Nam.

# PHẦN III

## VIỆC NỘI LUẬT HÓA MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHỦ CHỐT TRONG CHƯƠNG III CỦA UNCAC

## ĐIỀU 15: HỐI LỘ CÔNG CHỨC QUỐC GIA

*Điều này ấn định nghĩa vụ bắt buộc với các quốc gia thành viên UNCAC trong việc tội phạm hóa các hành vi cố ý: (a) Hứa hẹn, tặng hay cho, trực tiếp hay gián tiếp, công chức bất kỳ một lợi ích bất chính cho chính bản thân công chức ấy hay cho một người hoặc một tổ chức khác, để công chức này làm hoặc không làm một việc trong quá trình thi hành công vụ; và (b) Hành vi của công chức, trực tiếp hay gián tiếp, đòi hoặc nhận một lợi ích bất chính cho chính bản thân công chức hay cho người hoặc tổ chức khác, để công chức làm hoặc không làm một việc trong quá trình thi hành công vụ.*

Kết quả khảo sát cho thấy, tương ứng với Điều 15(a) UNCAC, BLHS Việt Nam có Điều 289 quy định về tội đưa hối lộ. Hành vi khách quan của tội này là việc đưa hoặc đề nghị đưa tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác cho người có chức vụ, quyền hạn để người đó làm hoặc không làm một việc vì yêu cầu hoặc lợi ích của người đưa hối lộ. Theo Điều 277 BLHS, người có chức vụ, quyền hạn là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ. Về mặt khách quan, tội đưa hối lộ hoàn thành khi có hành vi đưa của hối lộ, tuy nhiên, do tội này thuộc nhóm tội phạm về chức vụ, có khách thể bị xâm phạm là hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức (Điều 277 BLHS) nên kể cả khi mới thực hiện hành vi hứa hẹn, chào mời hối lộ nhưng có bằng chứng chứng minh rằng hành vi đó sẽ ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức thì người thực hiện hành vi vẫn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự dưới hình thức chuẩn bị phạm tội (Điều 289 và Điều 17 BLHS) hoặc phạm tội chưa đạt (Điều 18 BLHS).

Tương ứng với Điều 15(a) UNCAC, BLHS Việt Nam có Điều 279 về tội nhận hối lộ. Mặt khách quan của hành vi nhận hối lộ là việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để nhận (đã hoặc sẽ nhận), trực tiếp hoặc qua trung gian, tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác dưới bất kỳ hình thức nào để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ. Tương tự như tội đưa hối lộ, người có chức vụ, quyền hạn theo Điều này là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ. Cũng tương tự như tội đưa hối lộ, tội nhận hối lộ được coi là hoàn thành khi có hành vi nhận của hối lộ,

tuy nhiên, do khách thể của tội phạm này cũng là hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức nên kể cả khi mới chấp nhận (sẽ nhận) hối lộ thì người thực hiện hành vi vẫn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự dưới hình thức chuẩn bị phạm tội (Điều 289 và Điều 17 BLHS) hoặc phạm tội chưa đạt (Điều 18 BLHS).

Ngoài các Điều 279, 289 đã nêu ở trên, BLHS Việt Nam còn có Điều 290 (tội môi giới hối lộ) mà ở một góc độ nhất định cũng có liên quan đến Điều 15 UNCAC. Như vậy, có thể khẳng định là BLHS Việt Nam về cơ bản đã tương thích với quy định tại Điều 15 UNCAC.

Tuy nhiên, một số chuyên gia cũng chỉ ra một hạn chế đó là BLHS Việt Nam (Điều 289) mới chỉ quy định của hối lộ là những ‘lợi ích vật chất’ (cụ thể là tiền, tài sản hoặc các lợi ích vật chất khác có thể tính được bằng tiền). Như vậy, hành vi hối lộ theo BLHS Việt Nam có nghĩa hẹp hơn so với quy định ở Điều 15 UNCAC, trong đó của hối lộ được hiểu là ‘bất kỳ lợi ích bất chính nào’ (tức là cả những lợi ích vật chất và phi vật chất). Theo nhiều chuyên gia, mặc dù theo pháp luật Việt Nam hành vi hối lộ bằng những lợi ích phi vật chất có thể xử lý bằng một số dạng chế tài khác (hành chính, kỷ luật...) song việc BLHS giới hạn phạm vi của hối lộ trong những lợi ích vật chất trên thực tế đã làm giảm tính răn đe của pháp luật với các hành vi đưa, nhận hối lộ mà trong ngày càng nhiều trường hợp bao gồm những lợi ích phi vật chất (ví dụ như hứa hẹn sự thăng tiến, bổ nhiệm trong công việc; chuyển đổi vị trí, địa điểm công tác; xin việc cho người thân; hoặc việc thoả mãn về tình dục...cho các đối tượng liên quan). Vì vậy, để nâng cao hiệu quả phòng, chống các tội phạm này, Nhà nước nên sớm nghiên cứu sửa đổi BLHS theo hướng mở rộng phạm vi của hối lộ phù hợp với quy định của Điều 15 UNCAC.

## ĐIỀU 16: HỐI LỘ CÔNG CHỨC NƯỚC NGOÀI HOẶC CÔNG CHỨC CỦA TỔ CHỨC QUỐC TẾ CÔNG

*Điều 16 ấn định nghĩa vụ bắt buộc với các quốc gia thành viên UNCAC trong việc tội phạm hóa các hành vi hối lộ công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công (Khoản 1). Tuy nhiên, với hành vi đòi hối lộ của công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công (Khoản 2), các quốc gia thành viên được khuyến khích song không bắt buộc phải tội phạm hóa (quy định tùy nghi).*

Kết quả khảo sát cho thấy mặc dù BLHS Việt Nam đã có quy định về các tội đưa và nhận hối lộ (các Điều 279, 289 nêu trên) nhưng các quy định này trên thực tế chỉ áp dụng với các đối tượng có liên quan là người Việt Nam (đưa hối lộ cho người có chức vụ, quyền hạn trong bộ máy Nhà nước Việt Nam, người đòi hối lộ là người có chức vụ, quyền hạn trong bộ máy Nhà nước Việt Nam) chứ không áp dụng đối với công chức nước ngoài và công chức của các tổ chức quốc tế công. Điều này là bởi các tội đưa và nhận hối lộ thuộc nhóm tội phạm về chức vụ, mà theo Điều 277 BLHS, các tội phạm về chức vụ được hiểu là những hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức do người có chức vụ thực hiện trong khi thi hành công vụ; còn người có chức vụ được hiểu là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ. Như vậy, Điều 277 BLHS đã loại trừ đối tượng người nước ngoài ra khỏi phạm vi điều chỉnh của các Điều 279, 289, mặc dù về nguyên tắc người nước ngoài có thể bị xử lý theo các quy định của BLHS Việt Nam. Cụ thể, theo Điều 5 BLHS, Bộ luật này được áp dụng đối với mọi hành vi phạm tội thực hiện trên lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam. Đối với người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam thuộc đối tượng được hưởng các quyền miễn trừ ngoại giao hoặc quyền ưu đãi và miễn trừ về lãnh sự theo pháp luật Việt Nam, theo các điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam ký kết hoặc tham gia hoặc theo tập quán quốc tế, thì vấn đề trách nhiệm hình sự của

họ được giải quyết bằng con đường ngoại giao. Ngoài ra, theo Điều 6 BLHS, người nước ngoài phạm tội ở ngoài lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam vẫn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo BLHS của Việt Nam trong những trường hợp được quy định trong các điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

Song cũng có quan điểm cho rằng Điều 277 BLHS không cản trở việc áp dụng các Điều 279, 289 BLHS với công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công, vì khái niệm “cơ quan, tổ chức” có thể hiểu là bao gồm cả cơ quan, tổ chức Việt Nam và cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam. Mặc dù vậy, quan điểm này hiện vẫn còn đang gây tranh cãi; vì thế, chưa thể khẳng định rằng pháp luật Việt Nam hiện đã hoàn toàn tương thích với quy định của Điều 16 UNCAC.

Trên phương diện nghĩa vụ pháp lý quốc tế, khoảng trống pháp lý kể trên đặt ra yêu cầu với Nhà nước Việt Nam cần sửa đổi các điều khoản có liên quan hoặc có những quy định riêng trong BLHS nhằm tội phạm hóa các hành vi nêu ở Điều 16 UNCAC, đặc biệt là hành vi hối lộ công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công (quy định bắt buộc). Về mặt thực tế, trong bối cảnh Việt Nam đã và đang hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, vấn đề nội luật hóa Điều 16 UNCAC một cách cụ thể hơn là rất cần thiết để có thể phòng, chống hiệu quả mọi hành vi tham nhũng.

# ĐIỀU 17: THAM Ô, BIỂN THỦ HOẶC CÁC DẠNG CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN KHÁC BỞI CÔNG CHỨC

*Điều 17 ấn định nghĩa vụ bắt buộc với các quốc gia thành viên UNCAC trong việc tội phạm hóa các hành vi cố ý tham ô, biển thủ hoặc các hình thức chiếm đoạt tài sản khác bởi công chức. Tuy nhiên, Điều này không bắt buộc mà chỉ khuyến khích các quốc gia áp đặt nghĩa vụ với các nghi phạm phải chứng minh tài sản của họ không phải có nguồn gốc từ tham nhũng (quy phạm tùy nghi).*

Kết quả khảo sát cho thấy, tương ứng với Điều 17 UNCAC, BLHS Việt Nam có hai Điều 278 (tội tham ô tài sản) và Điều 280 (tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản). Theo Điều 278, người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý có giá trị từ hai triệu đồng trở lên hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này hoặc tái phạm thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Theo Điều 280, người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng trở lên hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội phạm tham nhũng mà chưa bị xóa án tích thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Về mặt chủ quan, tội phạm quy định trong cả hai Điều 278, 280 đều được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Như vậy, BLHS Việt Nam đã tương thích ở mức độ cao với Điều 17 UNCAC. Theo một số chuyên gia, về mặt khách quan của tội này, quy định trong BLHS Việt Nam còn có phần rộng hơn quy định ở Điều 17 UNCAC, bởi đối tượng bị xâm phạm theo các Điều 278, 280 BLHS có thể là tài sản mà trực tiếp hay không trực tiếp thuộc sự quản lý của kẻ phạm tội, trong khi Điều 17 UNCAC chỉ quy định đối tượng bị xâm phạm là những tài sản mà công chức này được giao quản lý do vị trí của mình.

Mặc dù vậy, pháp luật hình sự Việt Nam không áp đặt nghĩa vụ chứng minh tính hợp pháp của tài sản với các nghi phạm tham nhũng (theo Điều 63 BLTTHS năm 2003, trách nhiệm chứng minh mọi dạng tội phạm đều thuộc về cơ quan tiến hành tố tụng và được coi là một trong những nguyên tắc của tố tụng hình sự). Trong khi đó, việc điều tra, chứng minh tài sản bất minh để qua đó buộc tội kẻ tham nhũng ở bất cứ quốc gia nào đều rất khó khăn và tốn thời gian, dẫn đến nhiều vụ việc tham nhũng bị bỏ lọt. Những khó khăn này càng nổi bật hơn ở Việt Nam do các quy định pháp luật về quản lý, giám sát thu nhập, tài sản của công dân còn khá lạc hậu so với một số nước khác (đơn cử như việc thanh toán trong các giao dịch dân sự thường vẫn chưa qua ngân hàng mà được trao đổi trực tiếp bằng tiền mặt..). Vì vậy, một số chuyên gia cho rằng, để tạo ra bước ngoặt trong việc điều tra các tội phạm tham nhũng nói chung, tội tham ô, biển thủ hoặc các dạng chiếm đoạt tài sản khác bởi công chức nói riêng, Nhà nước nên nghiên cứu, áp dụng kinh nghiệm của một số nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, điển hình như của Hồng Kông, để sửa đổi BLTTHS nhằm áp đặt nghĩa vụ chứng minh với những nghi can trong một số tội tham nhũng. Điều này không có nghĩa là xóa bỏ mà chỉ là điều chỉnh nguyên tắc trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan tố tụng trong luật tố tụng hình sự cho phù hợp với thực tiễn phòng, chống tội phạm tham nhũng.

# ĐIỀU 23: TẨY RỬA TÀI SẢN DO PHẠM TỘI MÀ CÓ

*Khoản 1 Điều 23 ấn định nghĩa vụ bắt buộc với các quốc gia thành viên UNCAC trong việc tội phạm hóa các hành vi cố ý chuyển đổi, chuyển nhượng; che giấu, ngụy trang tài sản có nguồn gốc bất hợp pháp; nhận, sở hữu hoặc sử dụng tài sản do phạm tội mà có. Khoản 2 Điều này quy định các quốc gia thành viên phải cố gắng áp dụng Khoản 1 ở phạm vi rộng nhất của các tội phạm gốc; trong đó phải quy định là tội phạm gốc đối với ít nhất là những hành vi được quy định theo Công ước, bao gồm các tội phạm trong và ngoài phạm vi tài phán của quốc gia.*

Kết quả khảo sát cho thấy, tương ứng với Khoản 1 Điều 23 UNCAC, BLHS Việt Nam có các Điều 250 (tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có) và Điều 251 (tội rửa tiền). Theo Điều 250, những dấu hiệu khách quan của tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là việc ‘không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có’. Theo Điều 251, những dấu hiệu khách quan của tội rửa tiền bao gồm:

- a) Tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào giao dịch tài chính, ngân hàng hoặc giao dịch khác liên quan đến tiền, tài sản biết rõ là do phạm tội mà có nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản đó;
- b) Sử dụng tiền, tài sản biết rõ là do phạm tội mà có vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động khác;
- c) Che giấu thông tin về nguồn gốc, bản chất thực sự, vị trí, quá trình di chuyển hoặc quyền sở hữu đối với tiền, tài sản biết rõ là do phạm tội mà có hoặc cản trở việc xác minh các thông tin đó;
- d) Thực hiện một trong các hành vi quy định tại các điểm a, b và c khoản này đối với tiền, tài sản biết rõ là có được từ việc chuyển dịch, chuyển nhượng, chuyển đổi tiền, tài sản do phạm tội mà có.

Liên quan đến khoản 2 Điều 23 UNCAC, theo quy định của BLHS Việt Nam, tội phạm gốc của các tội quy định tại Điều 250 và 251 Bộ luật có thể là bất cứ hành vi phạm tội nào nhằm thu lợi ích vật chất bất chính, trong đó bao gồm các tội phạm về tham nhũng. Trong những trường hợp liên quan đến tội phạm gốc, người thực hiện hành vi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội phạm gốc đó mà không chịu sự điều chỉnh của các Điều 250 và 251.

Như vậy, có thể kết luận rằng pháp luật Việt Nam đã tương thích ở mức độ nhất định với các quy định của Điều 23 UNCAC. Tuy nhiên, theo một số chuyên gia, khuôn khổ pháp luật về chống rửa tiền mà cụ thể là quy định trong các Điều 250 và 251 BLHS còn một số bất cập, chưa đáp ứng được thực tiễn phòng ngừa loại tội phạm này ở Việt Nam, thể hiện cụ thể ở những khía cạnh sau:

Thứ nhất, hiện vẫn chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng Điều 251 BLHS về tội rửa tiền, trong đó bao gồm hướng dẫn về số lượng tiền, tài sản được rửa có giá trị đến bao nhiêu thì cấu thành tội phạm (mặc dù đã có quy định về mức giá trị giao dịch phải báo cáo theo Điều 9 Nghị định số 74/2005/NĐ-CP ngày 7/6/2005 của Chính phủ về phòng, chống rửa tiền). Việc thiếu hướng dẫn khiến cho việc áp dụng Điều 251 BLHS trên thực tế không thống nhất và gặp vướng mắc.

Thứ hai, theo quy định ở Điều 251 BLHS, chỉ khi nghi phạm ‘biết rõ tài sản là do phạm tội mà có’ mới cấu thành tội phạm. Điều này gây khó khăn cho công tác áp dụng pháp luật, bởi khái niệm ‘biết rõ tài sản là do phạm tội mà có’ mang tính trừu tượng cao. Ở nhiều nước, ví dụ như Liên bang Nga, BLHS chỉ quy định nghi phạm biết tài sản là bất hợp pháp là đủ cấu thành tội phạm.

Thứ ba, Điều 251 BLHS chưa đề cập cụ thể đến việc rửa tiền có yếu tố nước ngoài (thông qua các tổ chức tài chính nước ngoài, do các pháp nhân, thể nhân nước ngoài thực hiện hay kết hợp với pháp nhân, công dân Việt Nam thực hiện...) trong khi đây là thực tế đang diễn ra và có xu hướng ngày càng phổ biến ở Việt Nam.

## ĐIỀU 26: TRÁCH NHIỆM CỦA PHÁP NHÂN

*Điều 26 ấn định nghĩa vụ bắt buộc với các quốc gia thành viên UNCAC trong việc quy định trách nhiệm của pháp nhân (có thể là trách nhiệm hình sự, dân sự hoặc hành chính) liên quan đến các tội phạm được quy định trong Công ước. Tuy nhiên, việc áp đặt trách nhiệm hình sự với pháp nhân liên quan đến các hoạt động tham nhũng không phải là nghĩa vụ bắt buộc (quy phạm tùy nghi).*

Thứ tư, Điều 251 BLHS chưa làm rõ chủ thể của tài sản được hợp pháp hoá có thể là chính kẻ phạm tội hay không? Về vấn đề này, BLHS của Liên bang Nga phân biệt rõ việc rửa tiền hoặc tài sản do người khác có được một cách bất hợp pháp và việc rửa tiền hoặc tài sản do mình phạm tội mà có.

Từ những phân tích ở trên và những yếu tố khác, có thể đưa ra một số đề xuất để hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về phòng, chống rửa tiền của Việt Nam cho tương thích hơn nữa với quy định ở Điều 23 UNCAC, cụ thể như sau:

- Sửa đổi Điều 251 BLHS theo hướng quy định nghi phạm chỉ cần biết tài sản là bất hợp pháp là đủ cấu thành tội phạm. Thêm vào đó, cần quy định rõ tiền và tài sản được hợp pháp hoá có thể do chính nghi phạm có được từ việc phạm tội và xác định việc rửa tiền có yếu tố nước ngoài là một yếu tố tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Sớm ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng Điều 251 BLHS về tội rửa tiền, đặc biệt là

hướng dẫn về mức giá trị tiền, tài sản được hợp pháp hoá mà sẽ cấu thành tội phạm.

- Nghiên cứu xây dựng Luật phòng, chống rửa tiền thay thế Nghị định số 74/2005/NĐ-CP ngày 7/6/2005 của Chính phủ nhằm tăng cường hiệu lực và hiệu quả của các biện pháp phòng, chống rửa tiền trên thực tế.
- Nghiên cứu xây dựng mới hoặc thay thế một số luật hiện hành liên quan đến giao dịch và thanh toán nhằm hạn chế việc sử dụng tiền mặt, qua đó kiểm soát tốt hơn các hoạt động rửa tiền; cụ thể, nên xây dựng Luật Giao dịch bằng tiền mặt trong nền kinh tế thay cho Nghị định số 64/CP ngày 20/9/2001 của Chính phủ về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán; xây dựng các Luật về Séc, Luật Hối phiếu thay cho Luật Các công cụ chuyển nhượng năm 2005.

Trên thực tế, Điều 26 là một trong hai điều của UNCAC (cùng với Điều 20 về hình sự hóa hành vi làm giàu bất hợp pháp) được Việt Nam bảo lưu khi tham gia Công ước. Song điều đó không có nghĩa là hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam không có quy định nào liên quan đến Điều 26 UNCAC. Vì vậy, trong báo cáo này vẫn tiến hành khảo sát sự tương thích của pháp luật Việt Nam với Điều 26 của Công ước<sup>5</sup> với mục đích tư vấn.

Kết quả khảo sát cho thấy theo pháp luật Việt Nam, pháp nhân phải chịu các trách nhiệm hành chính và trách nhiệm dân sự về hành vi vi phạm pháp luật, trong đó có vi phạm pháp luật về tham nhũng. Trách nhiệm hành chính và dân sự của pháp nhân trong các vụ việc tham nhũng được quy định trong các Điều 6, 12 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (được sửa đổi, bổ sung một số điều trong các năm 2007, 2008); Điều 618 Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2005; Điều 7, 30, 31, 32 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009...

Cụ thể, về trách nhiệm dân sự, Điều 618 BLDS nêu rõ, pháp nhân phải bồi thường thiệt hại do người của mình gây ra trong khi thực hiện nhiệm vụ được pháp nhân giao; nếu pháp nhân đã bồi thường thiệt hại thì có quyền yêu cầu người có lỗi trong việc gây thiệt hại phải hoàn trả một khoản tiền theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, theo Điều 624 BLDS, pháp nhân làm ô nhiễm môi trường gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật...

Về trách nhiệm hành chính, theo Điều 6 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002, “tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi hành vi hành chính do mình gây ra”. Điều 12 Pháp lệnh này quy định, pháp nhân có thể phải chịu một

trong hai hình thức xử phạt chính là cảnh cáo và phạt tiền, ngoài ra còn có thể phải chịu một trong hai hình thức xử phạt bổ sung bao gồm tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề và tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính. Bên cạnh đó pháp nhân vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả bao gồm: (i) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép; (ii) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra; (iii) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện; (iv) Buộc tiêu huỷ vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng, văn hoá phẩm độc hại; (v) Các biện pháp khác do Chính phủ quy định.

Tuy nhiên, cũng theo các quy định hiện hành có liên quan thì các hành vi nhận hối lộ, đưa hối lộ của pháp nhân không bị coi là vi phạm hành chính (cùng với các hành vi tham gia vào nhóm tội phạm có tổ chức và hành vi cản trở công lý). Duy nhất có hành vi rửa tiền của pháp nhân sẽ là được coi là vi phạm và phải chịu trách nhiệm hành chính theo quy định tại Nghị định 74/2005/NĐ-CP. Vì vậy, có thể kết luận rằng việc quy định trách nhiệm hành chính của pháp nhân trong pháp luật hiện hành của Việt Nam không có nhiều tác dụng trong phòng, chống tham nhũng.

Thêm vào đó, pháp luật Việt Nam chưa quy định pháp nhân là chủ thể chịu trách nhiệm hình sự. Cụ thể, theo Điều 72 Hiến pháp 1992 (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25/12/2001 của Quốc Hội), không ai bị coi là có tội và phải chịu

hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Toà án đã có hiệu lực pháp luật., còn theo Điều 2 BLHS (quy định về cơ sở của trách nhiệm hình sự), chỉ người nào phạm một tội đã được BLHS quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự.

Do pháp luật Việt Nam chưa quy định pháp nhân là chủ thể của tội phạm nên trong các vụ việc tham nhũng chỉ có cá nhân làm việc cho pháp nhân mới có thể phải chịu trách nhiệm hình sự. Theo nhiều chuyên gia, việc này đã và đang gây trở ngại cho việc phòng, chống nhiều dạng tội phạm lợi dụng danh nghĩa pháp nhân, trong đó có tội phạm tham nhũng; cụ thể như các vụ việc lợi dụng danh nghĩa pháp nhân để lừa đảo chiếm đoạt tài sản (tiêu biểu như vụ án EPCO Minh Phụng năm 1997); để buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại (tiêu biểu như vụ Công ty TNHH Đông Nam Á & Associates năm 2006); và để tham nhũng (tiêu biểu như các vụ PMU18 và VINASHIN gần đây). Vấn đề là những vụ việc lợi dụng danh nghĩa pháp nhân để phạm tội thường để lại những hậu quả nhức nhối không chỉ về kinh tế mà còn về các phương diện chính trị, văn hóa, xã hội cho Việt Nam.

Liên quan đến vấn đề trên, kinh nghiệm trên thế giới cho thấy, việc quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân sẽ giúp tăng cường hiệu quả phòng, chống tội phạm, trong đó có tội phạm về tham nhũng. Vì vậy, đã có nhiều quốc gia, ví dụ như Anh, Mỹ, Pháp, Canada, Australia, Hà Lan, Bỉ, Thụy sĩ, Nhật Bản, Singapore, Trung Quốc, Malaysia... quy định pháp nhân là chủ thể của tội phạm.<sup>6</sup>

Từ những phân tích ở trên và xét thấy xu hướng ngày càng có nhiều hơn các vụ việc tham nhũng lợi dụng danh nghĩa pháp nhân xảy ra ở Việt Nam, nhóm tư vấn và nhiều chuyên gia cho rằng Nhà nước nên sớm sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật có liên quan để quy định pháp nhân cũng phải chịu trách nhiệm hành chính về mọi hành vi tham nhũng chứ không chỉ về hành vi rửa tiền như quy định hiện nay, đồng thời quy định pháp nhân cũng là chủ thể của tội phạm trong BLHS (mặc dù đây chỉ là một quy phạm tùy nghi trong Điều 26 UNCAC).

## ĐIỀU 32: BẢO VỆ NHÂN CHỨNG, CHUYÊN GIA VÀ NẠN NHÂN

*Điều 32 ấn định nghĩa vụ bắt buộc với các quốc gia thành viên UNCAC trong việc bảo vệ những người đã đưa ra bằng chứng hoặc chứng thực liên quan đến các tội phạm quy định trong Công ước, cùng những nạn nhân có vai trò như nhân chứng. Điều này cũng yêu cầu các quốc gia thành viên, nếu điều kiện phù hợp, bảo vệ cả thân nhân và những người gần gũi với các nhân chứng, chuyên gia và nạn nhân trong những vụ việc tham nhũng.*

Kết quả khảo sát cho thấy, pháp luật Việt Nam đã có những quy định về bảo vệ nhân chứng, chuyên gia và nạn nhân trong phòng, chống tội phạm, bao gồm các tội phạm tham nhũng. Những chủ thể này, không phân biệt giới tính, đều được bảo vệ theo các quy định chung về quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; ngoài ra pháp luật có những quy định riêng về bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của nhân chứng cùng người thân thích của họ, cụ thể như sau:

- Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm (Điều 71 Hiến pháp 1992, Điều 7 BLTTHS).
- Nạn nhân của các vụ án, người thân hoặc người có quan hệ gần gũi với họ cũng được pháp luật bảo vệ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm. Nhân chứng, nạn nhân hoặc người thân của họ bị đe dọa về tính mạng, sức khỏe, danh dự hoặc nhân phẩm có quyền yêu cầu Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án hoặc các cơ quan tổ chức khác giúp đỡ, bảo vệ (Điều 7 BLTTHS).
- Cũng theo Điều 7 BLTTHS, nhân chứng có quyền yêu cầu cơ quan điều tra triệu tập hoặc bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của mình khi tham gia tố tụng; có quyền khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; có quyền được cơ quan triệu tập thanh toán chi phí đi lại và những chi phí khác theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp nhân chứng cũng như những người thân thích của họ bị đe dọa đến tính mạng, sức khỏe, bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm, tài sản thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng những biện pháp cần thiết để bảo vệ

theo quy định của pháp luật; trong trường hợp cần thiết phải bảo đảm an toàn cho nhân chứng và những người thân thích của họ, Hội đồng xét xử phải quyết định thực hiện biện pháp bảo vệ theo quy định của pháp luật.

- Theo Điều 13(1) Luật Công an nhân dân năm 2005, Nhà nước bảo vệ, giữ bí mật cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Pháp luật Việt Nam hiện đã có những quy định khá cụ thể để bảo vệ nhân chứng, người tố giác, người bị hại trong hai lĩnh vực là an ninh quốc gia và phòng, chống ma túy. Cụ thể, trong lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, Luật An ninh quốc gia năm 2004 yêu cầu các cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia có trách nhiệm “áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ người cộng tác, người tố giác, người làm chứng, người bị hại trong các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia” (Điều 24(1,h)). Quy định này sau đó được cụ thể hóa và hướng dẫn thực hiện trong Nghị định số 151/2005/NĐ-CP ngày 14/12/2005 của Chính phủ. Trong lĩnh vực phòng, chống ma túy, Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 cũng nêu rõ, cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy phải “áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ người tố giác, người làm chứng và người bị hại trong các vụ án về ma túy” (Điều 13(1,e)). Quy định này sau đó được cụ thể hóa và hướng dẫn thực hiện trong Nghị định số 99/2002/NĐ-CP ngày 27/11/2002 của Chính phủ và Thông tư số 09/2004/TT-BCA ngày 16/6/2004 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn áp dụng một số biện pháp bảo vệ người tố giác, người làm chứng, người bị hại trong các vụ án về ma túy.

## ĐIỀU 33: BẢO VỆ NGƯỜI TỔ GIÁC

*Điều 33 ấn định nghĩa vụ bắt buộc với các quốc gia thành viên UNCAC trong việc bảo vệ bất kỳ người nào tố giác các tội phạm quy định trong Công ước khỏi những đối xử bất công, miễn là sự tố giác được thực hiện với thiện ý và dựa trên những chứng cứ hợp lý.*

Từ những quy định trên, có thể thấy pháp luật Việt Nam đã tương thích ở mức độ nhất định với quy định ở Điều 32 UNCAC. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam chưa có những quy định cụ thể để bảo vệ nhân chứng, người bị hại và chuyên gia trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng. Trong khi đó, thực tế cho thấy, nhân chứng, người bị hại và chuyên gia trong các vụ việc tham nhũng cũng thường phải đối mặt với những rủi ro, nguy hiểm đặc biệt. Vì vậy, nhóm tư vấn và hầu hết các chuyên gia đều cho rằng Nhà nước nên sớm nghiên cứu, củng cố các quy định và văn bản pháp luật có liên quan đến bảo vệ nhân chứng, chuyên gia, đặc biệt là các nạn nhân đóng vai trò như nhân chứng trong các vụ án tham nhũng cùng những người thân thích của họ. Những sửa đổi, bổ sung cần tập trung vào các cơ chế, biện pháp bảo vệ chuyên gia, nhân chứng hoặc nạn

nhân mà đã được đề cập trong Điều 32 UNCAC nhưng hiện chưa được quy định cụ thể trong pháp luật, cũng như chưa hoặc ít được thực hiện trên thực tế ở Việt Nam, cụ thể như: ký thỏa thuận với các quốc gia khác nhằm tái định cư những chuyên gia, nhân chứng hoặc nạn nhân đối mặt với nguy hiểm cao; thay đổi thông tin hoặc nhận dạng cá nhân của họ, hay giúp họ chuyển đổi nơi làm việc, vị trí công tác... Theo nhiều chuyên gia, mặc dù những yêu cầu về vấn đề này của UNCAC chỉ mang tính khuyến nghị, song Nhà nước nên xem xét nội luật hóa và đầu tư nguồn lực nhằm huy động sự tham gia rộng rãi của công chúng, từ đó nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng trong thời gian tới.

Kết quả khảo sát cho thấy, tương tự như với việc bảo vệ nhân chứng, chuyên gia và nạn nhân, pháp luật Việt Nam có nhiều quy định về bảo vệ người tố giác trong phòng, chống tội phạm, bao gồm các tội phạm tham nhũng. Dưới đây liệt kê một số văn bản và quy định tiêu biểu:

- Điều 74 Hiến pháp 1992 khẳng định quyền khiếu nại, tố cáo của công dân và nghĩa vụ xem xét giải quyết của các cơ quan nhà nước có liên quan, trong đó quy định : “Công dân có quyền khiếu nại, quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân hoặc bất cứ cá nhân nào. Việc khiếu nại, tố cáo phải được cơ quan nhà nước xem xét và giải quyết trong thời hạn pháp luật quy định”. Quyền này được cụ thể hóa trong Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 (được sửa đổi, bổ sung năm 2004 và 2005), trong đó đưa ra một khung pháp lý khá đầy đủ với các quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, tố cáo, người bị khiếu nại, tố cáo; tổ chức tiếp công dân khiếu nại, tố cáo; quản lý, giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo. Theo pháp luật Việt Nam, quyền khiếu nại, tố cáo cũng được áp dụng với những người bị tư xử tự do (Điều 29 Quy chế trại giam, ban hành kèm theo Nghị định số 113/2008/NĐ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ).
- Điều 74 Hiến pháp 1992 đồng thời nghiêm cấm mọi hành vi đe dọa, ngược đãi, trả thù người khiếu nại, tố cáo. Quy định này được cụ thể hóa trong Điều 76 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998, trong đó quy định: “Nghiêm cấm mọi hành vi cản trở việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, đe dọa, trả thù, trù dập người khiếu nại, tố cáo; tiết lộ họ, tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo; cố tình không giải quyết hoặc giải quyết khiếu nại, tố cáo trái pháp luật; bao che người bị khiếu nại, tố cáo; can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; kích động, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc người khác khiếu nại, tố cáo sai sự thật; đe

dọa, xúc phạm người có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo; lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để xuyên tạc, vu khống, gây rối trật tự”.

- Điều 132 BLHS năm 1999 quy định tội xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo, theo đó người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn để cản trở việc khiếu nại, tố cáo, việc xét và giải quyết các khiếu nại, tố cáo hoặc việc xử lý người bị khiếu nại, tố cáo hoặc có trách nhiệm mà cố ý không chấp hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền xét và giải quyết các khiếu nại, tố cáo gây thiệt hại cho người khiếu nại, tố cáo thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm. Người nào trả thù người khiếu nại, tố cáo thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ một năm đến 5 năm.
- Điều 72 Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998 quy định về việc bảo vệ tung tích người tố cáo, theo đó, cơ quan, tổ chức, đơn vị cá nhân tiếp nhận tố cáo, giải quyết tố cáo phải giữ bí mật cho người tố cáo; không được tiết lộ họ, tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo và các thông tin khác có hại cho người tố cáo.
- Điều 65 Luật Phòng, Chống Tham nhũng năm 2005 quy định về việc xử lý và bảo vệ người tố cáo tham nhũng, theo đó người đứng đầu cơ quan tổ chức có thẩm quyền khi nhận được tố cáo hành vi tham nhũng phải xem xét và xử lý theo thẩm quyền, giữ bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích và các thông tin khác theo yêu cầu của người tố cáo; áp dụng đồng thời các biện pháp cần thiết để bảo vệ người tố cáo khi có biểu hiện đe dọa, trả thù, trù dập người tố cáo hoặc khi người tố cáo yêu cầu; thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo khi có yêu cầu. Quy định này sau đó được cụ thể hóa trong chương V (về thẩm quyền, thủ tục tiếp

- nhận, thụ lý và giải quyết tố cáo tham nhũng; quy định về bảo vệ, khen thưởng người tố cáo tham nhũng) của Nghị định số 120/2006/NĐ-CP ngày 20/10/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, Chống Tham nhũng năm 2005.
- Quy định về khen thưởng người tố cáo tham nhũng: Thông tư liên tịch số 03/2011/TTLT-BNV-TTCTP ngày 6/5/2011 của Bộ Nội vụ-Thanh tra Chính phủ quy định về việc khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc trong tố cáo, phát hiện hành vi tham nhũng.

Bên cạnh các quy định kể trên, Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 7/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng đã giao cho Bộ Công an chủ trì xây dựng Quy chế bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng và Luật Bảo vệ nhân chứng, người cung cấp thông tin tố giác tội phạm để thông qua trong giai đoạn 2011-2016.<sup>7</sup> Bên cạnh đó, nằm trong Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2011,<sup>8</sup> một Thông tư liên tịch của các Bộ Công an - Bộ Quốc phòng - Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao - Tòa án Nhân dân Tối cao đang được xây dựng nhằm hướng dẫn việc bảo vệ người làm chứng, người tố giác tội phạm, người bị hại trong điều tra vụ án hình sự (dự kiến ban hành vào tháng 6/2011 nhưng hiện chưa hoàn thành). Ngoài ra, Luật Khiếu nại, Tố cáo năm 1998 hiện cũng đang được sửa đổi, bổ sung theo hướng tách thành hai luật riêng (Luật Tố cáo và Luật Khiếu nại) với mục đích xây dựng các phương án tiếp nhận, xử lý và bảo vệ người tố cáo tốt hơn. Cả hai Dự thảo Luật Tố cáo và Luật Khiếu nại đã được Chính phủ trình lên Quốc Hội vào ngày 30/05/2010, được thảo luận cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XII (tháng 10/2010) và dự kiến sẽ được biểu quyết thông qua tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIII (tháng 11-2011).<sup>9</sup>

Từ những thông tin nêu trên, có thể kết luận rằng Việt Nam đã có một khuôn khổ pháp lý ở mức nền tảng về bảo vệ người tố cáo tham nhũng và đang nỗ lực củng cố khuôn khổ pháp lý đó. Tuy nhiên, các chuyên gia đều nhất trí cho rằng, trong thời điểm hiện tại, người tố cáo tham nhũng ở Việt Nam chưa được và thực tế chưa thể được bảo vệ hiệu quả, do các quy định hiện hành về bảo vệ người tố cáo ở Việt Nam được nêu rải rác trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau, gây khó khăn cho việc áp dụng trong thực tế. Nhưng

quan trọng hơn đó là, hầu hết các quy định pháp luật về bảo vệ người tố cáo ở Việt Nam mới chỉ dừng lại ở nguyên tắc, thiếu hướng dẫn cụ thể. Pháp luật Việt Nam cũng chưa quy định những biện pháp bảo vệ rất cần thiết với người tố cáo tham nhũng như bố trí người bảo vệ họ, đặc biệt trong thời gian điều tra, xét xử vụ án; kèm theo đó là quy định về trang bị vũ khí, công cụ bảo vệ, kinh phí cho người bảo vệ, việc sơ tán tạm thời, thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc, học tập, giấy tờ tùy thân... của người tố cáo và người thân của họ, cách thức xử lý khi người tố cáo từ chối việc bảo vệ.... Đây chính là lý do khiến số người tố cáo tham nhũng trong thời gian qua ở Việt Nam không cao, trong khi tình hình tham nhũng vẫn diễn biến phức tạp. Vì vậy, các chuyên gia đều cho rằng Nhà nước cần đẩy nhanh tiến độ xây dựng các văn bản pháp luật mới đã nêu ở trên (bao gồm Thông tư liên tịch hướng dẫn việc bảo vệ người làm chứng, người tố giác tội phạm, người bị hại trong điều tra vụ án hình sự; Quy chế bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng và Luật Bảo vệ nhân chứng, người cung cấp thông tin tố giác tội phạm và hai đạo Luật tố cáo và Luật khiếu nại), nhằm củng cố, hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về bảo vệ người tố giác tham nhũng và những người thân thích của họ. Trong vấn đề này, các chuyên gia còn nhấn mạnh rằng, các văn bản pháp luật đang xây dựng cần đặc biệt chú trọng đến tính thực tiễn, khả thi của cơ chế thi hành, nhằm bảo đảm rằng chúng sẽ được thực thi một cách hiệu quả, từ đó mới bảo vệ được người tố cáo tham nhũng và khuyến khích người dân tích cực tham gia vào cuộc chiến chống tham nhũng của Chính phủ.

Khảo sát cũng cho thấy, để hỗ trợ Chính phủ trong việc xây dựng Luật tố cáo, một nhóm chuyên gia của TI và TT đã nghiên cứu và xây dựng bản Báo cáo Góp ý Dự thảo Luật Tố cáo, trong đó bao gồm những khuyến nghị cụ thể về việc hoàn thiện dự thảo này theo hướng bảo vệ tốt nhất người tố cáo tham nhũng, phù hợp với các tiêu chuẩn pháp lý và kinh nghiệm quốc tế về vấn đề này (báo cáo đã được gửi tới Thanh tra Chính phủ vào tháng 7/2011). Nhóm tư vấn và nhiều chuyên gia cho rằng, để hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về bảo vệ người tố cáo tham nhũng, Chính phủ có thể tham khảo thêm bản báo cáo góp ý đó.

# PHẦN IV: VẤN ĐỀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP TRONG TRƯỜNG HỢP THIẾU ĐIỀU KIỆN CÙNG HÌNH SỰ HÓA

*Điều 46 (Chương IV) UNCAC đề cập chi tiết đến nghĩa vụ của các quốc gia thành viên trong việc tương trợ lẫn nhau về mặt pháp lý, với những biện pháp rộng rãi nhất, trong điều tra, truy tố và xét xử những loại tội phạm được quy định trong Công ước. Tuy nhiên, do giới hạn về thời gian và nguồn lực, khảo sát này chỉ tập trung vào một khía cạnh quan trọng đó là tương trợ tư pháp trong trường hợp thiếu điều kiện cùng hình sự hóa (Điều 46(9)(b)&(c)) nhìn từ góc độ và thực tiễn ở Việt Nam.*

*Điều 46(9)(b)&(c) quy định, các quốc gia thành viên UNCAC có thể từ chối tương trợ tư pháp nếu thiếu điều kiện cùng hình sự hóa, song phải cân nhắc đến các mục đích của Công ước được quy định tại Điều 1. Việc từ chối sẽ không được chấp nhận nếu sự tương trợ tư pháp không liên quan đến những hành vi mang tính cưỡng chế. Và kể cả trong trường hợp thiếu điều kiện cùng hình sự hóa, các quốc gia thành viên vẫn cần xem xét mở rộng phạm vi tương trợ tư pháp theo Điều này.*

Kết quả khảo sát cho thấy pháp luật Việt Nam đã tương thích với quy định ở Điều 46(9)(b)&(c) UNCAC. Cụ thể, Luật Tương trợ Tư pháp năm 2007, BLTTHS và một số văn bản pháp luật khác có liên quan của Việt Nam, cũng như các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia đều quy định việc từ chối tương trợ trong trường hợp thiếu điều kiện cùng hình sự hóa (tội phạm kép). Tuy nhiên, trong thực tế, xuất phát từ chủ trương và quyết tâm của Nhà nước Việt Nam về phòng, chống tội phạm tham nhũng, các thông tin có liên quan đến những hành vi phạm tội theo UNCAC mà chưa được hình sự hóa theo pháp luật Việt Nam vẫn có thể được cung cấp cho các quốc gia liên quan, đặc biệt là thông qua các kênh phối hợp của INTERPOL, ASEANAPOL, với điều kiện là những thông tin đó không gây tổn hại đến độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Thêm vào đó, Luật Tương trợ Tư pháp năm 2007 (Điều 25) cũng quy định, người đang chấp hành hình phạt tù tại Việt Nam có thể được dẫn giải cho cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu để cung cấp chứng cứ trong vụ án hình sự tại

nước yêu cầu, song phải đáp ứng các điều kiện như có sự đồng ý của người đang chấp hành hình phạt tù và có cam kết bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu về việc bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, điều kiện ăn ở, đi lại, thời hạn, phương thức tiếp nhận, trao trả và các điều kiện cụ thể khác liên quan đến việc dẫn giải do cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam đề nghị. Nội dung này cũng được quy định trong các Hiệp định tương trợ tư pháp mà Việt Nam đã ký kết với nhiều nước, bao gồm với Liên bang Nga (1981), Tiệp Khắc (1982), Cuba (1984), Hungari (1985), Lào (1998), Trung Quốc (1998), Belarus (2000), CHDCND Triều Tiên (2002), Hàn Quốc (2003), Ấn Độ (2007), Anh (2009), Algérie (2010)..

Theo các chuyên gia, trong thời gian tới, Nhà nước nên duy trì và nghiên cứu mở rộng hơn nữa phạm vi và các biện pháp tương trợ tư pháp với các tội phạm tham nhũng theo tinh thần Điều 46(9)(b)&(c) UNCAC trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc có liên quan của pháp luật Việt Nam.

# PHẦN V: VẤN ĐỀ THỰC THI PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

*Thực thi pháp luật là một khái niệm rộng, được đề cập trong nhiều điều khoản của UNCAC. Tuy nhiên, do giới hạn về thời gian và nguồn lực, khảo sát này chỉ tập trung vào một số khía cạnh quan trọng được quy định trong các Điều 11 và 36 của Công ước.*

*Điều 11 UNCAC đặt ra nghĩa vụ với các quốc gia thành viên trong việc bảo đảm tính độc lập của tòa án và cơ quan công tố trong đấu tranh chống tham nhũng. Thêm vào đó, Điều này cũng yêu cầu các quốc gia thành viên có biện pháp tăng cường tính liêm chính cho cán bộ toà án và công tố viên. Điều 36 đặt ra yêu cầu với các quốc gia thành viên trong việc thành lập cơ quan chuyên trách hoặc đội ngũ cán bộ đấu tranh chống tham nhũng, đồng thời bảo đảm họ có đủ năng lực và tính độc lập cần thiết để có thể thực hiện nhiệm vụ một cách có hiệu quả và không phải chịu những áp lực bất hợp pháp.*

Khảo sát cho thấy về phương diện lập pháp, pháp luật Việt Nam về cơ bản đã tương thích với các quy định ở các Điều 11 và 36 UNCAC. Cụ thể, liên quan đến Điều 11, BLTTHS bao gồm các quy định khẳng định và bảo đảm tính độc lập của tòa án và viện kiểm sát nhân dân trong hoạt động tố tụng (các Điều 16, 23, 36, 37, 181, 195, 196, 232). Thêm vào đó, BLHS có một điều (Điều 297, về tội ép buộc nhân viên tư pháp làm trái pháp luật) cũng có tác dụng bảo vệ, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm hại đến tính độc lập và khách quan, chỉ tuân theo pháp luật của nhân viên, công chức các cơ quan tư pháp trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Ngoài ra, vấn đề tính độc lập của tòa án và viện kiểm sát còn được thể hiện qua nhiều quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002 và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002.

Liên quan đến Điều 36 UNCAC, Luật Phòng, Chống Tham nhũng năm 2005 và một số văn bản pháp luật khác đã quy định việc thành lập các cơ quan, đơn vị chuyên trách phòng, chống tham nhũng, trong đó bao gồm: a) Các Ban Chỉ đạo cấp trung ương và cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng; b) Cục Chống tham nhũng thuộc Thanh tra Chính phủ; c) Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng thuộc Bộ Công an; d) Vụ Thực

hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án tham nhũng thuộc Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Theo các văn bản pháp luật có liên quan, những cơ quan, đơn vị chuyên trách phòng, chống tham nhũng này thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo các quy định của pháp luật và chỉ tuân theo pháp luật. Điều này về mặt pháp lý giúp các cơ quan, đơn vị chuyên trách về phòng, chống tham nhũng chống lại mọi sự cản trở, gây sức ép hoặc can thiệp trái pháp luật của bất cứ cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị nào trong quá trình điều tra, truy tố, kiểm sát xét xử các vụ việc tham nhũng.

Tuy vậy, hầu hết chuyên gia được khảo sát cho rằng, hệ thống các cơ quan phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam (bao gồm các cơ quan tư pháp) vẫn chưa thể hiện được vai trò quan trọng cần thiết trong phòng, chống tham nhũng. Điều này bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, trong đó những nguyên nhân chính bao gồm: (i) Mặc dù có tính độc lập về mặt pháp lý, song do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, hoạt động của các cơ quan tư pháp và cơ quan phòng, chống tham nhũng trên thực tế chưa thực sự được độc lập; (ii) Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ về phòng, chống tham nhũng của đội ngũ cán bộ các cơ quan này còn hạn

chế, đặc biệt trong việc điều tra, truy tố, xét xử những vụ việc tham nhũng phức tạp; (iii) Đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ chuyên trách về phòng, chống tham nhũng còn mỏng, trang bị, phương tiện kỹ thuật còn thiếu thốn; (iv) Phẩm chất đạo đức của một số cán bộ, đặc biệt là ở các cơ quan tư pháp, còn chưa cao, khiến cho tình trạng tham nhũng vẫn đang diễn biến phức tạp ngay trong hoạt động tư pháp; (v) Chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan trong hệ thống chưa cụ thể, dẫn đến chồng chéo trong hoạt động, chưa có cơ chế phối hợp hiệu quả.

Từ những nhận định trên, nhiều chuyên gia cho rằng, việc củng cố, hoàn thiện hệ thống các cơ quan phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam, cụ thể là tổ chức lại hệ thống các cơ quan thực thi pháp luật, đảm bảo tính độc lập về tổ chức, nhân sự trong hoạt động điều tra, truy tố nói chung và điều tra, truy tố tham nhũng nói riêng,

là một nhu cầu cấp thiết mà Nhà nước cần làm trong thời gian tới. Để làm được điều này, Nhà nước nên nghiên cứu, tham khảo các mô hình, kinh nghiệm của các nước thành công trong cuộc chiến chống tham nhũng, đặc biệt là kinh nghiệm về tổ chức, hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng, từ đó củng cố, hoàn thiện về tổ chức, hoạt động và cơ chế phối hợp của các cơ quan, đơn vị chuyên trách phòng, chống tham nhũng hiện nay ở Việt Nam. Thêm vào đó, bên cạnh việc gửi cán bộ đi học tập ở nước ngoài, Nhà nước cũng nên khuyến khích các trường đại học, viện nghiên cứu có liên quan ở trong nước xây dựng và thực hiện các chương trình giảng dạy, nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực này để đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm việc cho các cơ quan phòng, chống tham nhũng.

# PHẦN VI: TIẾP CẬN THÔNG TIN VỀ CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG

Tiếp cận thông tin (access to information) là một quyền con người theo luật nhân quyền quốc tế, được gọi là quyền tiếp cận thông tin (the right of access to information). Quyền này được ghi nhận trong Điều 19 của Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền năm 1948 và Điều 19 của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 (mà Việt Nam đã tham gia từ năm 1982).

Trong Báo cáo về tình hình tham nhũng trên toàn cầu (Global Corruption Report) năm 2003, TI đã khẳng định, tiếp cận thông tin là ‘vũ khí quan trọng nhất trong đấu tranh chống tham nhũng’.<sup>10</sup> Một tổ chức quốc tế hàng đầu khác trong lĩnh vực này là Privacy International cũng đưa ra nhận định tương tự.<sup>11</sup>

Quyền tiếp cận thông tin cũng được nhấn mạnh trong nhiều điều khoản của UNCAC. Cụ thể, Công ước yêu cầu các quốc gia thành viên thực thi các biện pháp để bảo đảm quyền của công chúng được tiếp cận với thông tin (Điều 10), đồng thời đề ra những quy định cụ thể về tính minh bạch và cởi mở trong hoạt động của các cơ quan công quyền (các Điều 5,7,9,10,12,13).

Bởi tiếp cận thông tin được cộng đồng quốc tế coi là công cụ không thể thiếu trong cuộc chiến chống tham nhũng, ở cấp độ quốc gia, tính đến tháng 9/2009, đã có 140 nước trên khắp các châu lục ban hành luật tiếp cận thông tin.<sup>12</sup> Ở Việt Nam, mặc dù Hiến pháp đã thừa nhận quyền được thông tin (Điều 69) và cụ thể hoá trong nhiều đạo luật như Luật Phòng, Chống tham nhũng năm 2005, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007, Luật Báo chí năm 1989... song nhìn chung khuôn khổ pháp luật về vấn đề này của Việt Nam vẫn chưa tương thích với các tiêu chuẩn và thực tiễn quốc tế. Vì vậy, Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 (ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 12/5/2009 của Chính phủ) đã xác định một trong các giải pháp cụ thể để phòng, chống tham nhũng trong giai đoạn tới là: “...xây

dựng và ban hành luật về tiếp cận thông tin...” (mục III, 1(đ)). Xuất phát từ yêu cầu đó, hiện nay Bộ Tư pháp đang chủ trì, phối hợp với một số cơ quan, tổ chức khác xây dựng Luật tiếp cận thông tin đầu tiên của Việt Nam.

Khảo sát này không nhằm đánh giá toàn bộ khuôn khổ pháp luật Việt Nam về tiếp cận thông tin, mà chỉ góp phần phân tích vấn đề ở một khía cạnh, đó là tiếp cận thông tin với các vụ việc tham nhũng xảy ra trong thực tế. Khảo sát cho thấy những vụ việc tham nhũng lớn diễn ra ở Việt Nam trong khoảng 5 năm gần đây đã được nhóm tư vấn và các chuyên gia ghi nhận (số vụ việc và tiến trình tố tụng được cập nhật đến 30/7/2011) bao gồm:

1. Vụ PMU18: Khởi tố vụ án với 8 bị can bao gồm Bùi Tiến Dũng (nguyên Tổng giám đốc PMU 18) ngày 01/3/2006 về hành vi cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, gây hậu quả nghiêm trọng tại PMU18, và với 13 bị can bao gồm Bùi Tiến Dũng ngày 07/8/2007 về hành vi tham ô tài sản trong Dự án xây dựng cầu Bãi Cháy. Sau ba phiên tòa (gần nhất vào ngày 6/7/2011), riêng Bùi Tiến Dũng bị tuyên án tổng cộng 23 năm tù giam.<sup>13</sup>

2. Vụ Huỳnh Ngọc Sỹ (nguyên Giám đốc Ban quản lý dự án Đại lộ Đông – Tây và Môi trường nước ở TP.Hồ Chí Minh) và đồng phạm: Khởi tố vụ án với hai bị can (Huỳnh Ngọc Sỹ và Lê Quà) ngày 09/2/2009 về hành vi ‘lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ’ khi tiến hành dự án Đại lộ Đông – Tây và Môi trường nước ở TP.Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm ngày 25/9/2009, xét xử phúc thẩm ngày 16/3/2010. Theo kết quả xét xử phúc thẩm, Huỳnh Ngọc Sỹ bị kết án 6 năm tù giam, Lê Quà bị kết án 5 năm tù giam. Khởi tố vụ án đưa, nhận hối lộ ngày 09/12/2008, khởi tố bị can Huỳnh Ngọc Sỹ về tội nhận hối lộ vào ngày 25/9/2010. Hiện vụ việc vẫn đang trong quá trình điều tra.<sup>14</sup>

3. Vụ Lương Phượng Các (nguyên Phó giám đốc sở Văn hoá thông tin, Trưởng Ban quản lý dự án Khu di tích lịch sử Điện Biên) và đồng phạm: Khởi tố vụ án ngày 07/6/2007, với 10 bị can về các hành vi: tham ô tài sản; cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, gây hậu quả nghiêm trọng; lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ trong quá trình thực hiện dự án Khu di tích lịch sử Điện Biên. Xét xử sơ thẩm lần thứ nhất ngày 29/3/2010 (quyết định hoãn phiên tòa, trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung). Xử sơ thẩm lần thứ hai ngày 11/1/2011, tuyên phạt các bị cáo:

Lương Phượng Các 44 tháng 25 ngày tù giam, Lê Văn Viễn 44 tháng 25 ngày tù giam, Võ Thị Hồng 25 tháng 4 ngày tù giam; Lê Huyền bị cảnh cáo trước tòa; Nguyễn Đức Sừng 24 tháng tù treo.<sup>15</sup>

4. Vụ Trần Ngọc Sương (nguyên Giám đốc Nông trường Sông Hậu) và đồng phạm: Khởi tố vụ án ngày 09/8/2008, với 5 bị can về hành vi lập quỹ trái phép ở Nông trường Sông Hậu. Xét xử sơ thẩm ngày 15/8/2009, phúc thẩm ngày 19/11/2009, xét xử giám đốc thẩm ngày 27/5/2010 (theo kháng nghị của Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, hủy án sơ thẩm, phúc thẩm để điều tra lại).<sup>16</sup>

5. Vụ Trần Văn Khánh (nguyên Giám đốc Tổng công ty Vật tư Nông nghiệp – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) và đồng phạm: Khởi tố vụ án ngày 30/11/2007, với 4 bị can về các hành vi tham ô tài sản và cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, gây hậu quả nghiêm trọng ở Tổng công ty Vật tư Nông nghiệp – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Xét xử sơ thẩm ngày 01/3/2011, quyết định hoãn phiên tòa, trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung.<sup>17</sup>

6. Vụ Cao Minh Huệ (nguyên Giám đốc Sở Tài nguyên-Môi trường tỉnh Bình Dương) và đồng phạm: Khởi tố vụ án ngày 29/10/2009, với 4 bị can về các hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Hiện đang trong quá trình điều tra.<sup>18</sup>

7. Vụ Công ty cổ phần nông nghiệp rừng Tây Nguyên thuộc Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam: Khởi tố vụ án ngày 05/3/2009, khởi tố 05 bị can về hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ ở Công ty cổ phần nông nghiệp rừng Tây Nguyên thuộc Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam. Hiện đang trong quá trình điều tra.<sup>19</sup>

8. Vụ Lương Hoài Nam (nguyên Tổng giám đốc Jetstar Pacific Airlines): Khởi tố vụ án ngày 07/01/2010, khởi tố Lương Hoài Nam về hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng xảy ra tại Công ty cổ phần hàng không Jetstar Pacific Airlines. Hiện đang trong quá trình điều tra.<sup>20</sup>

9. Vụ Đoàn Tiến Dũng (nguyên Phó Tổng Giám đốc BIDV) và Lê Thị Thanh Bình (nguyên Phó Tổng Giám đốc BIDV chi nhánh Hải Phòng): Khởi tố vụ án ngày 04/02/2010, khởi tố Đoàn Tiến Dũng và Lê Thị Thanh Bình về các hành vi nhận hối lộ và lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi xảy ra tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BIDV. Xử sơ thẩm ngày 30/9/2010 (trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung).<sup>21</sup>

10. Vụ Nguyễn Anh Tuấn (nguyên Phó giám đốc Sở quản lý, kinh doanh vốn và ngoại tệ (SQL) thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Agribank) và đồng phạm: Khởi tố vụ án ngày 15/5/2007, khởi tố 5 bị can về hành vi cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, gây hậu quả nghiêm trọng (401 tỷ đồng) ở Sở quản lý, kinh doanh vốn và ngoại tệ thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Hiện đang trong quá trình điều tra.<sup>22</sup>

11. Vụ Nguyễn Đình Thản (nguyên Giám đốc Công ty Vinaconex 10, thuộc Tổng công ty Vinaconex) và đồng phạm: Khởi tố vụ án ngày 10/02/2007, khởi tố 8 bị can về các hành vi đưa hối lộ và nhận hối lộ ở Công ty Vinaconex 10, thuộc Tổng công ty Vinaconex. Tháng 3/2010, Viện KSNDTC đã có cáo trạng truy tố và chuyển TAND thành phố Đà Nẵng chuẩn bị xét xử.<sup>23</sup>

13. Vụ Trần Xuân Đính (nguyên Tổng Giám đốc Tổng công ty Xây dựng miền Trung – Cosevco) và đồng phạm: Khởi tố vụ án ngày 27/02/2008, khởi tố 9 bị can về hành vi cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, gây hậu quả nghiêm trọng tại Tổng công ty Xây dựng miền Trung – Bộ Xây dựng. Hiện đang trong quá trình điều tra.<sup>24</sup>

14. Vụ Trần Lệ Thủy, Hoàng Trung Thông (cán bộ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (BIDV Đông Đô)) và đồng phạm: Khởi tố vụ án ngày 25/4/2008, khởi tố 11

bị can về các hành vi tham ô tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản (204 tỷ đồng) xảy ra tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô. Xét xử sơ thẩm ngày 10/7/2011 (trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung).<sup>25</sup>

15. Vụ Đặng Nam Trung (nguyên Giám đốc Công ty Đầu tư phát triển du lịch và Khoa học kỹ thuật thuộc Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ quốc gia) và đồng phạm: Khởi tố vụ án ngày 10/4/2002, khởi tố 8 bị can về hành vi tham ô tài sản xảy ra tại Công ty Đầu tư phát triển du lịch và Khoa học kỹ thuật thuộc Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ quốc gia. Sau bốn lần xử sơ thẩm, trong phiên tòa ngày 15/11/2007, Đặng Nam Trung bị tuyên 10 năm tù giam.<sup>26</sup>

16. Vụ Vũ Đình Thuần (nguyên Phó chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Trưởng ban điều hành Đề án tin học hóa bộ máy hành chính (Đề án 112) và đồng phạm: Khởi tố vụ án ngày 13/9/2007. Xét xử sơ thẩm ngày 25/01/2010, tuyên tổng cộng 9 án tù giam, 12 án tù treo, 2 án cải tạo không giam giữ cho Vũ Đình Thuần và 22 bị cáo khác, về các tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” và “Lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi”.<sup>27</sup>

17. Vụ Tập đoàn kinh tế VINASHIN: Khởi tố, bắt giam nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị Phạm Thanh Bình ngày 4/8/2010 để điều tra những vi phạm khiến VINASHIN nợ tới gần 86.000 tỷ đồng và đứng trên bờ vực phá sản. Phát lệnh truy nã quốc tế với Giang Kim Đạt, nguyên Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Vận tải viễn dương và Hồ Ngọc Tùng, nguyên Tổng Giám đốc tài chính của Tập đoàn (đã ra nước ngoài trước khi bị khởi tố) ngày 18/6/2011...<sup>28</sup>

Ngoài các vụ việc nổi bật kể trên, trong mấy năm gần đây, các chuyên gia còn đề cập đến một số vụ tham nhũng nghiêm trọng khác như: *Vụ Nguyễn Lâm Thái (nguyên Tổng giám đốc Tập đoàn CIP) và 45 đồng phạm* bị truy tố và xét xử về hai tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và trốn thuế, trong đó trong phiên tòa sơ thẩm ngày 21/5/2008, riêng Nguyễn Lâm Thái bị tuyên phạt 26 năm tù;<sup>29</sup> *Vụ Nguyễn Đức Chi (nguyên chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Đầu tư và Phát triển du lịch - RIT)* bị kết án 4 năm tù về tội “sử dụng trái phép tài sản” trong việc mua gạo (trả chậm) của IMEX Trà Vinh để bán ra nước ngoài; đồng thời bị kết án 1,5 năm về tội “làm giả tài liệu của cơ

quan, tổ chức” liên quan đến việc xây dựng khu nghỉ mát Rusalka ở khu vực Bãi Tiên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;<sup>30</sup> *Vụ Nguyễn Quốc Sơn và đồng phạm* bị truy tố về hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ liên quan đến quản lý đất đai ở xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội;<sup>31</sup> *Vụ Dương Văn Mai (Tư Sơn-Bắc Ninh) và Tống Văn Dư (Tân Yên-Bắc Giang)* bị truy tố về hành vi đưa hối lộ và môi giới hối lộ (trên 10 tỷ đồng) tại TP.HCM;<sup>32</sup> *Vụ Công Phương Toàn và đồng phạm* bị truy tố về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại Dự án Khu đô thị Nam Thăng Long, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội;<sup>33</sup> *Vụ Công ty Xăng dầu Hàng không* với 18 đối tượng bị truy tố về hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ;<sup>34</sup> *Vụ Công ty Cao su Phú Riềng (tỉnh Bình Phước)* với ba đối tượng bị truy tố và xét xử về tội tham ô tài sản;<sup>35</sup> *Vụ Dương Xuân Túy* bị truy tố và xét xử về tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, gây hậu quả nghiêm trọng tại Tổng công ty Dâu tằm tơ Việt Nam;<sup>36</sup> *Vụ Nguyễn Thanh Thủy cùng đồng phạm* bị truy tố về hành vi tham ô tài sản và thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng tại Báo Người cao tuổi;<sup>37</sup> *Vụ Nguyễn Văn Huấn cùng đồng phạm* bị truy tố và xét xử về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại Công ty cổ phần cung ứng tàu biển (Quảng Ninh);<sup>38</sup> *Vụ nghị án Công ty Securency* (Úc) hối lộ quan chức cấp cao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để giành hợp đồng in tiền polyme.<sup>39</sup>

Như đã dẫn nguồn, thông tin về các vụ án tham nhũng kể trên đều đã được đăng tải trên báo chí (ngoài các báo điện tử đã dẫn nguồn, thông tin còn được đăng tải bởi nhiều báo viết, và trong một số vụ việc trên cả đài truyền hình và đài phát thanh). Điều này cho thấy các vụ việc tham nhũng lớn ở Việt Nam về cơ bản đã được công khai cho công chúng biết thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Trong hầu hết các vụ việc đã nêu ở trên, tiến trình tố tụng đã được cập nhật bởi báo chí.

Tuy nhiên, khảo sát cũng cho thấy thông tin về các vụ việc tham nhũng được công khai chỉ mang tính khái quát. Theo một số chuyên gia, hồ sơ đầy đủ về các vụ việc vẫn chỉ được lưu hành nội bộ trong một số cơ quan nhà nước có thẩm quyền, và việc tiếp cận thông tin chi tiết về các vụ việc tham nhũng, cụ thể như cáo trạng

hay toàn bộ hồ sơ vụ án còn khó khăn. Trên thực tế, chỉ có một số đối tượng như luật sư, phóng viên, người làm công tác nghiên cứu mới có thể tiếp cận hồ sơ đầy đủ về các vụ án tham nhũng, nhưng không phải thông tin nào mà họ được tiếp cận cũng được phép công bố - mặc dù về nguyên tắc hầu hết các tài liệu này không bị coi là bí mật nhà nước. Thêm vào đó, trong một số vụ việc tham nhũng hoặc nghi ngờ tham nhũng lớn (ví dụ như vụ Đại lộ Đông-Tây và vụ nghi án Securency hối lộ in tiền polyme), thông tin chỉ được báo chí trong nước đăng tải một thời gian sau khi được đưa bởi báo chí nước ngoài.

Như đã đề cập ở trên, ý kiến của nhiều chuyên gia cho rằng nguyên nhân chính của thực trạng kể trên là khuôn khổ pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của Việt Nam còn chưa hoàn chỉnh. Mặc dù vấn đề công khai, minh bạch thông tin do các cơ quan nhà nước nắm giữ, bao gồm việc công khai, minh bạch thông tin về các vụ việc tham nhũng, đã được quy định trong Luật Phòng, Chống Tham nhũng, Luật Báo chí và nhiều văn bản pháp luật khác, song còn thiếu các quy định cụ thể về *giới hạn của những thông tin không được công bố, cũng như về trách nhiệm và chế tài với các cơ quan, nhân viên nhà nước không tuân thủ nghĩa vụ công khai hoặc cung cấp thông tin cho báo chí và công chúng*...<sup>40</sup> Cũng như đã đề cập ở trên, để khắc phục những hạn chế này, Chính phủ (mà chủ trì là Bộ Tư pháp) đã tiến hành soạn thảo Luật tiếp cận thông tin và đã trình lên Quốc Hội để dự kiến đưa ra thảo luận cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XII (tháng 10/2009) rồi biểu quyết thông qua tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XII (tháng 5/2010), tuy nhiên cho đến nay Luật này vẫn đang đợi Quốc Hội xem xét thông qua.<sup>41</sup>

Những hạn chế về tiếp cận thông tin như nêu ở trên là một trong những nguyên nhân khiến lòng tin của người dân vào cuộc chiến chống tham nhũng của Nhà nước còn thấp. Hầu hết các

chuyên gia cũng cho rằng, để khắc phục những hạn chế đó, cần sớm thông qua Luật Tiếp cận Thông tin với những quy định toàn diện và cụ thể, đặc biệt là về những ngoại lệ mà cho phép không công khai thông tin cũng như về nghĩa vụ của các cơ quan, công chức nhà nước trong việc thi hành luật. Điều này bao gồm cả việc sửa đổi, bổ sung thêm Dự thảo Luật tiếp cận thông tin mà Chính phủ đã trình lên Quốc Hội (Dự thảo 4, trình lên ngày 25/5/2009)<sup>42</sup> để làm cho nó tương thích hơn nữa với các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế.<sup>43</sup>

Việc có một đạo luật về tiếp cận thông tin tốt sẽ mang lại những lợi ích to lớn cho Nhà nước trên rất nhiều phương diện. Với ý nghĩa là công cụ quan trọng nhất trong cuộc chiến chống tham nhũng, đạo luật này sẽ góp phần tạo ra những thay đổi có tính bước ngoặt trong lĩnh vực này ở Việt Nam, thông qua việc bắt buộc các cơ quan và công chức nhà nước phải công khai thông tin về hoạt động và tài sản của mình và chịu sự giám sát thường xuyên, chặt chẽ của các cơ quan truyền thông và công chúng. Thêm vào đó, việc mở rộng và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin cũng thúc đẩy quá trình xây dựng chính phủ mở, cải cách hành chính, cải cách tư pháp, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước mà đã được Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam theo đuổi từ khi Đổi Mới đến nay.

Ngoài ra, do quyền tiếp cận tự do thông tin là một quyền con người cơ bản và quan trọng, đạo luật này sẽ góp phần chứng minh quyết tâm chính trị và hành động thực tế của Nhà nước Việt Nam trong việc thực hiện các điều ước quốc tế về nhân quyền mà Việt Nam là thành viên.

Vì những lợi ích kể trên, nhóm tư vấn và nhiều chuyên gia cho rằng, Chính phủ nên thúc đẩy việc thông qua Luật tiếp cận thông tin càng sớm càng tốt.

# PHẦN VII: NHỮNG PHÁT TRIỂN ĐÁNG CHÚ Ý GẦN ĐÂY TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG Ở VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ VỀ NHỮNG HÀNH ĐỘNG NHÀ NƯỚC CẦN ƯU TIÊN THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

## 7.1. NHỮNG PHÁT TRIỂN ĐÁNG CHÚ Ý GẦN ĐÂY

Theo các chuyên gia, những phát triển đáng chú ý về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam trong khoảng 5 năm gần đây bao gồm:

### Về chính sách, pháp luật:

- Chính phủ thông qua và triển khai thực hiện Đề án 30 về đơn giản hóa thủ tục hành chính (theo các Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 10/01/2007 và số 07/QĐ-TTg ngày 04/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ).<sup>44</sup> Đề án này đã đưa ra một hệ thống giải pháp tổng thể, công khai, minh bạch nhằm thống kê, rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính theo hướng xây dựng một nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiệu quả và có hiệu suất cao, từ đó góp phần phòng chống tham nhũng và lãng phí. Trên cơ sở Đề án này, lần đầu tiên trong lịch sử, bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính áp dụng tại bốn cấp chính quyền với hơn 5.400 thủ tục, 9.000 văn bản quy định đã được tập hợp, xây dựng. Ngoài ra, 10.000 bộ thủ tục cấp xã và 700 bộ thủ tục cấp huyện cũng được thu gọn, chuẩn hóa còn 63 bộ thủ tục cấp xã và 63 bộ thủ tục cấp huyện. Đến tháng 2/2011, giai đoạn hai của Đề án đã được hoàn thành, với kết quả là đã đơn giản được gần 5.000 thủ tục hành chính (chiếm 88% số thủ tục được rà soát), qua đó cắt giảm hơn 37% chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp (ước gần 30.000 tỉ đồng mỗi năm). Những kết quả này không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế mà còn góp phần tích cực vào đấu tranh chống tham nhũng, làm lành mạnh, trong sạch bộ máy nhà

nước.<sup>45</sup>

- Chính phủ thông qua Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 về minh bạch tài sản và thu nhập. Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số quy định về minh bạch tài sản, thu nhập tại Mục 4 Chương II Luật Phòng, chống tham nhũng, bao gồm việc kê khai tài sản, thu nhập; xác minh tài sản, thu nhập; xử lý vi phạm các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong tổ chức thực hiện. Gần đây, ngày 8/8/2011, Chính phủ vừa ban hành Nghị định 68/2011/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 9/3/2007, trong đó bổ sung quy định công khai Bản kê khai tài sản thu nhập. Mặc dù còn có những hạn chế, đặc biệt là việc cả hai Nghị định đều không quy định công khai rộng rãi thông tin về tài sản được kê khai mà chỉ được công khai tại cơ quan, đơn vị trong một số trường hợp nhất định, song đây vẫn có thể coi là một bước tiến quan trọng, bởi việc minh bạch tài sản và thu nhập có ý nghĩa rất lớn trong cuộc chiến chống tham nhũng. Theo nhận định của nhiều chuyên gia, kể cả khi chưa công khai rộng rãi thông tin thì riêng việc kê khai một cách nghiêm túc cũng đã có thể phát hiện ra nhiều tài sản bất minh có nguồn gốc từ tham nhũng.<sup>46</sup>
- Quốc Hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 (Nghị quyết số 01/2007/QH12 ngày 4/8/2007). Luật này tạo cơ sở hoàn thiện hệ thống cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng bằng việc thành lập các ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng ở cấp tỉnh (Điều 73). Theo đánh

giá của các chuyên gia, đây là bước đi cần thiết và có tác dụng kiềm chế tham nhũng. Tuy nhiên, các chuyên gia cũng cho rằng tác dụng đó không lớn do nhiều nguyên nhân, trong đó có việc các ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng ở cấp tỉnh thiếu tính độc lập với chính quyền địa phương (theo quy định, các cơ quan này do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đứng đầu).

- Chính phủ thông qua Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức. Theo các chuyên gia, quy định về việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức trong một số lĩnh vực, ngành nghề là cần thiết và nếu được thực thi nghiêm túc sẽ có tác dụng tích cực đến phòng, chống tham nhũng.
- Chính phủ thông qua Nghị quyết 21/NQ-CP ngày 12/5/2009 ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 với các mục tiêu: Ngăn chặn, triệt tiêu các điều kiện và cơ hội phát sinh tham nhũng; Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi quyền lực nhà nước, ngăn ngừa việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi; Hoàn thiện thể chế, tạo lập môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng, công bằng và minh bạch; Hoàn thiện chính sách xử lý, đặc biệt là chính sách hình sự, tố tụng hình sự đối với tham nhũng... Việc ban hành Chiến lược này được các chuyên gia đánh giá cao do nó vạch ra đường lối, phương hướng và các biện pháp mang tính tổng thể, toàn diện để phòng, chống tham nhũng một cách hiệu quả trong giai đoạn từ nay đến năm 2020.
- Chủ tịch nước phê chuẩn UNCAC (ngày 30/6/2009), UNCAC có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 18/9/2009. Như đã đề cập ở trên, việc trở thành thành viên UNCAC giúp Việt Nam nhận được sự hỗ trợ nhiều và hiệu quả hơn từ cộng đồng quốc tế trong cuộc chiến chống tham nhũng. Tuy nhiên, quan trọng hơn, việc này thúc đẩy những nỗ lực cao hơn của Việt Nam trong cuộc chiến chống tham nhũng do từ khi tham gia UNCAC, phòng chống tham nhũng không chỉ là một nhu cầu nội tại mà còn trở thành một nghĩa vụ quốc tế mà Việt Nam phải thực thi.
- Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 137/2009/QĐ-TTg ngày 02/12/2009 phê duyệt đề án “Đưa nội dung phòng, chống tham

những vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng”. Theo đề án này, phòng, chống tham nhũng thành nội dung bắt buộc trong chương trình giáo dục các cấp. Theo nhiều chuyên gia, việc này có ý nghĩa rất quan trọng và lâu dài với việc phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam. Đó là bởi giáo dục giúp nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, về tham nhũng và phòng, chống tham nhũng; và chỉ khi nhận thức được nâng cao mới dẫn đến những chuyển biến tích cực về hành vi trong lĩnh vực này.

- Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2010 ban hành Kế hoạch thực hiện UNCAC. Theo các chuyên gia, kế hoạch này rất có ý nghĩa với việc phòng, chống tham nhũng bởi nó đưa ra các nhiệm vụ cụ thể kèm theo lộ trình thực hiện gồm 03 giai đoạn: Giai đoạn I (đến năm 2011), tập trung vào việc hoàn thiện thể chế, chính sách cho phù hợp với yêu cầu của Công ước, tăng cường năng lực cho các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân trong xã hội về Công ước và tổ chức triển khai các biện pháp phòng chống tham nhũng trên thực tế; Giai đoạn II (2011 - 2016), tập trung vào việc đánh giá thực hiện các giải pháp thực hiện Công ước và sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về phòng chống tham nhũng nhằm nâng cao hiệu quả thực thi Công ước; Giai đoạn III (2016 - 2020), tập trung vào đánh giá một cách toàn diện việc thực hiện Công ước và bổ sung cơ chế, kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng nói chung và thực hiện Công ước nói riêng. Thêm vào đó, để triển khai thực hiện Kế hoạch, một Tổ công tác liên ngành về thực thi Công ước đã được thành lập (theo Quyết định số 434/QĐ-TTg ngày 11/3/2010 của Tổng Thanh tra Chính phủ) và Nhóm chuyên gia đánh giá thực thi Công ước (theo Quyết định số 776/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ).
- Xây dựng các văn bản về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng; văn bản về nghĩa vụ thông tin, báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng; tiêu chí đo lường tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham

những. Theo các chuyên gia, đây cũng là những bước tiến cần thiết và tích cực nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp luật và cơ chế phối hợp về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam.

**Về các khía cạnh khác:**

- Một số hoạt động tuyên truyền, thúc đẩy sự tham gia của xã hội vào phòng, chống tham nhũng được tăng cường và phát huy tác dụng tích cực, cụ thể như việc Văn phòng Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống tham nhũng hàng năm biểu dương các cá nhân có thành tích trong lĩnh vực này; Thanh tra Chính phủ có chương trình “Sáng kiến phòng chống tham nhũng”<sup>47</sup> được tổ chức thi trên toàn quốc nhằm tìm ý tưởng phòng, chống tham nhũng có tính khả thi và đưa vào tổ chức thực hiện trên thực tế...Theo nhóm tư vấn và các chuyên gia, đây là những hoạt động sáng tạo và rất hữu ích với việc thúc đẩy sự tham gia của quần chúng nhân dân vào cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng.
- Việc xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng đạt kết quả khả quan: một loạt vụ việc tham nhũng lớn (như nêu ở phần trước) được đưa ra xét xử. Theo nhóm tư vấn và các chuyên gia, việc này góp phần tăng cường niềm tin trong dân chúng với cuộc chiến chống tham nhũng.
- Hoạt động hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng được đẩy mạnh, thể hiện ở việc Chính phủ Việt Nam tham gia vào nhiều diễn đàn khu vực và quốc tế về phòng, chống tham nhũng, cụ thể bao gồm: Diễn đàn các cơ quan chống tham nhũng khu vực Đông Nam Á (SEA-PAC); Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) về chống khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia; Diễn đàn toàn cầu về chống tham nhũng và bảo đảm sự trong sạch; Kế hoạch hành động chống tham nhũng tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) và Tổ chức Hợp tác kinh tế và phát triển (OECD). Theo nhóm tư vấn và các chuyên gia, việc mở rộng hợp tác quốc tế giúp Việt Nam có nhiều cơ hội hơn trong việc trao đổi kinh nghiệm và sáng kiến phòng, chống tham nhũng với cộng đồng quốc tế.

**7.2. KHUYẾN NGHỊ VỀ NHỮNG HÀNH ĐỘNG ƯU TIÊN**

Theo nhóm tư vấn và nhiều chuyên gia, trong bối cảnh đặc thù của Việt Nam hiện nay, ngoài những biện pháp khác, những hành động mà Nhà nước cần và có thể ưu tiên thực hiện trong thời gian tới để thúc đẩy phòng, chống tham nhũng bao gồm (xếp theo thứ tự ưu tiên) như sau:<sup>48</sup>

1. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế bảo vệ nhân chứng, người tố cáo, chuyên gia, nạn nhân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng (biện pháp này liên quan đến các Điều 32 và 33 của UNCAC). Cụ thể, như đã đề cập ở phần trên, Nhà nước nên đẩy nhanh tiến độ xây dựng và thông qua (tuy vẫn cần bảo đảm chất lượng) các văn bản pháp luật có liên quan đến vấn đề này mà đã đưa vào kế hoạch, bao gồm Thông tư liên tịch hướng dẫn việc bảo vệ người làm chứng, người tố giác tội phạm, người bị hại trong điều tra vụ án hình sự; Quy chế bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng; Luật Bảo vệ nhân chứng, người cung cấp thông tin tố giác tội phạm; các Luật tố cáo và Luật khiếu nại. Đó là bởi cơ chế bảo vệ những đối tượng quan trọng này ở Việt Nam hiện còn rất nhiều bất cập, trong khi tình trạng khủng bố, đàn áp họ, đặc biệt là nhân chứng và người tố cáo tham nhũng, diễn ra ngày càng nhiều, với tính chất ngày càng trắng trợn và nguy hiểm hơn trong thời gian gần đây, dẫn đến việc nhiều người dân và công chức, viên chức e ngại tham gia vào cuộc chiến chống tham nhũng.
2. Thông qua Luật tiếp cận thông tin với những sửa đổi, bổ sung vào Dự thảo thứ 4 (biện pháp này liên quan trực tiếp đến Điều 10, ngoài ra cũng liên quan đến Điều 17 và 23 của UNCAC). Đó là bởi khuôn khổ pháp luật hiện hành về quyền tiếp cận thông tin của Việt Nam còn nhiều hạn chế, bất cập, trong khi quyền này được xem là công cụ quan trọng bậc nhất của quần chúng nhân dân và các cơ quan truyền thông trong việc tham gia phòng, chống tham nhũng.<sup>49</sup>

3. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật có liên quan để quy định không chỉ kê khai và công khai hạn chế trong cơ quan, đơn vị mà còn cần công khai rộng rãi tài sản, thu nhập của công chức, viên chức (biện pháp này liên quan trực tiếp đến các Điều 17 và 23, ngoài ra cũng liên quan đến Điều 10 và nhiều Điều khác của UNCAC). Đó là bởi như đã phân tích ở phần trên, việc kê khai mà không công khai rộng rãi tài sản, thu nhập là sự cản trở với quyền và hiệu quả giám sát của nhân dân đối với hành vi của cán bộ, công chức, đồng thời làm giảm lòng tin của nhân dân vào quyết tâm chống tham nhũng của Đảng, Nhà nước. Về vấn đề này, bước đầu có thể thí điểm việc công khai rộng rãi tài sản của những công chức, viên chức mới được bổ nhiệm, đề bạt ở vị trí lãnh đạo cao cấp trong hệ thống chính trị.
4. Nghiên cứu sửa đổi các văn bản pháp luật có liên quan để quy định pháp nhân cũng phải chịu trách nhiệm hành chính về mọi hành vi tham nhũng chứ không chỉ về hành vi rửa tiền như quy định hiện nay. Thêm vào đó, cũng nên nghiên cứu rút lại bảo lưu với Điều 26 UNCAC và sửa đổi BLHS nhằm quy định pháp nhân cũng là chủ thể của tội phạm (những biện pháp này liên quan đến Điều 26 của UNCAC). Đó là bởi, như đã phân tích ở Phần III, việc này có ý nghĩa quan trọng với việc ngăn chặn và xử lý những vụ việc tham nhũng lợi dụng danh nghĩa pháp nhân đã và đang diễn ra ở Việt Nam.
5. Cũng nghiên cứu khả năng rút lại tuyên bố bảo lưu Điều 20 UNCAC đồng thời sửa đổi, bổ sung BLHS năm 1999 để quy định về tội làm giàu bất hợp pháp (biện pháp này liên quan đến Điều 20 của UNCAC). Đó là bởi việc quy định thêm tội làm giàu bất hợp pháp sẽ góp phần tích cực vào việc ngăn chặn và xử lý những vụ việc tham nhũng đang trở nên ngày càng phức tạp và tinh vi ở Việt Nam.
6. Bổ sung vào BLHS các tội đưa hối lộ công chức nước ngoài và công chức của các tổ chức quốc tế công; tội nhận hối lộ của công chức nước ngoài và công chức của các tổ chức quốc tế công cho tương thích với các quy định ở Điều 16 UNCAC (biện pháp này liên quan đến Điều 16 của UNCAC). Đó là bởi, như đã phân tích ở Phần III, hiện pháp

- luật hình sự Việt Nam còn thiếu quy định về những vấn đề này, trong khi đây là những hành vi tham nhũng đã và sẽ diễn ra ngày càng nhiều hơn cùng với quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam.
7. Sửa đổi quy định ở Điều 289 BLHS để mở rộng khái niệm của hối lộ từ những ‘lợi ích vật chất’ sang ‘bất kỳ lợi ích bất chính nào’ để tương thích với quy định ở Điều 15 UNCAC (biện pháp này liên quan đến Điều 15 của UNCAC). Đó là bởi, như đã phân tích ở Phần III, sửa đổi này có ý nghĩa quan trọng với việc ngăn chặn và xử lý các hành vi hối lộ đang diễn ra phổ biến và ngày càng phức tạp ở Việt Nam.
8. Nghiên cứu sửa đổi các quy định có liên quan trong BLTTHS theo hướng áp đặt nghĩa vụ chứng minh tính hợp pháp của tài sản với những nghi can tham nhũng (biện pháp này liên quan trực tiếp đến Điều 17 của UNCAC). Đó là bởi, như đã phân tích ở Phần III, đây là biện pháp đột phá để xử lý hiệu quả các hành vi tham nhũng, góp phần giải quyết tình trạng có nhiều vụ việc ‘biết có tham nhũng mà không xử lý được’ ở Việt Nam hiện nay.
9. Nghiên cứu sửa đổi Điều 251 BLHS để: (i) Thay thế quy định nghi phạm phải biết rõ tài sản là do phạm tội mà có bằng quy định nghi phạm chỉ cần biết tài sản có nguồn gốc bất hợp pháp là đủ cấu thành tội phạm; (ii) Quy định rõ tiền và tài sản được hợp pháp hoá có thể do chính nghi phạm có được từ việc phạm tội, và (iii) Xác định việc rửa tiền có yếu tố nước ngoài là một yếu tố tăng nặng trách nhiệm hình sự. Thêm vào đó, Nhà nước cũng nên sớm ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về giá trị tiền, tài sản được hợp pháp hoá đủ để cấu thành tội rửa tiền theo Điều 251 BLHS và nghiên cứu xây dựng Luật phòng, chống rửa tiền, Luật Giao dịch bằng tiền mặt trong nền kinh tế, Luật về Séc và Luật Hối phiếu. Tất cả những biện pháp này liên quan đến Điều 23 UNCAC và nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập trong khuôn khổ pháp luật hiện hành về chống rửa tiền của Việt Nam mà đã được phân tích ở Phần III.
10. Nghiên cứu và hoàn thiện các văn bản pháp luật có liên quan nhằm tăng cường tính độc lập và hiệu quả hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng,

- chống tham nhũng, bao gồm hệ thống ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng (biện pháp này liên quan trực tiếp đến Điều 36 của UNCAC). Để tăng cường tính độc lập của hệ thống này, nên nghiên cứu xây dựng một cơ quan phòng, chống tham nhũng trực thuộc Quốc Hội. Đồng thời, Nhà nước cũng nên nghiên cứu cải thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng hiện hành, để phát huy, khai thác tối đa các nguồn lực và lợi thế của mỗi cơ quan, từ đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống các cơ quan này.
11. Xử lý nhanh chóng, kịp thời và nghiêm minh những vụ việc tham nhũng, đặc biệt là các vụ gây thiệt hại hoặc có ảnh hưởng lớn, để răn đe những kẻ vi phạm và củng cố lòng tin của quần chúng nhân dân vào cuộc chiến chống tham nhũng. Tăng cường và bảo đảm tính độc lập của các cơ quan tư pháp trong điều tra, truy tố và xét xử các hành vụ tham nhũng (biện pháp này liên quan trực tiếp đến Điều 11 của UNCAC).
12. Hoàn thiện cơ chế thu hồi tài sản tham nhũng, bao gồm nghiên cứu, đề xuất bổ sung thi hành án phần dân sự trong bản án hình sự của tòa án nước ngoài; hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng (biện pháp này cũng liên quan đến Điều 49, ngoài ra còn liên quan đến các quy định trong Chương V của UNCAC).
13. Củng cố và hoàn thiện cơ chế bảo đảm sự tham gia của người dân nói chung, các tổ chức xã hội dân sự nói riêng trong hoạch định chính sách, pháp luật và đấu tranh chống tham nhũng (biện pháp này cũng

- liên quan đến Điều 13 của UNCAC).
14. Tăng cường các hình thức, biện pháp và nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục đạo đức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng, kết hợp với bảo đảm điều kiện sống, làm việc cho đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước (biện pháp này liên quan đến các Điều 7 và 8 của UNCAC). Về vấn đề này, Chính phủ nên chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc Đề án đưa giáo dục phòng, chống tham nhũng vào hệ thống giáo dục các cấp, trong đó bao gồm việc khuyến khích, hỗ trợ một số trường đại học, viện nghiên cứu về pháp luật trong nước xây dựng và thực hiện các chương trình giảng dạy, nghiên cứu chuyên sâu để đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm việc cho các cơ quan phòng, chống tham nhũng.
15. Tăng cường hơn nữa các biện pháp công khai, minh bạch thông qua việc tiếp tục thúc đẩy cải cách hành chính và cải cách tư pháp, đặc biệt là thông qua việc thực hiện Đề án 30 về đơn giản hóa thủ tục hành chính (biện pháp này cũng liên quan đến các Điều 7, 8, 10, 17, 23 của UNCAC).
16. Tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao nghiệp vụ và kỹ thuật điều tra tội phạm tham nhũng cho đội ngũ cán bộ chuyên trách về phòng chống tham nhũng (biện pháp này cũng liên quan đến Điều 6 của UNCAC);
17. Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng chống tham nhũng theo hướng thực chất hơn, cụ thể là trong đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách, xây dựng cơ chế trao đổi thông tin, tài liệu, dữ liệu phục vụ cho công tác phòng chống tham nhũng với các nước... (biện pháp này cũng liên quan đến Điều 6, ngoài ra còn liên quan đến các quy định trong Chương IV của UNCAC).

# CHÚ THÍCH

1. Bao gồm điền bảng hỏi, phỏng vấn sâu, tham gia hội thảo
2. Khái niệm “các tổ chức xã hội dân sự” ở đây được hiểu theo định nghĩa của CIVICUS trong báo cáo của UNDP/SNV: “Khả năng lập sự cách biệt: Xã hội dân sự mới nổi tại Việt Nam”, Irene Norlund, 2007.
3. Xem Quyết định số 776/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ tại <http://www.chinhphu.vn/portal>
4. Xem thông tin về hội thảo tại <http://www.thanhtra.com.vn/tabid/77/newsid/43618/temidclicked/1059/seo/Xay-dung-Bao-cao-Quoc-gia-thuc-thi-Cong-uoc-cua-Lien-hop-quoc-ve-chong-tham-nhung/Default.aspx>
5. Xem Quyết định số 950/2009/QĐ-CTN ngày 30/6/2009 của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam về việc phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng tại <http://www.vietlaw.gov.vn/LAWNET/index.html> hoặc <http://www.thuvienphapluat.vn/archive/Quyet-dinh/Quyet-dinh-950-2009-QD-CTN-phe-chuan-Cong-uoc-Lien-hop-quoc-ve-chong-tham-nhung-vb125436t17.aspx>.
6. Xem Phạm Hồng Hải, Pháp nhân có thể là chủ thể của tội phạm không? Tạp chí Luật học số 6/1999, tr.14-19; Trịnh Quốc Toàn, Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Luật hình sự nước Anh, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội (Kinh tế-Luật), số 3/2002; Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Luật hình sự Vương quốc Bỉ, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội (Kinh tế-Luật), số 3/2003; Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Luật hình sự nước Hà Lan, Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 2/2003; Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Luật hình sự Cộng hòa Pháp, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 10/2004.
7. Xem Quyết định tại <http://www.vietlaw.gov.vn/LAWNET/index.html>.
8. Xem Quyết định tại <http://www.vietlaw.gov.vn/LAWNET/index.html>.

9. Xem Dự thảo Luật tố cáo tại <http://duthaoonline.quochoi.vn/du-thao-luat/du-thao-luat-to-cao>; Dự thảo Luật khiếu nại tại <http://duthaoonline.quochoi.vn/du-thao-luat/du-thao-luat-khieu-nai>.
10. Transparency International, Global Corruption Report 2003: Special Focus: Access to Information, London: Profile Books, tr.6.
11. Privacy International, Freedom of Information Around the World 2006: A Global Survey of Access to Government Information Laws, tr.7 (xem tại <http://www.privacyinternational.org/foi/survey>)
12. Privacy International (2009), Global Freedom of Information Map, (xem tại <http://www.privacyinternational.org/index.shtml>).
13. Xem thông tin về vụ này tại <http://tuoitre.vn/Chu-de/545/PMU-18.html>; <http://vietbao.vn/tp/Con-bac-trieu-do-vu-PMU18/700790/>.. và một số báo điện tử khác.
14. Xem thông tin về vụ này tại <http://www.tienphong.vn/Topic/Index.html?TopicID=312>; <http://search.vnexpress.net/news?s=Hu%E1%BB%B3nh+Ng%E1%BB%8Dc+S%C4%A9&g=66FD8EC7-FA76-4A7C-8FE3-DB605B4C9CE0&butS=yes>; <http://laodong.com.vn/Theo-dong-su-kien/Huynh-Ngoc-Sy-ra-toa-vi-toi-nhan-hoi-lo/58...> và một số báo điện tử khác.
15. Xem thông tin về vụ này tại <http://www.cand.com.vn/News/Search.aspx?SearchTerm=L%C6%B0%C6%A1ng%20Ph%C6%B0%E1%BB%A3ng%20C%C3%A1c>; <http://www.tin247.com/l%C6%B0%C6%A1ng+ph%C6%B0%E1%BB%A3ng+c%C3%A1c.html>; [http://tintuc.xalo.vn/L%C6%B0%C6%A1ng\\_Ph%C6%B0%E1%BB%A3ng\\_C%C3%A1c...](http://tintuc.xalo.vn/L%C6%B0%C6%A1ng_Ph%C6%B0%E1%BB%A3ng_C%C3%A1c...) và một số báo điện tử khác.
16. Xem thông tin về vụ này tại <http://laodong.com.vn/Tim-kiem?q=Tr%E1%BA%A7n+Ng%E1%BB%8Dc+S%C6%B0%C6%A1ng>; <http://tuoitre.vn/Chu-de/1170/Nong-truong-song-Hau.html>.. và một số báo điện tử khác.

**17.** Xem thông tin về vụ này tại <http://www.sggp.org.vn/phapluat/2007/12/134757/>; [http://tim.vietbao.vn/Tr%E1%BA%A7n\\_V%C4%83n\\_Kh%C3%A1nh/](http://tim.vietbao.vn/Tr%E1%BA%A7n_V%C4%83n_Kh%C3%A1nh/); <http://laodong.com.vn/Tim-kiem?q=%22tr%E1%BA%A7n+v%C4%83n+kh%C3%A1nh%22...>và một số báo điện tử khác.

**18.** Xem thông tin về vụ này tại <http://laodong.com.vn/Home/Bat-tam-giam-nguyen-Giam-doc-So-Tai-nguyen--Moi-truong-Binh-Duong/200910/161407.laodong>; [http://tim.vietbao.vn/Cao\\_Minh\\_Hu%E1%BB%87/](http://tim.vietbao.vn/Cao_Minh_Hu%E1%BB%87/); <http://www.tin247.com/cao+minh+hu%E1%BB%87.html>

**19.** Xem thông tin về vụ này tại <http://dantri.com.vn/c25/s20-464571/de-nghi-truy-to-nguyen-pho-chanh-van-phong-tinh-uy-dak-lak.htm>; <http://vietbao.vn/An-ninh-Phap-luat/Khoi-to-cuu-lanh-dao-Cong-ty-co-phan-rung-Tay-Nguyen/20872558/218/>; <http://f.tin247.com/21390463/B%C3%A1o+c%C3%A1o+Ch%C3%ADnh+ph%E1%BB%A7+v%E1%BB%81+sai+ph%E1%BA%A1m+t%E1%BA%A1i+Cty+C%C3%B4ng+nghi%E1%BB%87p+R%E1%BB%ABng+T%C3%A2y+Nguy%C3%AAn.html> và một số báo điện tử khác.

**20.** Xem thông tin về vụ này tại <http://tuoitre.vn/Chinh-tri-Xa-hoi/357266/Bat-tam-giam-ong-Luong-Hoai-Nam---nguyen-Tong-giam-doc-Jetstar-PacifcnbspAirlines.html>; <http://vtc.vn/7-267750/phap-luat/dinh-chi-dieu-tra-voi-ong-luong-hoai-nam-nguyen-tgd-jpa.htm>...và một số báo điện tử khác.

**21.** Xem thông tin về vụ này tại [http://tintuc.xalo.vn/%C3%94ng\\_%C4%90o%C3%A0n\\_Ti%E1%BA%BFn\\_D%C5%A9ng](http://tintuc.xalo.vn/%C3%94ng_%C4%90o%C3%A0n_Ti%E1%BA%BFn_D%C5%A9ng); <http://nld.com.vn/20100929122632387p0c1019/doan-tien-dung-hau-toa.htm>...và một số báo điện tử khác.

**22.** Xem thông tin về vụ này tại <http://www.baomoi.com/Group/1004130.epi>; <http://m.baodatviet.vn/Home/phapluat/Mien-to-cho-ba-bi-can-buon-ngoai-te-thua-lo-500-ty-dong/20096/47374.datviet>..và một số báo điện tử khác.

**23.** Xem thông tin về vụ này tại [http://tim.vietbao.vn/Nguy%E1%BB%85n\\_%C4%90%C3%ACnh\\_Th%E1%BA%A3n/](http://tim.vietbao.vn/Nguy%E1%BB%85n_%C4%90%C3%ACnh_Th%E1%BA%A3n/); <http://tuoitre.vn/Chinh-tri-xa-hoi/Phap-luat/198639/Nguyen-giam-doc-Nguyen-Dinh-Than-nhan-hoi-lo-gan-13-ti-dong.html>...và

một số báo điện tử khác.

**24.** Xem thông tin về vụ này tại [http://tim.vietbao.vn/Tr%E1%BA%A7n\\_Xu%C3%A2n\\_%C4%90%C3%ADnh/](http://tim.vietbao.vn/Tr%E1%BA%A7n_Xu%C3%A2n_%C4%90%C3%ADnh/); <http://tuoitre.vn/Chinh-tri-xa-hoi/Phap-luat/326961/Ong-Tran-Xuan-Dinh-duoc-tai-ngoai.html>..và một số báo điện tử khác.

**25.** Xem thông tin về vụ này tại <http://m.baodatviet.vn/Home/phapluat/Hai-chi-em-cung-linh-an-chung-than/20117/157045.datviet>; <http://www.vietnamplus.vn/Home/2-an-chung-than-trong-vu-an-rut-ruot-BIDV-Dong-Do/20117/98220.vnplus>...và một số báo điện tử khác.

**26.** Xem thông tin về vụ này tại <http://www.tin247.com/%C4%91%E1%BA%B7ng+nam+trung.html>; <http://tuoitre.vn/Chinh-tri-xa-hoi/Phap-luat/204772/%E2%80%9CKy-an%E2%80%9D-Dang-Nam-Trung-hoan-xu-lan-3.html>...và một số báo điện tử khác.

**27.** Xem thông tin về vụ này tại <http://www.tin247.com/v%C5%A9+%C4%91%C3%ACnh+thu%E1%BA%A7n.html>; <http://vnexpress.net/gl/phap-luat/2010/01/3ba17dd1/>...và một số báo điện tử khác.

**28.** Xem thông tin về vụ này tại <http://vnexpress.net/gl/kinh-doanh/2011/06/vinashin-lo-no-nhieu-hon-bao-cao/>; <http://vneconomy.vn/20110603044755359p0c5/thuc-lo-cua-vinashin-gap-3-lan-bao-cao.htm>; <http://tuoitre.vn/Chinh-tri-Xa-hoi/387933/Vinashin-no-hon-80000-ti-dong.html>; <http://www.cand.com.vn/vi-VN/phapluat/2011/6/150994.cand>; <http://tuoitre.vn/Chinh-tri-xa-hoi/Phap-luat/443053/Truy-na-quoc-te-nguyen-tong-giam-doc-tai-chinh-Vinashin.html>...và một số báo điện tử khác.

**29.** Xem thông tin về vụ này tại <http://dantri.com.vn/c36/s20-233386/sieu-lua-nguyen-lam-thai-linh-26-nam-tu-giam.htm>; <http://tuoitre.vn/Chinh-tri-xa-hoi/Phap-luat/280982/Nguyen-Lam-Thai-keu-khong-lua-cac-buu-dien.html>

**30.** Xem thông tin về vụ này tại <http://vnn.vietnamnet.vn/xahoi/phapluat/2005/06/462373/>; <http://vnexpress.net/gl/phap-luat/2008/01/3b9feb3e/>; <http://www.tienphong.vn/Topic/Index.html?TopicID=51>

**31.** Xem thông tin về vụ này tại <http://www.tin247.com/%C3%B4ng+nguy%E1%BB%85n+qu%E1%BB%91c+s%C6%A1n.html>; <http://hanoimoi.com.vn/newsdetail/Phap-luat/307317/khoi-to-them-4-can-bo-xa-hai-boi-huyen-%C4%91ong-anh.htm>

**32.** Xem thông tin về vụ này tại [http://tintuc.xalo.vn/00-260160377/Truy\\_na\\_Tong\\_Van\\_Du\\_va\\_Duong\\_Van\\_Mai.html](http://tintuc.xalo.vn/00-260160377/Truy_na_Tong_Van_Du_va_Duong_Van_Mai.html); [http://www.tin247.com/dieu\\_tra\\_vu\\_trung\\_ta\\_cong\\_an\\_nhan\\_hoi\\_lo\\_15\\_ti\\_dong-6-21733096.html](http://www.tin247.com/dieu_tra_vu_trung_ta_cong_an_nhan_hoi_lo_15_ti_dong-6-21733096.html)

**33.** Xem thông tin về vụ này tại <http://www.tin247.com/c%C3%B4ng+ph%C6%B0%C6%A1ng+to%C3%A0n.html>; <http://www.anninhthudo.vn/An-ninh-doi-song/Chi-tiet-vu-bat-nguyen-Chu-tich-phuong-Phu-Thuong/322238.antd>

**34.** Xem thông tin về vụ này tại <http://giadinh.net.vn/22432p0c1005/10-quan-chuc-cong-ty-xang-dau-hang-khong-viet-nam-hau-toa.htm>; <http://vietbao.vn/An-ninh-Phap-luat/Tam-giam-ke-toan-Cong-ty-Xang-dau-hang-khong/40071302/218/>

**35.** Xem thông tin về vụ này tại <http://f.tin247.com/21484763/Nguy%C3%AA+Gi%C3%A1m+%C4%91%E1%BB%91c+C%C3%B4ng+ty+cao+su+Ph%C3%BA+Ri%E1%BB%81ng+l%C3%A3nh+%C3%A1n.html>; <http://vietbao.vn/Xa-hoi/Nguyen-Giam-doc-Cong-ty-Cao-su-Phu-Rieng-lai-ra-toa/20869003/157/>;

**36.** Xem thông tin về vụ này tại <http://www.tin247.com/d%C6%B0%C6%A1ng+xu%C3%A2n+t%C3%BAy.html>; <http://antg.cand.com.vn/vi-vn/vuan/2006/3/66994.cand>; [http://tim.vietbao.vn/D%C6%B0%C6%A1ng\\_Xu%C3%A2n\\_T%C3%BAy/](http://tim.vietbao.vn/D%C6%B0%C6%A1ng_Xu%C3%A2n_T%C3%BAy/)

**37.** Xem thông tin về vụ này tại <http://f.tin247.com/45325/B%E1%BA%Aft+nguy%C3%AA+Ph%C3%B3+TBT+B%C3%A1o+Ng%C6%B0%E1%BB%9Di+cao+tu%E1%BB%95i+ch%E1%BA%BFm+ti%E1%BB%81n+c%E1%BB%A7a+b%C3%A1o.html>; <http://baodatviet.vn/Home/phapluat/Khoi-to-hai-nguyen-lanh-dao-bao-Nguoi-cao-tuoi/20096/43805.datviet>

**38.** Xem thông tin về vụ này tại <http://www.baomoi.com/De-nghi-truy-to-36-doi-tuong-trong-vu-xuat-khong-khoang-2-trieu-tan-than/58/2963013.epi>; <http://tuoitre.vn/Chinh-tri-xa-hoi/Phap-luat/272022/Tam-giam-hai-giam-doc-cung-ung-tau-bien-Cua-Ong-Hon-Gai.html>

**39.** Xem thông tin về vụ này tại <http://tuoitre.vn/The-gioi/349043/Securency-dinh-chi-cong-tac-hai-quan-chuc.html>; <http://www.baomoi.com/Vu-Security-WB-cung-cap-thong-tin-tai-khoan-nuoc-ngoai-cua-mot-so-nguoi-Viet/122/5267531.epi>; [http://tintuc.xalo.vn/00-214067405/Thanh\\_tra\\_Chinh\\_phu\\_noi\\_gi\\_ve\\_vu\\_Security\\_lobby\\_in\\_tien\\_polymer.html?mode=print](http://tintuc.xalo.vn/00-214067405/Thanh_tra_Chinh_phu_noi_gi_ve_vu_Security_lobby_in_tien_polymer.html?mode=print)

**40.** Chi tiết về vấn đề này, xem Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội, Tiếp cận thông tin: Pháp luật và thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 7/2011.

**41.** Xem Dự thảo Luật tiếp cận thông tin (Dự thảo 4) tại <http://duthaoonline.quochoi.vn/du-thao-luat/du-thao-luat-tiep-can-thong-tin>.

**42.** Nguồn trên.

**43.** Xem Nguyễn Đăng Dung-Vũ Công Giao: “Dự thảo Luật tiếp cận thông tin của Việt Nam: Phân tích so sánh với Luật mẫu của ARTICLE 19”, trong Tiếp cận thông tin: Pháp luật và thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 7/2011.

**44.** Xem toàn văn các văn bản này tại <http://www.vietlaw.gov.vn/LAWNET/index.html>

**45.** Chi tiết về vấn đề này, xem tại <http://phapluattp.vn/20110220010746814p0c1013/de-an-30-cuoc-dau-tranh-cat-bo-quyen-hanh-dan.htm>

**46.** Xem phỏng vấn TS Nguyễn Đình Lộc, nguyên Bộ trưởng Bộ Tư pháp, đại biểu Quốc Hội khóa 12, về vấn đề này tại <http://vietbao.vn/Xa-hoi/Minh-bach-tai-san-thu-nhap-Ke-khai-nhung-khong-cong-khai/40190387/157/>.

**47.** Xem thông tin về chương trình tại [http://www.thanhtra.gov.vn/Desktop.aspx/Tin-tuc/Ban-hay-noi-voi-toi/CHUONG\\_TRINH\\_SANG\\_KIEN\\_PHONG\\_CHONG\\_THAM\\_NHUNG\\_VIET\\_NAM\\_VACI\\_2011/](http://www.thanhtra.gov.vn/Desktop.aspx/Tin-tuc/Ban-hay-noi-voi-toi/CHUONG_TRINH_SANG_KIEN_PHONG_CHONG_THAM_NHUNG_VIET_NAM_VACI_2011/)

**48.** Những khuyến nghị trong mục này không chỉ liên quan đến các vấn đề được phân tích cụ thể ở những phần trên, mà còn liên quan đến nhiều nội dung khác của UNCAC và pháp luật Việt Nam.

**49.** Về vấn đề này, xem UNESCO, Freedom of Information – A Comparative Legal Survey, Toby Mendel, tái bản lần thứ 2, 2008.

# PHỤ LỤC 1

## BẢNG HỎI

### LẤY Ý KIẾN ĐÓNG GÓP HỖ TRỢ CHÍNH PHỦ TRONG VIỆC TỰ ĐÁNH GIÁ THỰC THI CÔNG ƯỚC LIÊN HỢP QUỐC VỀ CHỐNG THAM NHỮNG Ở VIỆT NAM NĂM 2011

Kính thưa các anh, chị và các bạn!

Việt Nam đã phê chuẩn Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (Công Ước) vào năm 2009. Là quốc gia thành viên và theo cơ chế đánh giá được thông qua bởi Hội nghị các quốc gia thành viên năm 2009, Việt Nam là nước được đánh giá vào năm 2011- năm thứ hai của chu trình đánh giá đầu tiên. Hiện nay Chính phủ (do Thanh Tra chính Phủ là cơ quan đầu mối và chủ trì) đã tiến hành xây dựng cơ chế tự đánh giá quốc gia phục vụ việc xây dựng báo cáo quốc gia thực thi Công Ước. Nội dung đánh giá lần này, theo quy định chung, sẽ tập trung vào việc thực hiện các quy định của Công Ước về Hình sự hóa và thực thi pháp luật (Chương III) và Hợp tác Quốc Tế (Chương IV).

Cơ chế đánh giá Công Ước khuyến khích các quốc gia thành viên tiến hành tham vấn rộng rãi các đối tượng ngoài nhà nước (bao gồm các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp và giới học giả) khi chuẩn bị báo cáo quốc gia. Trên cơ sở tham vấn chặt chẽ với Thanh tra Chính phủ và sự hỗ trợ, hợp tác của UNDP, Tổ chức Hướng tới Minh bạch (TT) – Cơ quan đầu mối quốc gia của Tổ chức Minh bạch Quốc tế (TI) tại Việt Nam— tổ chức thu thập ý kiến của một số tổ chức xã hội và chuyên gia trong nước nhằm hỗ trợ việc đánh giá thực thi Công Ước của Chính phủ. Quá trình này sẽ giúp nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia rộng rãi hơn của xã hội vào những nỗ lực của Chính phủ trong việc thực thi Công Ước.

Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi đã biên soạn bảng hỏi dưới đây và rất cảm ơn các anh/chị và các bạn dành thời gian điền bảng hỏi này và gửi lại cho chúng tôi qua địa chỉ email: [giaoqc@yahoo.com](mailto:giaoqc@yahoo.com)). Việc điền thông tin cá nhân vào bảng hỏi là tùy chọn. Nếu các anh/chị và các bạn cung cấp thông tin cá nhân, những thông tin này sẽ được giữ kín.

Trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ và đóng góp ý kiến quý báu của các anh/chị và các bạn!

Thông tin cá nhân (tùy chọn)

Họ & tên:.....

Cơ quan/tổ chức:.....

Giới tính:.....

Năm sinh:.....

I. VỀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CỦA CHÍNH PHỦ

(Những câu hỏi trong phần này dành riêng cho các chuyên gia đang làm việc cho các tổ chức xã hội dân sự)

| Bảng 1: Tính minh bạch của Chính phủ trong việc thực hiện quá trình đánh giá                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| Chính phủ có công bố tên cơ quan chủ trì việc tự đánh giá và thông tin liên hệ với cơ quan này cho công chúng biết hay không?                                                                          | Có/Không                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bình luận                                                      |
| Các tổ chức xã hội dân sự* có được Chính phủ tham vấn trong quá trình chuẩn bị cho việc tự đánh giá của Chính phủ hay không?                                                                           | Có/Không<br>Nếu có thì những tổ chức nào? (đánh dấu vào ô tương ứng) <ul style="list-style-type: none"><li>Các tổ chức chính trị, xã hội</li><li>Các tổ chức quần chúng</li><li>Các tổ chức phi chính phủ khác</li><li>Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức bảo trợ</li><li>Các cơ sở học thuật</li><li>Các cơ quan truyền thông</li><li>Các tổ chức cộng đồng</li><li>Các cơ quan/tổ chức khác (xin nêu tên)</li></ul> | Bình luận                                                      |
| Bảng hỏi cho việc tự đánh giá được Chính phủ công bố trên trang web hay chỉ được cung cấp cho những chuyên gia được chọn để xin tham vấn? Nếu chỉ được cung cấp cho các chuyên gia thì đó là những ai? | Có/Không                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bình luận. Xin hãy nêu địa chỉ website chứa tài liệu, nếu có   |
| Các tổ chức xã hội dân sự có được mời góp ý kiến cho các cơ quan tiến hành việc tự đánh giá hay không? Nếu có, xin hãy chỉ ra cách thức thực hiện việc này.                                            | Có/Không                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bình luận                                                      |
| Chính phủ có cam kết công bố toàn bộ báo cáo tự đánh giá của quốc gia hay không? (Xin hãy nêu rõ báo cáo được công bố bởi UNODC và/hay bởi Chính phủ)                                                  | Có/Không/Không rõ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Bình luận<br>Xin hãy nêu địa chỉ website chứa tài liệu, nếu có |

\*Khái niệm “các tổ chức xã hội dân sự” được sử dụng trong bảng hỏi này được dẫn theo định nghĩa của CIVICUS trong báo cáo của UNDP/SNV: “Khôa lấp sự cách biệt: Xã hội dân sự mới nổi tại Việt Nam”, Irene Norlund, 2007.

II. VIỆC NỘI LUẬT HÓA NHỮNG QUY ĐỊNH CHỦ CHỐT VỀ HÌNH SỰ HÓA VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG CÔNG ƯỚC CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ CHỐNG THAM NHŨNG

(Những câu hỏi trong phần này dành riêng cho các chuyên gia về luật hình sự, tuy nhiên khuyến khích những chuyên gia khác trả lời theo khả năng của mình)

1. ĐIỀU 15: Hối lộ công chức quốc gia

- a. Điều này đã được nội luật hóa vào Bộ luật Hình sự của Việt Nam hay chưa?  
Đã \_\_\_\_\_ Một phần \_\_\_\_\_ Chưa \_\_\_\_\_  
Giải thích:
- b. Những biện pháp nào cần ưu tiên thực hiện ở Việt Nam để bảo đảm sự tuân thủ Điều này?  
Giải thích:

**Ghi chú:**

- Đây là yêu cầu bắt buộc trong UNCAC.
- Khái niệm “công chức” theo Điều 2(a) UNCAC là : (i) bất kỳ người nào giữ chức vụ về lập pháp, hành chính hoặc tư pháp tại Quốc gia thành viên bất kể là do bầu hay bổ nhiệm, làm việc thường xuyên hay không thường xuyên, được trả lương hay không được trả lương, bất kể thâm niên công tác của người đó; (ii) bất kỳ người nào thực hiện chức năng công, kể cả cho cơ quan hay doanh nghiệp công, hoặc cung ứng dịch vụ theo quy định trong pháp luật quốc gia của quốc gia hữu quan và được áp dụng trong lĩnh vực pháp luật liên quan của quốc gia đó; (iii) bất kỳ người nào được định nghĩa là “công chức” trong nội luật của một quốc gia. Tuy nhiên, đối với một số biện pháp cụ thể quy định trong Chương II của Công ước, “công chức” có thể nghĩa là bất kỳ người nào thực hiện chức năng công hay cung ứng dịch vụ công như được định nghĩa trong pháp luật quốc gia và được áp dụng trong lĩnh vực pháp luật liên quan của quốc gia đó.

2. ĐIỀU 16: Hối lộ công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công

- a. Hành vi hối lộ công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công đã được nội luật hóa vào Bộ luật Hình sự của Việt Nam hay chưa?  
Đã \_\_\_\_\_ Một phần \_\_\_\_\_ Không \_\_\_\_\_  
Giải thích:
- b. Hành vi đòi hối lộ của công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công đã được nội luật hóa vào Bộ luật Hình sự của Việt Nam hay chưa?  
Đã \_\_\_\_\_ Một phần \_\_\_\_\_ Không \_\_\_\_\_  
Giải thích:
- c. Những biện pháp nào cần ưu tiên thực hiện ở Việt Nam để bảo đảm sự tuân thủ Điều này?  
Giải thích:

**Ghi chú:**

- Trong UNCAC, việc hình sự hóa hành vi của một chủ thể hối lộ công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công là yêu cầu bắt buộc, còn việc hình sự hóa hành vi của công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công đòi hỏi lộ là quy định tùy nghi.
- Khái niệm “công chức nước ngoài” theo Điều 2(b) UNCAC là: “... bất kỳ người nào giữ một chức vụ về lập pháp, hành pháp, hành chính hay tư pháp của một nước ngoài, bất kể do bầu hay được bổ nhiệm; và bất kỳ người nào thực hiện một chức năng công cho một nước ngoài, kể cả cho cơ quan hay doanh nghiệp công”.
- Khái niệm “công chức của tổ chức quốc tế công” theo Điều 1(c) UNCAC là: “... công chức dân sự quốc tế hoặc bất kỳ người nào khác được một tổ chức quốc tế hoạt động công uỷ quyền hoạt động nhân danh tổ chức đó”.

3. ĐIỀU 17: Tham ô, biển thủ hoặc các dạng chiếm đoạt tài sản khác bởi công chức

- a. Hành vi tham ô, biển thủ hoặc các dạng chiếm đoạt tài sản khác bởi công chức đã được quy định trong Bộ luật Hình sự của Việt Nam hay chưa?  
Đã \_\_\_\_\_ Một phần \_\_\_\_\_ Chưa \_\_\_\_\_  
Giải thích:
- b. Nếu điều này đã được nội luật hóa vào Bộ luật Hình sự của Việt Nam, bị can có buộc phải chứng minh nguồn gốc hợp pháp của tài sản bị nghi ngờ có được do tham nhũng hay không?  
Có \_\_\_\_\_ Không \_\_\_\_\_  
Giải thích:
- c. Những biện pháp nào cần ưu tiên thực hiện ở Việt Nam để bảo đảm sự tuân thủ Điều này?  
Giải thích:

**Ghi chú:**

- Trong UNCAC, việc hình sự hóa hành vi tham ô, biển thủ hoặc các dạng chiếm đoạt tài sản khác bởi công chức là yêu cầu bắt buộc, song việc yêu cầu chứng minh nguồn gốc tài sản bị nghi ngờ có được do tham nhũng là quy định tùy nghi.

4. ĐIỀU 23: Tẩy rửa tài sản do phạm tội mà có

- a. Hành vi rửa tiền có được quy định là tội phạm trong Bộ luật Hình sự của Việt Nam hay không?  
Đã quy định \_\_\_\_\_ Quy định một phần \_\_\_\_\_ Chưa quy định \_\_\_\_\_  
Giải thích:
- b. Danh mục những tội phạm gốc về rửa tiền có tính đến các tội phạm tham nhũng hay không?  
Có \_\_\_\_\_ Không \_\_\_\_\_  
Giải thích:
- c. Những biện pháp nào cần ưu tiên thực hiện ở Việt Nam để bảo đảm sự tuân thủ Điều này?  
Giải thích:

**Ghi chú:**

- Trong UNCAC, các quy định trên là yêu cầu bắt buộc.

5. ĐIỀU 26: Trách nhiệm của pháp nhân

- a. Pháp nhân có phải chịu trách nhiệm với những tội phạm liên quan đến tham nhũng quy định trong pháp luật Việt Nam hay không?  
Phải chịu toàn bộ \_\_\_\_\_ Phải chịu một phần \_\_\_\_\_ Không phải chịu \_\_\_\_\_  
Giải thích:
- b. Trách nhiệm của pháp nhân trong các vụ việc tham nhũng theo pháp luật Việt Nam là trách nhiệm hình sự, dân sự hay hành chính?  
Hình sự \_\_\_\_\_ Dân sự \_\_\_\_\_ Hành chính \_\_\_\_\_  
Giải thích:
- c. Có bao nhiêu doanh nghiệp đã phải nhận chế tài hình sự, dân sự và hành chính do hành vi liên quan đến tham nhũng trong vòng ba năm gần đây ở Việt Nam?  
Chế tài hình sự: \_\_\_\_\_ Chế tài dân sự: \_\_\_\_\_ Chế tài hành chính: \_\_\_\_\_
- d. Những chế tài hình sự, dân sự và hành chính áp dụng với pháp nhân có hành vi liên quan đến tham nhũng ở Việt Nam có tính hiệu quả, tương xứng và tính phòng ngừa hay không?  
Có \_\_\_\_\_ Một phần \_\_\_\_\_ Hoàn toàn không \_\_\_\_\_  
Giải thích:
- e. Những biện pháp nào cần ưu tiên thực hiện ở Việt Nam để bảo đảm sự tuân thủ Điều này? Liệu có nên bổ sung quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong các vụ việc tham nhũng vào luật hình sự Việt Nam không?  
Giải thích:

**Ghi chú:**

- Trong UNCAC, quy định về trách nhiệm của pháp nhân là yêu cầu bắt buộc, song có hay không áp đặt trách nhiệm hình sự với pháp nhân là quy phạm tùy nghi.

6. ĐIỀU 32: Bảo vệ nhân chứng, chuyên gia và nạn nhân

- a. Nhân chứng, chuyên gia, nạn nhân có được bảo vệ một cách thích đáng trong pháp luật Việt Nam hay không? Nếu có, trong những văn bản pháp luật nào (nêu nội dung khái quát của điều khoản liên quan)?  
Có \_\_\_\_\_ Một phần \_\_\_\_\_ Hoàn toàn chưa \_\_\_\_\_  
Giải thích:
- b. Nếu có, sự bảo vệ đó có được áp dụng với cả thân nhân và những người gần gũi với họ hay không?  
Có \_\_\_\_\_ Một phần \_\_\_\_\_ Hoàn toàn chưa \_\_\_\_\_  
Giải thích:
- c. Nếu có, sự bảo vệ đó có được áp dụng một cách bình đẳng cho cả đàn ông và phụ nữ hay không?  
Có \_\_\_\_\_ Một phần \_\_\_\_\_ Hoàn toàn chưa \_\_\_\_\_  
Giải thích:
- d. Những biện pháp nào cần ưu tiên thực hiện ở Việt Nam để bảo đảm sự tuân thủ Điều này?  
Giải thích:

**Ghi chú:**

- Trong UNCAC, các quy định trên là yêu cầu bắt buộc.

7. ĐIỀU 33: Bảo vệ người tố cáo

- a. Người tố cáo có được bảo vệ một cách thích đáng trong pháp luật Việt Nam hay không? Nếu có, bằng những đạo luật cụ thể nào?  
Có \_\_\_\_\_ Một phần \_\_\_\_\_ Hoàn toàn chưa \_\_\_\_\_  
Giải thích:
- b. Nếu có, sự bảo vệ đó có được áp dụng một cách bình đẳng cho cả nam và nữ hay không?  
Có \_\_\_\_\_ Một phần \_\_\_\_\_ Hoàn toàn chưa \_\_\_\_\_  
Giải thích:
- c. Những biện pháp nào cần ưu tiên thực hiện ở Việt Nam để bảo đảm sự tuân thủ Điều này?  
Giải thích:

**Ghi chú:**

- Trong UNCAC, các quy định trên là yêu cầu bắt buộc.

8. ĐIỀU 46(9)(b)&(c): Tương trợ pháp lý trong trường hợp thiếu điều kiện cùng hình sự hóa

- a. Có quy định nào trong pháp luật Việt Nam cho phép thực hiện tương trợ pháp lý trong trường hợp thiếu điều kiện cùng hình sự hóa hay không?  
Có \_\_\_\_\_ Không \_\_\_\_\_  
Giải thích:
- b. Việt Nam có phải đối mặt với những trở ngại trong việc thực hiện và tiếp nhận tương trợ pháp lý trong các vụ việc tham nhũng hay không?  
Có \_\_\_\_\_ Đôi khi \_\_\_\_\_ Không \_\_\_\_\_ Không có thông tin \_\_\_\_\_  
Giải thích:
- c. Những biện pháp nào cần ưu tiên thực hiện ở Việt Nam để bảo đảm sự tuân thủ Điều này?  
Giải thích:

Ghi chú:

- Trong UNCAC, sẽ là một yêu cầu bắt buộc với quốc gia thành viên khi phức đáp yêu cầu tương trợ theo Điều này trong trường hợp thiếu điều kiện cùng hình sự hoá phải cân nhắc đến các mục đích của Công ước này được quy định tại Điều 1 Công ước.

III. VỀ THI HÀNH CÁC QUY ĐỊNH VỀ TỘI PHẠM THAM NHỮNG

(Những câu hỏi trong phần này dành riêng cho các chuyên gia về luật hình sự, tuy nhiên khuyến khích những chuyên gia khác trả lời theo khả năng của mình)

1.

Có điểm nào chưa phù hợp trong cơ chế thực thi các quy định về tội phạm tham nhũng ở Việt Nam?  
Có\_\_\_\_\_ Không\_\_\_\_\_ Không có thông tin \_\_\_\_\_
2.

Xin hãy chỉ ra những điểm chưa phù hợp trong cơ chế thực thi các quy định về tội phạm tham nhũng ở Việt Nam theo những khía cạnh cụ thể dưới đây. Nếu câu trả lời là ‘có’, xin hãy diễn giải ngắn gọn về những hạn chế chính, và nếu có thể, chỉ ra những quy định cụ thể trong pháp luật Việt Nam liên quan đến những hạn chế đó.

Có điểm gì chưa phù hợp trong cơ chế điều tra tội phạm tham nhũng hay không?

Có\_\_\_\_\_ Một phần\_\_\_\_\_ Không \_\_\_\_\_  
Giải thích:

Có điểm gì chưa phù hợp trong việc tổ chức thực thi (Điều 36) hay không?

Có\_\_\_\_\_ Một phần\_\_\_\_\_ Không \_\_\_\_\_  
Giải thích:

Có điểm gì chưa phù hợp trong việc hợp tác giữa cơ quan điều tra và kiểm sát hay không?

Có\_\_\_\_\_ Một phần\_\_\_\_\_ Không \_\_\_\_\_  
Giải thích:

Có điểm gì chưa phù hợp trong việc thành lập những đơn vị chuyên trách trong Viện kiểm sát (Điều 36) hay không?

Có\_\_\_\_\_ Một phần\_\_\_\_\_ Không \_\_\_\_\_  
Giải thích:

Có điểm gì chưa phù hợp liên quan đến bảo đảm tính độc lập của công tố viên và của các cơ quan thực thi pháp luật trong phòng, chống tham nhũng (các Điều 11 và 36) hay không?

Có\_\_\_\_\_ Một phần \_\_\_\_\_ Không\_\_\_\_\_  
Giải thích:

Có điểm gì chưa phù hợp liên quan đến việc bảo đảm các nguồn lực thích đáng cho các cơ quan chuyên trách phòng, chống tham nhũng (Điều 36) hay không?

Có\_\_\_\_\_ Một phần \_\_\_\_\_ Không\_\_\_\_\_  
Giải thích:

Có điểm gì chưa phù hợp liên quan đến việc bảo đảm năng lực của đội ngũ cán bộ trong các cơ quan chuyên trách phòng chống tham nhũng (Điều 36) hay không?

Có\_\_\_\_\_ Một phần \_\_\_\_\_ Không\_\_\_\_\_  
Giải thích:

Có điểm gì chưa phù hợp liên quan đến cơ chế tố cáo tham nhũng (Điều 13) hay không?

Có\_\_\_\_\_ Một phần \_\_\_\_\_ Không\_\_\_\_\_  
Giải thích:

3.

Theo anh/chị, đã có vụ việc tham nhũng nào ở Việt Nam mà quá trình điều tra bị gây trở ngại hoặc bị cho ‘chìm xuống’ vì những lý do không thích đáng không?  
Có\_\_\_\_\_ Không\_\_\_\_\_ Không có thông tin \_\_\_\_\_  
Giải thích:

Ghi chú:

- Trong UNCAC, việc thành lập cơ quan chuyên trách hoặc đội ngũ cán bộ đấu tranh chống tham nhũng cùng với việc đào tạo, cung cấp nguồn lực và bảo đảm cho họ có sự độc lập cần thiết để có thể thực hiện nhiệm vụ một cách có hiệu quả và không phải chịu những áp lực bất hợp pháp là yêu cầu bắt buộc.
- Điều 11 UNCAC (Các biện pháp liên quan đến hoạt động truy tố và xét xử): (1). Luôn ghi nhớ sự độc lập và vai trò quan trọng của hoạt động xét xử trong đấu tranh chống tham nhũng, mỗi quốc gia thành viên của Công ước, trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của luật pháp nước mình và không ảnh hưởng đến tính độc lập trong hoạt động xét xử, áp dụng các biện pháp tăng cường tính liêm khiết cho cán bộ toà án và phòng ngừa những cơ hội tham nhũng đến với họ. Những biện pháp này có thể bao gồm việc ban hành bộ quy tắc ứng xử cho cán bộ toà án; (2) Những biện pháp có tác dụng tương tự được áp dụng theo khoản 1 của Điều này có thể được ban hành và áp dụng trong cơ quan công tố ở những quốc gia thành viên mà cơ quan công tố không trực thuộc hệ thống toà án mà có vị trí độc lập như hệ thống toà án.
- Điều 36 UNCAC (Cơ quan chuyên trách): Mỗi quốc gia thành viên, căn cứ vào các nguyên tắc căn bản của pháp luật quốc gia, đảm bảo có cơ quan chuyên trách hoặc đội ngũ cán bộ đấu tranh chống tham nhũng thông qua việc thực thi pháp luật. Họ có sự độc lập cần thiết, căn cứ vào các nguyên tắc căn bản của pháp luật của quốc gia thành viên, để có thể thực hiện nhiệm vụ một cách có hiệu quả và không phải chịu những áp lực bất hợp pháp. Đội ngũ cán bộ của các cơ quan này phải được đào tạo và cung cấp nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ.

IV. VỀ THỰC TẾ MỘT SỐ VỤ VIỆC ĐIỂN HÌNH

(Những câu hỏi trong phần này dành riêng cho các chuyên gia làm việc tại một số cơ quan tư pháp, cơ quan nghiên cứu và cơ quan phòng, chống tham nhũng; tuy nhiên khuyến khích những chuyên gia khác trả lời theo khả năng của mình)

1.

Xin hãy nêu số vụ tham nhũng xảy ra ở Việt Nam trong ba năm gần đây mà anh/chị biết, theo từng loại như bảng dưới đây:

|                                                                                | Truy tố<br>(đang hoặc đã kết thúc) | Giải quyết | Kết án | Tuyên trắng án | Hủy án | Chờ giải quyết |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|------------|--------|----------------|--------|----------------|
| Hối lộ công chức quốc gia (Điều 15(a))                                         |                                    |            |        |                |        |                |
| Công chức quốc gia đòi, nhận hối lộ (Điều 15(b))                               |                                    |            |        |                |        |                |
| Hối lộ công chức nước ngoài (Điều 16)                                          |                                    |            |        |                |        |                |
| Công chức nước ngoài đòi, nhận hối lộ (Điều 16)                                |                                    |            |        |                |        |                |
| Tham ô, biển thủ hoặc các dạng chiếm đoạt tài sản khác bởi công chức (Điều 17) |                                    |            |        |                |        |                |
| Làm giàu bất hợp pháp (Điều 20)                                                |                                    |            |        |                |        |                |
| Tẩy rửa tài sản do phạm tội mà có (Điều 23)                                    |                                    |            |        |                |        |                |

2.

Xin hãy cung cấp những thông tin dưới đây với mỗi dạng vụ việc:
  - Thông tin về bất kỳ vụ án nào đã khởi tố hoặc các vụ việc hành chính quan trọng khác. Để xác định một vụ việc là quan trọng, có thể dùng tiêu chí như vụ việc đó đòi hỏi sự hợp tác của nhiều quốc gia để giải quyết, hoặc liên quan đến một quan chức cao cấp, hay gắn với những tài sản lớn, hoặc tính chất nghiêm trọng của vụ việc.
  - Nếu có nhiều vụ việc diễn ra, xin hãy chọn ra 10 vụ việc quan trọng nhất.
  - Xin hãy chỉ ra nguồn thông tin tham khảo với mỗi vụ việc.

- 1. Tên vụ việc, bao gồm tên các bên liên quan
- 2. Ngày khởi tố vụ án
- 3. Tóm tắt những cáo buộc chính trong cáo trạng
- 4. Các hình phạt hoặc hình thức chế tài khác đã được áp dụng
- 5. Thực trạng về vụ án, bao gồm ngày dự kiến đưa ra xét xử sơ thẩm hoặc phúc thẩm.
- 6. Anh/chị có biết bất kỳ trở ngại nào với việc xử lý vụ việc?
- 7. Theo anh/chị trong các vụ việc nói trên có điểm chung nổi bật nào không? Nếu có thì đó là gì?

V. TIẾP CẬN THÔNG TIN VỀ CÁC VỤ VIỆC THAM NHỮNG

(Những câu hỏi trong phần này dành cho tất cả)

- 1. Những thông tin nêu ở bảng 2 (Mục IV) có được công khai cho công chúng tiếp cận không?  
Có \_\_\_\_\_ Một phần \_\_\_\_\_ Không \_\_\_\_\_  
Nếu trả lời ‘không’ hoặc ‘một phần”, xin hãy nêu những lý do chính thức hoặc lý do khác của việc đó. Nếu trả lời có, xin hãy nêu hình thức công khai thông tin mà anh/chị biết, ví dụ qua báo viết, báo hình, báo điện tử....?
- 2. Có thể tiếp cận những thông tin chi tiết về vụ việc được không?  
Có \_\_\_\_\_ Một phần \_\_\_\_\_ Không \_\_\_\_\_  
Nếu trả lời ‘không’ hoặc ‘một phần”, xin hãy nêu những lý do chính thức hoặc lý do khác của việc đó. Nếu trả lời có, xin hãy nêu hình thức tiếp cận thông tin của anh/chị, ví dụ qua báo viết, báo hình, báo điện tử....?

VI. VỀ NHỮNG SỰ PHÁT TRIỂN ĐÁNG CHÚ Ý GẦN ĐÂY Ở VIỆT NAM LIÊN QUAN ĐẾN PHÒNG, CHỐNG THAM NHỮNG

(Những câu hỏi trong phần này dành cho tất cả)

Xin hãy nêu những phát triển trong vòng 3 năm trở lại đây ở Việt Nam liên quan đến những khía cạnh được đề cập trong bảng hỏi này, hoặc bất kỳ khía cạnh nào khác mà liên quan đến việc thực thi các Chương III và IV của Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng, ví dụ, những chính sách, quy định, văn bản pháp luật mới, hay những thay đổi về cơ chế...

VII. TÓM TẮT NHỮNG HÀNH ĐỘNG CẦN ƯU TIÊN THỰC HIỆN Ở VIỆT NAM

(Những câu hỏi trong phần này dành cho tất cả)

Xin hãy liệt kê theo thứ tự về tầm quan trọng những hành động cần thiết nhất mà Chính phủ Việt Nam cần làm để thúc đẩy việc thực thi và tuân thủ Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng trong thời gian tới.

Xin xem xét những khuyến nghị mà anh/chị đã nêu ở phần II để hoàn thành bảng liệt kê này.

PHỤ LỤC 2 DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CỦA CÁC CHUYÊN GIA THAM GIA KHẢO SÁT

- 1. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
  - a. Khoa Nhà nước-Pháp luật, Học viện Hành chính Quốc gia
  - b. Khoa Nhà nước-Pháp luật, Học viện Khu vực I
  - c. Khoa Nhà nước-Pháp luật, Học viện Khu vực II
  - d. Khoa Nhà nước-Pháp luật, Học viện Báo chí-Tuyên truyền
  - e. Viện Chính trị học
  - f. Viện Nghiên cứu Quyền con người
  - g. Viện Nhà nước và Pháp luật
- 2. Đại học Luật Hà Nội
  - a. Khoa Luật Hình sự
  - b. Khoa Luật Kinh tế
- 3. Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh
  - a. Khoa Luật Hình sự
  - b. Khoa Luật Hành chính
- 4. Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội
  - a. Bộ môn Luật Hình sự
  - b. Bộ môn Luật Hành chính-Hiến pháp
  - c. Bộ môn Luật Quốc tế
  - d. Trung tâm Leress
  - e. Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người-Quyền công dân
  - f. Trung tâm Nghiên cứu Tội phạm học và Tư pháp hình sự
  - g. Trung tâm Luật so sánh
- 5. Khoa Luật Đại học Huế
- 6. Viện Nhà nước-Pháp luật thuộc Học viện Khoa học-Xã hội Nhân văn Quốc gia
- 7. Viện Nghiên cứu Lập pháp (Văn phòng Quốc hội)
- 8. Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng, Chống Tham nhũng
- 9. Thanh tra Chính phủ
  - a. Viện Khoa học Thanh tra
  - b. Cục Chống Tham nhũng
- 10. Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao
  - a. Trường đào tạo cán bộ kiểm sát
  - b. Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án tham nhũng.

# PHỤ LỤC 3

## MÔ TẢ TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG BÁO CÁO

- 11. Tòa án Nhân dân Tối cao
  - a. Ban Thư ký
  - b. Báo Người bảo vệ Công lý
- 12. Bộ Tư pháp
  - a. Vụ Pháp luật Hình sự-Hành chính
  - b. Tạp chí Dân chủ và Pháp luật
  - c. Ban Thư ký
- 13. Bộ Công an
  - a. Cục tham mưu cảnh sát quản lý hành chính, Tổng cục VII
  - b. Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ
  - c. Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng
- 14. Văn phòng Hội Luật gia Việt Nam
- 15. Văn phòng Liên đoàn Luật sư Việt Nam
- 16. Văn phòng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

- Một cách khái quát, tiến trình xây dựng báo cáo này bao gồm các bước đi, hoạt động theo trình tự thời gian như sau:
- 1. Nhóm tư vấn nghiên cứu các tài liệu liên quan đến cơ chế đánh giá việc thực thi và những tài liệu có liên quan do TI xây dựng (TT cung cấp) để lên kế hoạch xây dựng báo cáo. Kế hoạch xây dựng báo cáo sau đó được TT xem xét, góp ý hoàn thiện trước khi được triển khai bởi nhóm tư vấn. Hoạt động này được thực hiện và hoàn thành vào tuần thứ ba của tháng 5/2011.
  - 2. Cũng dựa trên việc nghiên cứu các tài liệu nêu ở mục 1, nhóm tư vấn đề xuất các vấn đề, nội dung sẽ được khảo sát trong phạm vi báo cáo này và danh sách các cơ quan, tổ chức sẽ có chuyên gia được mời tham gia quá trình tham vấn (xem danh sách ở Phụ lục 2). Nội dung khảo sát và danh sách này sau đó được tham vấn với đại diện của TT, UNDP Hà Nội và một số chuyên gia đang làm việc ở Thanh tra Chính phủ, một số cơ sở học thuật và tổ chức chính trị-xã hội có liên quan đến vấn đề này để sửa đổi và hoàn thiện. Sau khi nghiên cứu và tiếp thu các ý kiến góp ý, nhóm tư vấn quyết định sử dụng mẫu bảng hỏi của TI (đã được áp dụng ở hơn 30 quốc gia trên thế giới), với một số điều chỉnh nhất định cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh đặc thù của Việt Nam (xem mẫu bảng hỏi ở Phụ lục 1). Bảng hỏi sửa đổi sau đó được TT thông qua để sử dụng trong cả ba hình thức khảo sát. Hoạt động này được thực hiện và hoàn thành trong tuần thứ tư của tháng 5/2011.
  - 3. Dựa trên bảng hỏi đã được TT chấp thuận, nhóm tư vấn lên kế hoạch phỏng vấn sâu và chương trình hội thảo. Về cơ bản, nội dung phỏng vấn sâu và chương trình hội thảo cũng xoay quanh các vấn đề, nội dung được đề cập trong bảng hỏi, với mục đích khai thác những kiến thức, thông tin chuyên sâu hơn mà khó hoặc không thể thu được qua việc điền bảng hỏi. Ngoài ra, như đã trình bày ở trên, phỏng vấn sâu và hội thảo còn nhằm làm rõ những khía cạnh có liên quan nhưng chưa được đề cập trong bảng hỏi, hay đã được đề cập nhưng thông tin hồi đáp thu được không cụ thể hoặc có sự không thống nhất. Cũng trong bước này, nhóm tư vấn tiến hành thu thập các tài liệu tham khảo khác cần thiết cho việc kiểm tra tính chính xác và bổ sung những thông tin thu được từ các hoạt động khảo sát. Hoạt động này được thực hiện và hoàn thành trong tuần thứ nhất của tháng 6/2011.
  - 4. Cũng trong tuần đầu của tháng 6/2011, nhóm tư vấn tiến hành lên danh sách và liên hệ với các chuyên gia dự kiến sẽ được mời tham gia các hoạt động khảo sát. So với dự kiến ban đầu, có một số chuyên gia ở một số cơ quan, tổ chức không nhận lời tham gia vì một số lý do (quá bận công việc, đi công tác vắng hoặc không quan tâm/không có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực này..). Để bảo đảm tính tin cậy của kết quả khảo sát, nhóm tư vấn đã liên hệ bổ sung một số chuyên gia ở các cơ quan, tổ chức khác.
  - 5. Quá trình xin tham vấn bằng bảng hỏi diễn ra trong các tuần thứ 2-4 của tháng 6/2011 (qua email, kết hợp gọi điện thoại để trao đổi và thông báo). Việc xử lý thông tin thu được từ bảng hỏi được nhóm tư vấn thực hiện từ tuần thứ ba cho đến hết tháng 6/2011. Những thông tin thu được qua xử lý bảng hỏi được sử dụng ngay vào việc hoàn thiện kế hoạch phỏng vấn sâu và chương trình hội thảo, đồng thời giúp nhóm tư vấn chuẩn bị soạn thảo báo cáo này.

# TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

6. Đồng thời với quá trình tham vấn bằng bảng hỏi, trong tuần thứ 4 của tháng 6/2011, nhóm tư vấn bắt đầu thực hiện phỏng vấn sâu các chuyên gia ở khu vực phía Bắc (Hà Nội) (chủ yếu là trực tiếp, có một người được phỏng vấn thông qua điện thoại và email do điều kiện công tác không thu xếp cuộc gặp được).
7. Hội thảo tham vấn được tổ chức vào ngày 29/6/2011 bởi Trung tâm Luật so sánh trực thuộc Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, với sự hỗ trợ và hướng dẫn kỹ thuật của nhóm tư vấn. Hội thảo có sự tham gia của nhiều chuyên gia là những nhà nghiên cứu, giảng viên chuyên ngành luật hình sự và những nhà quản lý đang làm việc cho các trường đại học luật, viện nghiên cứu pháp luật và một số cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội có liên quan của Việt Nam (xem danh sách các cơ quan, tổ chức ở Phụ lục 2). Tại hội thảo, các đại biểu đã tranh luận sôi nổi về hầu hết các vấn đề nêu trong bảng hỏi. Bên cạnh đó, có tổng cộng 11 bài viết được gửi tới hội thảo, cung cấp những phân tích chuyên sâu và có tính hệ thống về nhiều nội dung được khảo sát. Cũng trong hội thảo, các đại biểu đã được thông tin về tiến trình và phương thức thực hiện tự đánh giá UNCAC nói chung và ở Việt Nam nói riêng, cũng như về vai trò và các hoạt động của Thanh tra Chính phủ và TT trong tiến trình này ở Việt Nam.
8. Tiếp tục hoạt động phỏng vấn sâu, nhóm tư vấn đã có hai chuyến công tác vào Huế và TP.HCM trong tuần 1 và 2 tháng 7/2011. Tại Huế, nhóm đã phỏng vấn một số chuyên gia pháp luật đang công tác tại Khoa Luật Đại học Huế và của Văn phòng Quốc Hội (đang dự một hội thảo do Viện Nghiên cứu Lập pháp tổ chức tại Huế). Tại TP.HCM, nhóm tiếp tục phỏng vấn thêm một số chuyên gia nữa điều công tác tại Đại học Luật TP.HCM.
9. Việc viết báo cáo được nhóm tư vấn khởi động từ đầu tháng 7/2011. Dự thảo một được hoàn thành khi kết thúc tuần thứ hai của tháng 7/2011 và được gửi lấy ý kiến tư vấn của TT. Dự thảo 2 (sửa chữa dựa trên những góp ý của TT) được hoàn thành vào ngày 29/7/2011 và được gửi cho Thanh tra Chính phủ và UNDP Hà Nội để lấy ý kiến góp ý. Dựa trên những ý kiến góp ý của Thanh tra Chính phủ và UNDP Hà Nội, nhóm tư vấn hoàn thiện báo cáo cuối cùng gửi TT vào ngày 10/8/2011.

1. Transparency International, Global Corruption Report 2003: Special Focus: Access to Information, London: Profile Books.
2. Privacy International, Freedom of Information Around the World 2006: A Global Survey of Access to Government Information Laws (tại <http://www.privacyinternational.org/foi/survey>)
3. Privacy International (2009), Global Freedom of Information Map (tại <http://www.privacyinternational.org/index.shtml>).
4. UNESCO, Freedom of Information – A Comparative Legal Survey, Toby Mendel, tái bản lần thứ 2, 2008.
5. GS.TSKH Lê Cẩm, Tổng quan về pháp luật Việt Nam về đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tham luận trình bày tại Hội thảo về “Hình sự hoá và thực thi pháp luật về chống tham nhũng trong Công ước của Liên hợp quốc và pháp luật Việt Nam” do Trung tâm Luật so sánh, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức ngày 29/6/2011.
6. TS Hoàng Văn Hùng, Nghiên cứu so sánh các quy định của tội nhận hối lộ trong Luật hình sự Việt Nam và Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng, tham luận tại Hội thảo kể trên.
7. TS Trịnh Tiến Việt, Nghiên cứu so sánh các quy định về tội hối lộ và môi giới hối lộ trong Luật hình sự Việt Nam và Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng, tham luận tại Hội thảo kể trên.
8. Ths Trần Thu Hạnh, Tham ô hoặc các dạng chiếm đoạt tài sản khác do người có chức vụ thực hiện trong Luật Hình sự Việt Nam và một số kiến nghị, tham luận tại Hội thảo kể trên.
9. TS Đỗ Đức Hồng Hà, Tội rửa tiền trong Luật Hình sự Việt Nam: Những vấn đề lý luận và thực tiễn, tham luận tại Hội thảo kể trên.
10. TS Trịnh Quốc Toàn, Trách nhiệm hình sự của pháp nhân: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, tham luận tại Hội thảo kể trên.
11. TS Phạm Mạnh Hùng, Vấn đề bảo vệ nhân chứng, chuyên gia, nạn nhân, người tố giác, tham luận tại Hội thảo kể trên.
12. Ths Nguyễn Tiến Vinh, Tương trợ pháp lý trong trường hợp thiếu điều kiện cùng hình sự hoá, tham luận tại Hội thảo kể trên.
13. TS Nguyễn Ngọc Chí, Cơ chế xử lý các hành vi tham nhũng ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng, bắt cập và giải pháp, tham luận tại Hội thảo kể trên.
14. PGS.TS Trần Văn Luyện, Thực trạng và những giải pháp tăng cường việc thực thi và tuân thủ Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay, tham luận tại Hội thảo kể trên.
15. TS. Trần Nho Thìn, Thực trạng và những giải pháp tăng cường việc thực thi và tuân thủ Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng, tham luận tại Hội thảo kể trên.
16. TS Nguyễn Văn Hương, Vấn đề hình sự hoá quy định của Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng ở Việt Nam, tham luận tại Hội thảo kể trên.
17. UNDP/SNV: “Khóa lấp sự cách biệt: Xã hội dân sự mới nổi tại Việt Nam”, Irene Norlund, 2007.
18. Nguyễn Thị Kiều Viễn (và đồng sự), Báo cáo nghiên cứu: Vai trò và sự tham gia của xã hội dân sự trong phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam: Đề xã hội dân sự thực sự trở thành ‘con mắt’ và ‘cây gậy’ của dân, Hà Nội, tháng 8/2009, cập nhật tháng 3/2010.
19. Vũ Công Giao, Phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam: Triển vọng và thách thức nhìn từ góc độ quyền tiếp cận thông tin, Báo cáo tổng quan đề tài nghiên cứu cấp Khoa, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009
20. Vũ Công Giao, Cơ chế và việc hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận thông tin ở Việt Nam, Kỷ yếu Hội thảo Việt Nam học lần thứ 3, Hà Nội, tháng 3/2008.
21. Vũ Công Giao – Nguyễn Đăng Dung, Dự thảo Luật tiếp cận thông tin của Việt Nam: Phân tích so sánh với Luật mẫu của ARTICLE 19, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, tháng 4/2009.
22. Phạm Hồng Hải, Pháp nhân có thể là chủ thể của tội phạm không? Tạp chí Luật học số 6/1999
23. Trịnh Quốc Toàn, Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Luật hình sự nước Anh, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội (Kinh tế-Luật), số 3/2002;
24. Trịnh Quốc Toàn, Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Luật hình sự Vương quốc Bỉ, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội (Kinh tế-Luật), số 3/2003;

25. Trịnh Quốc Toàn, Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Luật hình sự nước Hà Lan, Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 2/2003; Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Luật hình sự Cộng hòa Pháp, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 10/2004.
26. Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội, Tiếp cận thông tin: Pháp luật và thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 7/2011.
27. Dự thảo Luật tiếp cận thông tin (Dự thảo 4) tại <http://duthaoonline.quochoi.vn/du-thao-luat/du-thao-luat-tiep-can-thong-tin>.
28. Quyết định số 776/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ (tại <http://www.chinhphu.vn/portal>)
29. Quyết định số 950/2009/QĐ-CTN ngày 30/6/2009 của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam về việc phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (tại <http://www.vietlaw.gov.vn/LAWNET/index.html> hoặc <http://www.thuvienphapluat.vn/archive/Quyết-dinh/Quyết-dinh-950-2009-QĐ-CTN-phe-chuan-Cong-uoc-Lien-hop-quoc-ve-chong-tham-nhung-vb125436t17.aspx>)
30. Dự thảo Luật tố cáo (tại <http://duthaoonline.quochoi.vn/du-thao-luat/du-thao-luat-to-cao>);
31. Dự thảo Luật khiếu nại (tại <http://duthaoonline.quochoi.vn/du-thao-luat/du-thao-luat-khieu-nai>).
32. Một số bài viết trên báo mạng về vụ PMU 18 (tại <http://tuoitre.vn/Chu-de/545/PMU-18.html>; <http://vietbao.vn/tp/Con-bac-trieu-do-vu-PMU18/700790/>..)
33. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Huỳnh Ngọc Sĩ (tại <http://www.tienphong.vn/Topic/Index.html?TopicID=312>; <http://search.vnexpress.net/news?s=Hu%E1%BB%B3nh+Ng%E1%BB%8Dc+S%C4%A9&g=66FD8EC7-FA76-4A7C-8FE3-DB605B4C9CE0&butS=yes>; <http://laodong.com.vn/Theo-dong-su-kien/Huynh-Ngoc-Sy-ra-toa-vi-toi-nhan-hoi-lo/58...> )
34. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Lương Phượng Các (tại <http://www.cand.com.vn/News/Search.aspx?SearchTerm=L%C6%B0%C6%A1ng%20Ph%C6%B0%E1%BB%A3ng%20C%C3%A1c>; <http://www.tin247.com/l%C6%B0%C6%A1ng+ph%C6%B0%E1%BB%A3ng+c%C3%A1c.html>; [http://tintuc.xalo.vn/l%C6%B0%C6%A1ng\\_Ph%C6%B0%E1%BB%A3ng\\_C%C3%A1c...](http://tintuc.xalo.vn/l%C6%B0%C6%A1ng_Ph%C6%B0%E1%BB%A3ng_C%C3%A1c...)).
35. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Trần Ngọc Sương (tại <http://laodong.com.vn/Tim-kiem?q=Tr%E1%BA%A7n+Ng%E1%BB%8Dc+S%C6%B0%C6%A1ng>; <http://tuoitre.vn/Chu-de/1170/Nong-truong-song-Hau.html>..).
36. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Trần Văn Khánh (tại <http://www.sggp.org.vn/phapluat/2007/12/134757/>; [http://tim.vietbao.vn/Tr%E1%BA%A7n\\_V%C4%83n\\_Kh%C3%A1nh/](http://tim.vietbao.vn/Tr%E1%BA%A7n_V%C4%83n_Kh%C3%A1nh/); <http://laodong.com.vn/Tim-kiem?q=%22tr%E1%BA%A7n+v%C4%83n+kh%C3%A1nh%22...>)
37. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Cao Minh Huệ (tại <http://laodong.com.vn/Home/Bat-tam-giam-nguyen-Giam-doc-So-Tai-nguyen--Moi-truong-Binh-Duong/200910/161407.laodong>; [http://tim.vietbao.vn/Cao\\_Minh\\_Hu%E1%BB%87/](http://tim.vietbao.vn/Cao_Minh_Hu%E1%BB%87/) ; <http://www.tin247.com/cao+minh+hu%E1%BB%87.html>)
38. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Công ty cổ phần nông nghiệp rừng Tây Nguyên thuộc Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam (tại <http://dantri.com.vn/c25/s20-464571/de-nghi-truy-to-nguyen-pho-chanh-van-phong-tinh-uy-dak-lak.htm>; <http://vietbao.vn/An-ninh-Phap-luat/Khoi-to-cuu-lanh-dao-Cong-ty-co-phan-rung-Tay-Nguyen/20872558/218/> ; <http://f.tin247.com/21390463/B%C3%A1o+c%C3%A1o+Ch%C3%ADnh+ph%E1%BB%A7+v%E1%BB%81+sai+ph%E1%BA%A1m+t%E1%BA%A1i+Cty+C%C3%B4ng+nghi%E1%BB%87p+R%E1%BB%ABng+T%C3%A2y+Nguy%C3%AAn.html>).
39. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Lương Hoài Nam (tại <http://tuoitre.vn/Chinh-tri-Xa-hoi/357266/Bat-tam-giam-ong-Luong-Hoai-Nam---nguyen-Tong-giam-doc-Jetstar-PacificnbspAirlines.html>; <http://vtc.vn/7-267750/phap-luat/dinh-chi-dieu-tra-voi-ong-luong-hoai-nam-nguyen-tgd-jpa.htm...>).
40. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Đoàn Tiến Dũng (tại [http://tintuc.xalo.vn/%C3%94ng\\_%C4%90%C3%A0n\\_Ti%E1%BA%BFn\\_D%C5%A9ng](http://tintuc.xalo.vn/%C3%94ng_%C4%90%C3%A0n_Ti%E1%BA%BFn_D%C5%A9ng); <http://nld.com.vn/20100929122632387p0c1019/doan-tien-dung-hau-toa.htm...>).
41. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Nguyễn Anh Tuấn (tại <http://www.baomoi.com/Group/1004130.epi>; <http://m.baodatviet.vn/Home/phapluat/Mien-to-cho-ba-bi-can-buon-ngoai-te-thua-lo-500-ty-dong/20096/47374.datviet..>)
42. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Nguyễn Đình Thản (tại [http://tim.vietbao.vn/Nguy%E1%BB%85n\\_%C4%90%C3%ACnh\\_Th%E1%BA%A3n/](http://tim.vietbao.vn/Nguy%E1%BB%85n_%C4%90%C3%ACnh_Th%E1%BA%A3n/); <http://tuoitre.vn/Chinh-tri-xa-hoi/Phap-luat/198639/Nguyen-giam-doc-Nguyen-Dinh-Than-nhan-hoi-lo-gan-13-ti-dong.html...>).
43. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Trần Xuân Đính (tại [http://tim.vietbao.vn/Tr%E1%BA%A7n\\_](http://tim.vietbao.vn/Tr%E1%BA%A7n_)

Xu%C3%A2n\_%C4%90%C3%ADnh/

44. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Trần Lệ Thủy, Hoàng Trung Thông (tại <http://m.baodatviet.vn/Home/phapluat/Hai-chi-em-cung-linh-an-chung-than/20117/157045.datviet>; <http://www.vietnamplus.vn/Home/2-an-chung-than-trong-vu-an-rut-ruot-BIDV-Dong-Do/20117/98220.vnplus...>).
45. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Đặng Nam Trung (tại <http://www.tin247.com/%C4%91%E1%BA%B7ng+nam+trung.html>; <http://tuoitre.vn/Chinh-tri-xa-hoi/Phap-luat/204772/%E2%80%9CKy-an%E2%80%9D-Dang-Nam-Trung-hoan-xu-lan-3.html...>).
46. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Vũ Đình Thuần (tại <http://www.tin247.com/v%C5%A9+%C4%91%C3%ACnh+thu%E1%BA%A7n.html>; <http://vnexpress.net/gl/phap-luat/2010/01/3ba17dd1/...>).
47. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Tập đoàn kinh tế VINASHIN (tại <http://vnexpress.net/gl/kinh-doanh/2011/06/vinashin-lo-no-nhieu-hon-bao-cao/>; <http://vneconomy.vn/20110603044755359p0c5/thuc-lo-cua-vinashin-gap-3-lan-bao-cao.htm>; <http://tuoitre.vn/Chinh-tri-Xa-hoi/387933/Vinashin-no-hon-80000-ti-dong.html>; <http://www.cand.com.vn/vi-VN/phapluat/2011/6/150994.cand>; <http://tuoitre.vn/Chinh-tri-xa-hoi/Phap-luat/443053/Truy-na-quoc-te-nguyen-tong-giam-doc-tai-chinh-Vinashin.html...>).
48. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Nguyễn Lâm Thái (tại <http://dantri.com.vn/c36/s20-233386/sieu-lua-nguyen-lam-thai-linh-26-nam-tu-giam.htm>; <http://tuoitre.vn/Chinh-tri-xa-hoi/Phap-luat/280982/Nguyen-Lam-Thai-keu-khong-lua-cac-buu-dien.html>).
49. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Nguyễn Đức Chi (tại <http://vnn.vietnamnet.vn/xahoi/phapluat/2005/06/462373/>; <http://vnexpress.net/gl/phap-luat/2008/01/3b9feb3e/>; <http://www.tienphong.vn/Topic/Index.html?TopicID=51>)
50. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Nguyễn Quốc Sơn (tại <http://www.tin247.com/%C3%B4ng+nguy%E1%BB%85n+qu%E1%BB%91c+s%C6%A1n.html>; <http://hanoimoi.com.vn/newsdetail/Phap-luat/307317/khoi-to-them-4-can-bo-xa-hai-boi-huyen-%C4%91ong-anh.htm>).
51. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Dương Văn Mai và Tống Văn Dư (tại [http://tintuc.xalo.vn/00-260160377/Truy\\_na\\_Tong\\_Van\\_Du\\_va\\_Duong\\_Van\\_Mai.html](http://tintuc.xalo.vn/00-260160377/Truy_na_Tong_Van_Du_va_Duong_Van_Mai.html); [http://www.tin247.com/dieu\\_tra\\_vu\\_trung\\_ta\\_cong\\_an\\_nhan\\_hoi\\_lo\\_15\\_ti\\_dong-6-21733096.html](http://www.tin247.com/dieu_tra_vu_trung_ta_cong_an_nhan_hoi_lo_15_ti_dong-6-21733096.html)).
52. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Công Phượng Toàn (tại <http://www.tin247.com/c%C3%B4ng+ph%C6%B0%C6%A1ng+to%C3%A0n.html>; <http://www.anninhthudo.vn/An-ninh-doi-song/Chi-tiet-vu-bat-nguyen-Chu-tich-phuong-Phu-Thuong/322238.antd>)
53. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Công ty xăng dầu Hàng không (tại <http://giadinh.net.vn/22432p0c1005/10-quan-chuc-cong-ty-xang-dau-hang-khong-viet-nam-hau-toa.htm>; <http://vietbao.vn/An-ninh-Phap-luat/Tam-giam-ke-toan-Cong-ty-Xang-dau-hang-khong/40071302/218/>).
54. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Công ty cao su Phú riêng (tại <http://f.tin247.com/21484763/Nguy%C3%AA+n+Gi%C3%A1m+%C4%91%E1%BB%91c+C%C3%B4ng+ty+cao+su+Ph%C3%BA+Ri%E1%BB%81ng+l%C3%A3nh+%C3%A1n.html>; <http://vietbao.vn/Xa-hoi/Nguyen-Giam-doc-Cong-ty-Cao-su-Phu-Rieng-lai-ra-toa/20869003/157/>).
55. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Dương Xuân Tuý (tại <http://www.tin247.com/d%C6%B0%C6%A1ng+xu%C3%A2n+t%C3%BAy.html>; <http://antg.cand.com.vn/vi-vn/vuan/2006/3/66994.cand>; [http://tim.vietbao.vn/D%C6%B0%C6%A1ng\\_Xu%C3%A2n\\_T%C3%BAy/](http://tim.vietbao.vn/D%C6%B0%C6%A1ng_Xu%C3%A2n_T%C3%BAy/)).
56. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Nguyễn Thanh Thủy (tại <http://f.tin247.com/45325/B%E1%BA%AFt+nguy%C3%AA+n+Ph%C3%B3+TBT+B%C3%A1o+Ng%C6%B0%E1%BB%9Di+cao+tu%E1%BB%95i+chi%E1%BA%BFm+ti%E1%BB%81n+c%E1%BB%A7a+b%C3%A1o.html>; <http://baodatviet.vn/Home/phapluat/Khoi-to-hai-nguyen-lanh-dao-bao-Nguoi-cao-tuoi/20096/43805.datviet>).
57. Một số bài viết trên báo mạng về vụ Nguyễn Văn Huân (tại <http://www.baomoi.com/De-nghi-truy-to-36-doi-tuong-trong-vu-xuat-khong-khoang-2-trieu-tan-than/58/2963013.epi>; <http://tuoitre.vn/Chinh-tri-xa-hoi/Phap-luat/272022/Tam-giam-hai-giam-doc-cung-ung-tau-bien-Cua-Ong-Hon-Gai.html>).
58. Một số bài viết trên báo mạng về vụ nghi án hồi lộ Securrency (tại <http://tuoitre.vn/The-gioi/349043/Securrency-dinh-chi-cong-tac-hai-quan-chuc.html>; <http://www.baomoi.com/Vu-Securrency-WB-cung-cap-thong-tin-tai-khoan-nuoc-ngoai-cua-mot-so-nguoi-Viet/122/5267531.epi>; [http://tintuc.xalo.vn/00-214067405/Thanh\\_tra\\_Chinh\\_phu\\_noi\\_gi\\_ve\\_vu\\_Securrency\\_lobby\\_in\\_tien\\_polymer.html?mode=print](http://tintuc.xalo.vn/00-214067405/Thanh_tra_Chinh_phu_noi_gi_ve_vu_Securrency_lobby_in_tien_polymer.html?mode=print))

Transparency International  
Ban thư ký quốc tế  
Alt-Moabit 96  
10559 Berlin  
Germany

ĐT: +49 30 34 38 200  
Fax: +49 30 34 70 3912

Email: [ti@transparency.org](mailto:ti@transparency.org)  
Web: [www.transparency.org](http://www.transparency.org)

Tổ chức Hướng tới Minh bạch  
Cơ quan đầu mối quốc gia của TI tại  
Việt Nam  
51A Nguyễn Khắc Hiếu  
Ba Đình, Hà Nội  
Việt Nam

ĐT: +84 (04) 3715 3532  
Fax: +84 (04) 3715 3443

Email: [info@towardstransparency.vn](mailto:info@towardstransparency.vn)  
Web: [www.towardstransparency.vn](http://www.towardstransparency.vn)